

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3 điểm)**Câu 1:** Số phần tử của tập hợp $A = \{1; 5; 6; 8; 10\}$ là:

- A) 10 B) 4 C) 5 D) 2

Câu 2: Điền số thích hợp vào dấu * để số $8*50$ chia hết cho cả 2, 3, 5, 9?

- A. 5 B. 9 C. 3 D. 0.

Câu 3: Kết quả của phép tính $3^4 \cdot 3^2 = ?$

- A. 3^6 B. 3^2 C. 3^8 D. 3^3

Câu 4: Trong các số: 2; 3; 6; 8 số nào là ước chung của 6 và 16 ?

- A. 3 B. 2 C. 6 D. 8

Câu 5: BCNN (15, 30, 60) là:

- A. 30 B. 60 C. 45 D. 150

Câu 6: Số đối của số 3 là:

- A. 3 B. -6 C. 1 D. -3

Câu 7: Tổng các số nguyên x thỏa mãn $-5 < x < 5$ là:

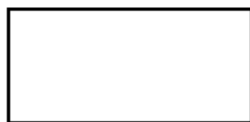
- A. -5. B. 0. C. -10. D. 10.

Câu 8: Tập hợp các ước của 6 là:

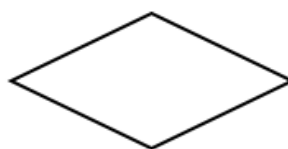
- A) $\{1; 2; 3; 6\}$ B) $\{\pm 0; \pm 1; \pm 2; \pm 3; \pm 6\}$
 C) $\{\pm 1; \pm 2; \pm 3; \pm 6\}$ D) $\{0; 1; 2; 3; 6\}$

Câu 9: Hình nào trong các hình sau đây là hình thoi

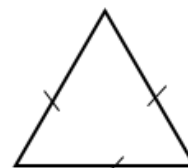
A.



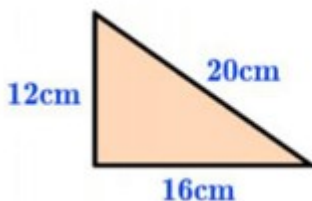
B.



C.

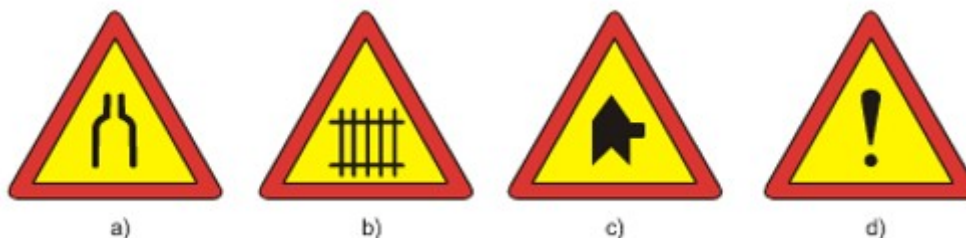


D.

Câu 10: Tam giác và hình vuông bên dưới có chu vi bằng nhau. Độ dài cạnh của hình vuông bên dưới là:

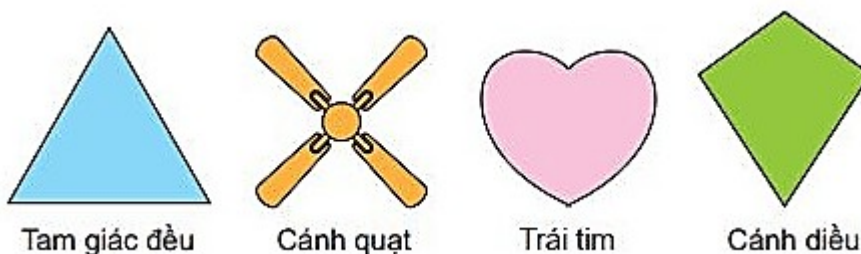
- A) 8cm B) 12cm C) 16cm D) 24cm

Câu 11: Trong các biển báo dưới đây, biển báo nào có đối xứng trục:



- A) a, b, c. B) b, c, d. C) a, c, d. D) a, b, d.

Câu 12: Những hình dưới đây, hình nào có đối tâm đối xứng.



- a) Tam giác đều b) Cánh quạt c) Cánh điều d) Trái tim.

PHẦN II: TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1 (1,5 đ): Thực hiện phép tính

a) $2^2 \cdot 85 + 15 \cdot 2^2 - 2023^0$

b) $-50 + [65 - (9 - 4)^2]$

Bài 2 (1,5 đ): Tìm x

a) $-3 \cdot x + 2 = 17$

b) $3^x \cdot 2 + 15 = 33$

Bài 3 (1,5 đ): Một số sách khi xếp thành từng bó 12 cuốn, 15 cuốn, 18 cuốn đều vừa đủ bó. Biết số sách trong khoảng từ 200 đến 500. Tính số sách đó.

Bài 4 (1,5đ): Một lối đi hình chữ nhật có chiều dài 12m và chiều rộng 2m.

a) Tính chu vi và diện tích lối đi đó.

b) Người ta lát gạch kín lối đi đó mỗi viên gạch hình vuông có độ dài cạnh là 40cm. Hỏi người ta phải lát bao nhiêu viên gạch (bỏ qua các mép vữa không đáng kể).

Bài 5 (1đ): Cho $A = 7 + 7^2 + 7^3 + \dots + 7^{119} + 7^{120}$.

Chứng minh rằng A chia hết cho 57.

----- Hết -----

Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh:.....

SBD:.....

HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	C	A	A	B	B	D	B	C	C	B	D	B

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

PHẦN II: TỰ LUẬN

Bài	Đáp án	Thang điểm
1	a) $2^2.85 + 15.2^2 - 2023^0 = 4.85 + 15.4 - 1$ $= 4.(85 + 15) - 1$ $= 4.100 - 1 = 399$ b) $-50 + [65 - (9 - 4)^2] = -50 + [65 - 5^2]$ $= -50 + [65 - 25]$ $= -50 + 40 = -10$	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
2	a) $-3.x + 2 = 17$ $-3x = 17 - 2 = 15.$ $x = 15 : (-3) = -5$ b) $3^x.2 + 15 = 33$ $3^x.2 = 33 - 15 = 18$ $3^x = 18 : 2 = 9 = 3^2$ Vậy $x = 2$	0,25 0,5 0,25 0,5
3	Gọi a (cuốn) là số sách cần tìm a thuộc N^* Theo đề ta có $a : 12, a : 15, a : 18$ nên $a \in BC(12,15,18)$ Và $200 \leq a \leq 500$ Tìm được $BC(12;15;18) = B(180) = \{0;180;360;540;\dots\}$ Suy ra $a=360$ và kết luận .	0,5 0,5 0,5
4	a) Tính được chu vi : $(12 + 2).2 = 28m$ và diện tích lối đi đó. $12.2 = 24m^2$ b) Tính được diện tích viên gạch: $40.40 = 1600 \text{ cm}^2 = 0,16m^2$ Tính được số gạch : $24 : 0,16 = 150$ viên	0,5 0,25 0,5 0,25
5	$A = 7 + 7^2 + 7^3 + \dots + 7^{119} + 7^{120}.$ $= (7 + 7^2 + 7^3) + \dots + (7^{118} + 7^{119} + 7^{120})$ $= 7.57 + 7^3.57 + \dots + 7^{118}.57 : 57$ Vậy $A:57$	0,5 0,5

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3 điểm)**Câu 1:** Số phần tử của tập hợp $A = \{1; 5; 6; 8; 10\}$ là:

- A) 10 B) 8 C) 6 D) 5

Câu 2: Điền số thích hợp vào dấu * để số $\overline{8*50}$ chia hết cho cả 2, 3, 5, 9?

- A. 0 B. 5 C. 8 D. 3.

Câu 3: Kết quả của phép tính $3^4 \cdot 3^2 = ?$

- A. 3^8 B. 3^2 C. 3^6 D. 3^3

Câu 4: Trong các số: 2; 3; 6; 8 số nào là ước chung của 6 và 16 ?

- A. 2 B. 3 C. 6 D. 8

Câu 5: BCNN (15, 30, 60) là:

- A. 30 B. 150 C. 45 D. 60

Câu 6: Số đối của số 3 là:

- A. 3 B. -3 C. 1 D. -1

Câu 7: Tổng các số nguyên x thỏa mãn $-5 < x < 5$ là:

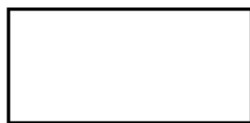
- A. -5. B. 5. C. 0. D. 10.

Câu 8: Tập hợp các ước của 6 là:

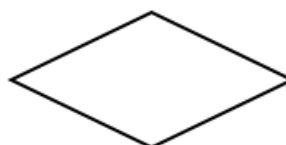
- A) $\{1; 2; 3; 6\}$ B) $\{\pm 0; \pm 1; \pm 2; \pm 3; \pm 6\}$
 C) $\{0; 1; 2; 3; 6\}$ D) $\{\pm 1; \pm 2; \pm 3; \pm 6\}$

Câu 9: Hình nào trong các hình sau đây là hình thoi

A.



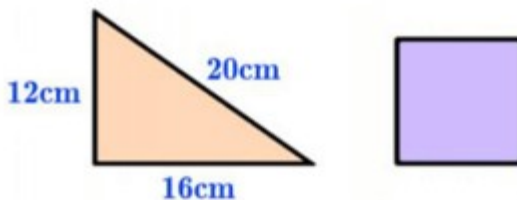
B.



C.

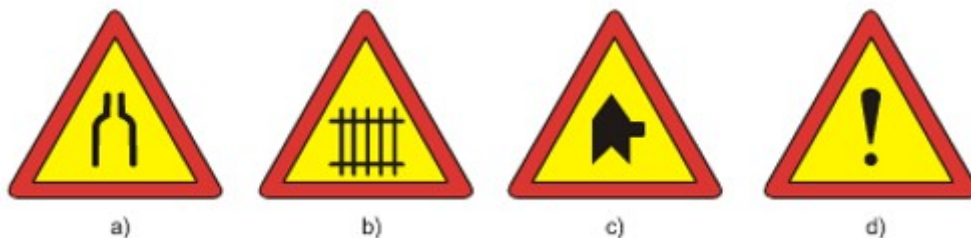


D.

Câu 10: Tam giác và hình vuông bên dưới có chu vi bằng nhau. Độ dài cạnh của hình vuông bên dưới là:

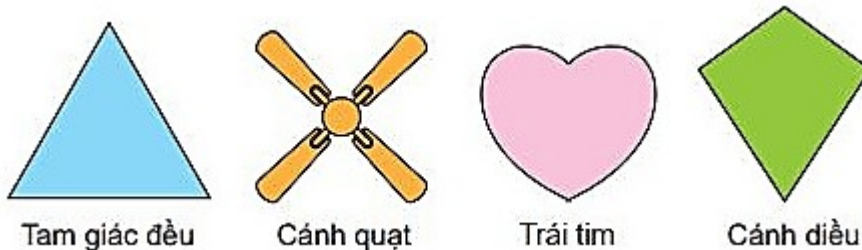
- A) 12cm B) 8cm C) 16cm D) 24cm

Câu 11: Trong các biểu báo dưới đây, biểu báo nào có đối xứng trục:



- A) a, b, c. B) b, c, d. C) a, b, d. D) a, c, d.

Câu 12: Những hình dưới đây, hình nào có đối tâm đối xứng.



- a) Tam giác đều b) trái tim. c) Cánh điều d) cánh quạt.

PHẦN II: TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1 (1,5 đ): Thực hiện phép tính

a) $3^2 \cdot 25 + 75 \cdot 3^2 - 2024^0$ b) $-70 + [56 - (9 - 5)^2]$

Bài 2 (1,5 đ): Tìm x

a) $-5 \cdot x + 2 = 17$ b) $2^x \cdot 3 + 15 = 39$

Bài 3 (1,5 đ): Một số sách khi xếp thành từng bó 10 cuốn, 15 cuốn, 18 cuốn đều vừa đủ bó. Biết số sách trong khoảng từ 300 đến 400 cuốn. Tính số sách đó.

Bài 4 (1,5 đ): Một lối đi hình chữ nhật có chiều dài 16m và chiều rộng 2m.

- a) Tính chu vi và diện tích lối đi đó.
b) Người ta lát gạch kín lối đi đó mỗi viên gạch hình vuông có độ dài cạnh là 40cm. Hỏi người ta phải lát bao nhiêu viên gạch (bỏ qua các mép vữa không đáng kể).

Bài 5 (1 đ): Cho $B = 5 + 5^2 + 5^3 + \dots + 5^{119} + 5^{120}$. Chứng minh rằng B chia hết cho 31.

----- Hết -----

Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh: SBD:

HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	D	B	C	A	D	B	C	D	C	A	C	D

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

PHẦN II: TỰ LUẬN

Bài	Đáp án	Thang điểm
1	a) $3^2 \cdot 25 + 75 \cdot 3^2 - 2024^0 = 9 \cdot 25 + 75 \cdot 9 - 1$ $= 9 \cdot (85 + 15) - 1$ $= 9 \cdot 100 - 1 = 899$ b) $-70 + [56 - (9 - 5)^2] = -70 + [56 - 4^2]$ $= -70 + [56 - 16]$ $= -70 + 40 = -30$	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
2	c) $-5 \cdot x + 2 = 17$ $-5x = 17 - 2 = 15$ $x = 15 : (-5) = -3$ d) $2^x \cdot 3 + 15 = 39$ $2^x \cdot 3 = 39 - 15 = 24$ $2^x = 24 : 3 = 8 = 2^3$ Vậy $x = 3$	0,25 0,5 0,25 0,5
3	Gọi a (cuốn) là số sách cần tìm a thuộc N^* Theo đề ta có $a : 10$, $a : 15$, $a : 18$ nên $a \in BC(10, 15, 18)$ Và $300 \leq a \leq 400$ Tìm được $BC(10; 15; 18) = B(90) = \{0; 90; 180; 270; 360; 450; \dots\}$ Suy ra $a = 360$ và kết luận.	0,5 0,5 0,5
4	b) Tính được chu vi : $(16 + 2) \cdot 2 = 36m$ và diện tích lối đi đó. $16 \cdot 2 = 32m^2$ b) Tính được diện tích viên gạch: $40 \cdot 40 = 1600 \text{ cm}^2 = 0,16m^2$ Tính được số gạch : $32 : 0,16 = 200$ viên	0,5 0,25 0,5 0,25
5	$B = 5 + 5^2 + 5^3 + \dots + 5^{119} + 5^{120}$ $= (5 + 5^2 + 5^3) + \dots + (5^{118} + 5^{119} + 5^{120})$ $= 5 \cdot 31 + 5^3 \cdot 31 + \dots + 5^{118} \cdot 31 : 31$ Vậy $B : 31$	0,5 0,5

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (16 câu 4 điểm).**Khoanh tròn vào chữ cái có câu trả lời đúng****Câu 1.** Tập hợp các **số hữu tỉ** kí hiệu là:

A. $\mathbb{N}$;

B. $\mathbb{N}^*$;

C. $\mathbb{Q}$;

D. $\mathbb{Z}$.

Câu 2: Số không phải số hữu tỉ là

A. $-2\frac{3}{4}$;

B. $-\frac{3}{5}$;

C. $\frac{-7}{0}$;

D. 3,25.

Câu 3: Số hữu tỉ dương là

A. $\frac{-11}{3}$

B. $\frac{-12}{5}$

C. $\frac{-5}{-7}$

D. $\frac{-15}{13}$

Câu 4: Số đối của số hữu tỉ $\frac{-11}{35}$ là:

A. $\frac{35}{-11}$.

B. $\frac{35}{11}$.

C. $\frac{-11}{35}$.

D. $\frac{11}{35}$

Câu 5: Trong các số hữu tỉ: $\sqrt{-1,2}$; 1; $\sqrt{-3,2}$; $\sqrt{-5,2}$ số hữu tỉ lớn nhất là:

A. $\sqrt{-5,2}$

B. 1.

C. $\sqrt{-1,2}$

D. $\sqrt{-3,2}$

Câu 6: Số nào sau đây có căn bậc hai số học.

A. 9

B. -4

C. -0,9

D. $\frac{-4}{5}$

Câu 7: Giá trị của $\sqrt{36}$ là:

A. 6

B. -6

C. 36

D. -36

Câu 8: $|-5|$ bằng

A. -5

B. ± 5

C. 5

D. 25

Câu 9. Đâu không phải là số thập phân vô hạn tuần hoàn?

A. 2,47123123123...;

B. 3,101001000...;

C. 5,33333...;

D. 7,212121....

Câu 10. Số nào là số vô tỉ trong các số sau:

A. $\frac{2}{3}$

B. 3,5

C. $\sqrt{2}$

D. 0

Câu 11: Tập hợp A' có các phần tử là số đối của các phần tử của tập hợp

$$A = \{7; 2,(3); 5,2; -\sqrt{25}\}$$

A. $A' = \{7; -2,(3); 5,2; \sqrt{25}\}$

B. $A' = \{7; 2,34521...; -5,2; -\sqrt{25}\}$

$$C. A' = \{-7; 2, (3); -5, 2; -\sqrt{25}\}$$

$$D. A' = \{-7; -2, (3); -5, 2; \sqrt{25}\}$$

Câu 12: Trong các kết quả sau, kết quả nào đúng

$$A. \sqrt{0,1} = 0,01$$

$$B. \sqrt{16} = -4$$

$$C. \sqrt{-0,09} = 0,3$$

$$D. \sqrt{4} = 2$$

Câu 13: Cho góc $xOy = 60^\circ$, góc đối đỉnh của góc xOy bằng:

$$A. 60^\circ$$

$$B. 120^\circ$$

$$C. 30^\circ$$

$$D. 40^\circ$$

Câu 14: Cho góc $xOy = 60^\circ$, Tia Oz là tia phân giác của góc xOy . Số đo của góc xOz là:

$$A. 60^\circ$$

$$B. 30^\circ$$

$$C. 120^\circ$$

$$D. 40^\circ$$

Câu 15: Qua 1 điểm nằm ngoài 1 đường thẳng có bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng cho trước?

$$A. 2$$

$$B. 0$$

$$C. 1$$

$$D. \text{Vô số}$$

Câu 16: Cho đường thẳng $m \parallel n$, nếu đường thẳng d cắt đường thẳng m thì

$$A. d \perp n$$

$$B. d \parallel n$$

$$C. d \text{ cắt } n$$

$$D. d \perp m$$

PHẦN II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 17. (2 điểm) Thực hiện các phép tính

$$a) 3^2 + (-2)^3$$

$$b) \frac{-8}{3} \cdot \frac{2}{11} - \frac{8}{3} : \frac{11}{9}$$

$$c) \left(\frac{-1}{3}\right)^2 - \frac{3}{8} : (0,5)^3 + 1234^0$$

(1,5 điểm)

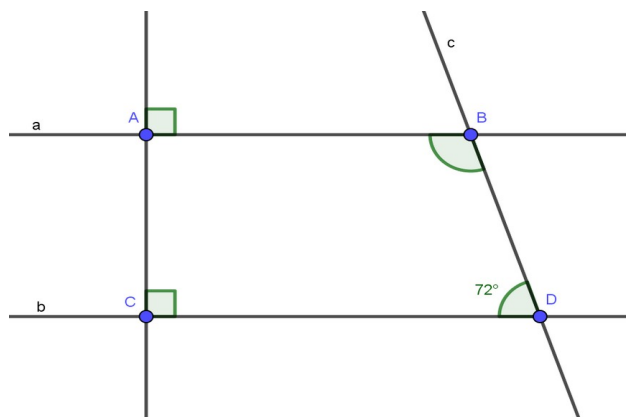
Câu 18.

$$a) \text{Tính: } \sqrt{9} + \sqrt{16}$$

$$b) \text{Tìm } x, \text{ biết: } \frac{1}{2} : x = \left(\frac{1}{3}\right)^2$$

c, Làm tròn số 3,14519 đến độ chính xác 0,005

Câu 19: (1,5 điểm) Cho hình vẽ:



a) Giải thích vì sao $AB \parallel CD$

b) Tính $\angle ABD$

c) Vẽ tia BE là tia phân giác của $\angle ABD$ ($E \in b$). Tính $\angle ABE$?

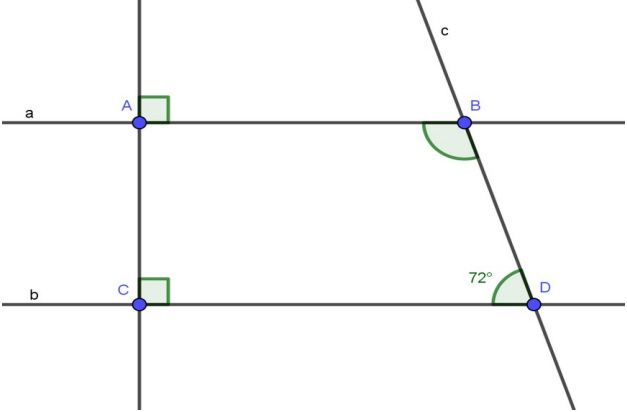
Câu 20. (1 điểm): Ba người cùng làm một công việc. Nếu làm riêng, người thứ nhất mất 3 giờ, người thứ hai mất 4 giờ và người thứ ba mất 5 giờ mới làm xong việc đó. Hỏi nếu ba người cùng làm thì sau bao lâu sẽ xong việc đó?

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (16 câu- 4 đ; Mỗi câu đúng 0,25đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đ.A	C	C	C	B	B	A	B	C	B	C	D	D	A	B	C	C

Bài	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (1.5đ)	a) $3^2 + (-2)^3 = 9 + (-8) = 1$	1
	b) $\frac{-8}{3} \cdot \frac{2}{11} - \frac{8}{3} : \frac{11}{9} = \frac{-8}{3} \cdot \frac{2}{11} + \left(\frac{-8}{3}\right) \cdot \frac{9}{11} = \frac{-8}{3} \cdot \left(\frac{2}{11} + \frac{9}{11}\right)$ $= \frac{-8}{3} \cdot 1 = \frac{-8}{3}$	0,5
	c) $\left(\frac{-1}{3}\right)^2 - \frac{3}{8} : (0,5)^3 + 1234^0$ $= \frac{1}{9} - \frac{3}{8} : \left(\frac{1}{2}\right)^3 + 1 = \frac{-17}{9}$	0,5
2 (1.5đ)	a) $\sqrt{9} + \sqrt{16} = 3 + 4 = 7$	0,5

	$\frac{1}{3} - x = \left(\frac{1}{3}\right)^2$ <p>b)</p> $\frac{1}{3} - x = \frac{1}{9}$ $x = \frac{1}{3} - \frac{1}{9}$ $x = \frac{2}{9}$ <p>c, số 3,14519 $\approx$ 3,15</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
<p>4 (1,5đ)</p>	 <p>a, AB//CD vì cùng vuông góc với AC</p> <p>b, $\angle ABD + \angle BCD = 180^\circ$</p> $\angle ABD + 72^\circ = 180^\circ$ $\angle ABD = 180^\circ - 72^\circ = 108^\circ$ <p>c, Vì BE là tia phân giác của $\angle ABD$ nên $\angle ABE = \frac{1}{2} \angle ABD = \frac{1}{2} \cdot 102^\circ = 51^\circ$</p>	<p>0,5đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p>

5 (1đ)	Số phần công việc người thứ nhất làm được trong một giờ là: $\frac{1}{3}$ (cv)	0.5
	Số phần công việc người thứ nhất làm được trong một giờ là: $\frac{1}{4}$ (cv)	
	Số phần công việc người thứ nhất làm được trong một giờ là: $\frac{1}{5}$ (cv)	0.5
	Nếu ba người cùng làm thì sau một giờ làm được số phần công việc là: $\frac{1}{3} + \frac{1}{4} + \frac{1}{5} = \frac{47}{60}$ (cv)	
	Vậy nếu ba người cùng làm thì sau $\frac{60}{47}$ giờ sẽ làm xong công việc.	

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (16 câu 4 điểm).**Khoanh tròn vào chữ cái có câu trả lời đúng****Câu 1:** Tập hợp các **số vô tỉ** kí hiệu là:A. $\mathbb{N}$;B. $\mathbb{N}^*$;C. $\mathbb{Q}$;**D. $\mathbb{I}$.****Câu 2:** Số vô tỉ làA. $-2\frac{3}{4}$;B. $-\frac{3}{5}$;**C. $\sqrt{2}$;**

D. 3,25.

Câu 3: Số hữu tỉ dương làA. $\frac{-11}{3}$ B. $\frac{-12}{5}$ **C. $\frac{5}{7}$** D. $\frac{-15}{13}$ **Câu 4:** Số đối của số hữu tỉ $\frac{-11}{35}$ là:A. $\frac{35}{-11}$.**B. $\frac{35}{11}$.**C. $\frac{-11}{35}$.D. $-\frac{11}{35}$ **Câu 5:** Trong các số hữu tỉ: $\sqrt{-1,2}$; $\sqrt{-3,2}$; $\sqrt{-5,2}$ số hữu tỉ nhỏ nhất là:**A. $\sqrt{-5,2}$**

B. 1.

C. $\sqrt{-1,2}$ D. $\sqrt{-3,2}$ **Câu 6:** Số nào sau đây có căn bậc hai số học.**A. 16**

B. - 4

C. - 0,9

D. $\frac{-4}{5}$ **Câu 7:** Giá trị của $\sqrt{49}$ là :**A. 7**

B. -7

C. 49

D. -49

Câu 8: $|-7|$ bằng

B. -7

B. ± 7 **C. 7**

D. 49

Câu 9. Đây là số vô tỷ?

- A. 2,47123123123...; B. 3,101001000...; C. 5,33333...; D. 7,212121....

Câu 10. Số nào là số hữu tỉ trong các số sau:

- A. 0,5 B. $\sqrt{3}$ C. $\sqrt{2}$ D. $\sqrt{5}$

Câu 11: . Trong các số -3 ; 0 ; $-\frac{3}{2}$; $-\frac{9}{4}$; $\frac{21}{13}$; $-5\frac{1}{4}$ có bao nhiêu số hữu tỉ âm?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 12: Trong các kết quả sau, kết quả nào đúng

- A. $\sqrt{3} = 9$ B. $\sqrt{9} = 9$ C. $\sqrt{9} = -3$ D. $\sqrt{9} = 3$

Câu 13: Cho góc $xOy = 120^\circ$, góc đối đỉnh của góc xOy bằng:

- A. 60° B. 120° C. 30° D. 40°

Câu 14: Cho góc $xOy = 120^\circ$, Tia Oz là tia phân giác của góc xOy . Số đo của góc xOz là:

- A. 60° B. 30° C. 120° D. 40°

Câu 15: Qua 1 điểm nằm ngoài 1 đường thẳng có bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng cho trước?

- 2 B. 0 C. 1 D. Vô số

Câu 16: Cho đường thẳng $d // n$, nếu đường thẳng $m \perp d$ thì

- A. $m \perp n$ B. $m // n$ C. m cắt n D. $m // d$

PHẦN II. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 17. (1.5 điểm) Thực hiện các phép tính

a) $2^2 + (-3)^3$ b) $\frac{-5}{3} \cdot \frac{2}{7} + \frac{-5}{3} \cdot \frac{5}{7}$ c) $\sqrt{\frac{4}{25}} + \frac{12}{5} \cdot \frac{2}{3} + \frac{1}{2} \cdot \frac{2}{3}$

(2 điểm)

Câu 18.

a) Tính: $\sqrt{9} + \sqrt{16} - \sqrt{25}$

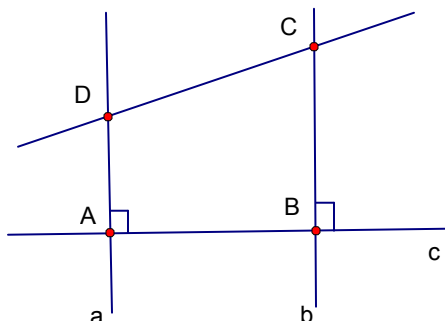
b) Tìm x , biết: $\frac{1}{2} - x = \left(-\frac{1}{3}\right)^2$

c, Làm tròn số 3,14519 đến số thập phân thứ 2

$$|2x-1| = \frac{1}{2}$$

d)

Câu 19: (1,5 điểm) Cho hình vẽ: Biết $\angle BCD = 60^\circ$

a) Giải thích vì sao $a \parallel b$ b) Tính $\angle ADC$ c) Vẽ tia DE là tia phân giác của $\angle ADC$ ($E \in c$). Tính $\angle ADE$?

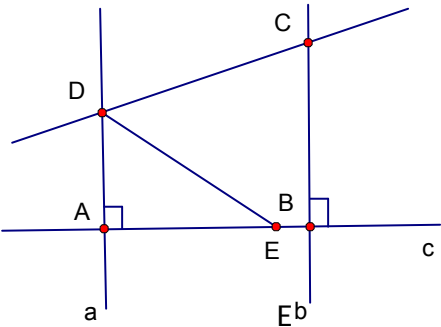
Câu 20. (1 điểm). Nhân dịp kỉ niệm 10 năm thành lập, một siêu thị điện máy có chương trình khuyến mãi giảm giá 10% so với giá niêm yết cho tất cả các mặt hàng. Trong dịp này, An mua một ti vi và một máy lạnh nên phải trả tổng cộng hết 28 800 000 đồng. Hỏi giá niêm yết của máy lạnh là bao nhiêu? Biết giá niêm yết của ti vi là 20 000 000 đồng

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

A.PHẦN TRẮC NGHIỆM(16 câu- 4 đ; Mỗi câu đúng 0,25đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đ.A	C	C	C	B	B	A	B	C	B	C	D	D	A	B	C	C

Bài	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (1.5đ)	a) $3^2 + (-2)^3 = 9 + (-8) = 1$	1
	b) $\frac{-8}{3} \cdot \frac{2}{11} - \frac{8}{3} : \frac{11}{9} = \frac{-8}{3} \cdot \frac{2}{11} + \left(\frac{-8}{3}\right) \cdot \frac{9}{11} = \frac{-8}{3} \cdot \left(\frac{2}{11} + \frac{9}{11}\right)$ $= \frac{-8}{3} \cdot 1 = \frac{-8}{3}$	0,5
	c) $\left(\frac{-1}{3}\right)^2 - \frac{3}{8} : (0,5)^3 + 1234^0$	0,5

	$= \frac{1}{9} - \frac{3}{8} : \left(\frac{1}{2}\right)^3 + 1 = \frac{-17}{9}$	
2 (1,5đ)	<p>a) $\sqrt{9} + \sqrt{16} = 3 + 4 = 7$</p> <p>b) $\frac{1}{3} - x = \left(\frac{1}{3}\right)^2$</p> <p>$\frac{1}{3} - x = \frac{1}{9}$</p> <p>$x = \frac{1}{3} - \frac{1}{9}$</p> <p>$x = \frac{2}{9}$</p> <p>c, số 3,14519 $\approx 3,15$</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
4 (1,5đ)	 <p>a, a//b vì cùng vuông góc với c</p> <p>b, $\angle ADC + \angle DCB = 180^\circ$</p> <p>$\angle ADC + 60^\circ = 180^\circ$</p> <p>$\angle ADC = 180^\circ - 60^\circ = 120^\circ$</p> <p>c, Vì BE là tia phân giác của $\angle ABD$ nên $\angle ADE = \frac{1}{2} \angle EDC = \frac{1}{2} \cdot 120^\circ = 60^\circ$</p>	<p>0,5đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p>

5 (1đ)	Tổng số tiền niêm yết của ti vi và máy lạnh là $28\,800\,000 : (100\% - 10\%) = 32\,000\,000$ (đồng).	0.5
	Giá niêm yết của máy lạnh là: $32\,000\,000 - 20\,000\,000 = 12\,000\,000$ (đồng).	0.5

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Điền kí hiệu thích hợp vào ô trống $-\frac{13}{5}$.
A. $\in$. **B.** $\notin$. **C.** $<$. **D.** $=$.

Câu 2. Điền kí hiệu thích hợp vào ô trống $5,3$.
A. $=$. **B.** $\notin$. **C.** $<$. **D.** $\in$.

Câu 3. Trong các số sau: $5,6; \frac{7}{0}; \frac{0}{8}; -1\frac{5}{6}$. Số nào **không** phải là số hữu tỉ?

A. $5,6$. **B.** $-1\frac{5}{6}$. **C.** $\frac{0}{7}$. **D.** $\frac{7}{0}$.

Câu 4. Giá trị của biểu thức $(2,75)^2 \cdot \frac{4}{11}$ là
A. $\frac{4}{11}$. **B.** 4 . **C.** $\frac{11}{4}$. **D.** $\frac{121}{4}$.

Câu 5. Số tự nhiên n thỏa mãn $\left(\frac{2}{5}\right)^n = \frac{8}{125}$ là
A. 1 . **B.** 2 . **C.** 3 . **D.** 4 .

Câu 6. Căn bậc hai số học của số a không âm được kí hiệu là
A. a . **B.** $\sqrt{a}$. **C.** a^2 . **D.** $\pm\sqrt{a}$.

Câu 7. Căn bậc hai số học của số $1\frac{9}{16}$ là

- A. $1\frac{9}{16}$. B. $1\frac{3}{4}$. C. $\frac{5}{4}$. D. $\frac{3}{4}$.

Câu 8. Trong các cách viết sau, cách viết nào đúng?

- A. $\sqrt{49} = \pm 7$. B. $\sqrt{49} = -7$. C. $\sqrt{49} = 7$. D. $-\sqrt{49} = 7$.

Câu 9. Viết các số thập phân dưới dạng thu gọn (có chu kì trong dấu ngoặc):

- A. $6,(13)$. B. $6,1(34)$. C. $6,(1343)$. D. $6,134$

Câu 10. Viết số thập phân vô hạn tuần hoàn $0,(35)$ dưới dạng phân số

- A. $\frac{35}{99}$. B. $\frac{35}{9}$. C. $\frac{3}{5}$. D. $\frac{5}{3}$.

Câu 11. Kết quả của phép tính $1,(54) - 0,(81) - 0,(75)$ là

- A. $\frac{-12}{44}$. B. $-1,(102)$. C. $\frac{-1}{44}$. D. 1 .

Câu 12. Kết quả của phép tính $0,(15) + 0,(84)$ là

- A. 1 . B. 2 . C. 3 . D. 4 .

Câu 13. Nếu $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ thì:

- A. $a.d = c.b$. B. $a.c = b.d$. C. $b = c$. D. $a = c$.

Câu 14. Các tỉ số sau đây có lập thành tỉ lệ thức.

- A. $\frac{1}{3}$ và $\frac{4}{5}$. B. $\frac{1}{3}$ và $\frac{2}{6}$. C. $\frac{2}{6}$ và $\frac{4}{5}$. D. $\frac{2}{6}$ và $\frac{4}{3}$.

Câu 15. Đẳng thức nào sau đây không phải tỉ lệ thức.

- A. $5:8 = 20:32$. B. $5:8 = 4:3$.
C. $5:2 = 20:8$. D. $5:4 = 10:8$.

Câu 16. Số x thỏa mãn $\frac{x}{6} = \frac{7}{3}$ là số:

- A. 14 . B. 12 . C. 13 . D. 15 .

Câu 17. Số y thỏa mãn $\frac{-5}{y} = \frac{20}{28}$ là số:

- A. -6 . B. 6 . C. -7 . D. 7 .

Câu 18. Theo thống kê, nếu dùng ^{8} xe chở hàng thì tiêu thụ hết ^{70} lít xăng. Vậy khi dùng ^{13} xe chở hàng cùng loại thì tiêu thụ hết bao nhiêu lít xăng?

- A. $113,75$ lít. B. $225,5$ lít. C. 728 lít. D. $43,1$ lít.

Câu 19. Tam giác ^{ABC} có số đo các góc ^{A,B,C} lần lượt tỉ lệ với $^{2;3;4}$. Số đo các góc của $^{\Delta ABC}$ là

- A. $\hat{A} = 40^\circ; \hat{B} = 60^\circ; \hat{C} = 80^\circ$.
 C. $\hat{A} = 45^\circ; \hat{B} = 55^\circ; \hat{C} = 80^\circ$.

- B. $\hat{A} = 40^\circ; \hat{B} = 70^\circ; \hat{C} = 80^\circ$.
 D. $\hat{A} = 40^\circ; \hat{B} = 90^\circ; \hat{C} = 50^\circ$.

Câu 20. Cù^{100kg} thóc thì cho^{60kg} gạo. Hỏi ² tấn thóc thì cho bao nhiêu kilogam gạo?

- A. 200kg. B. 12kg. C. 120kg. D. 1200kg.

Câu 21. Dùng ¹⁰ máy thì tiêu thụ hết lít xăng. Hỏi dùng ¹³ máy (cùng loại) thì tiêu thụ bao nhiêu lít xăng?

- A. 104. B. 100. C. 140. D. 96.

Câu 22. Bạn Hùng mua bút bi ¹⁰ chiếc bút bi khô ngòi nhỏ với giá ⁴ nghìn đồng một chiếc. Cũng với số tiền như bạn Hùng, bạn Duy mua được ⁸ chiếc bút bi khô ngòi to. Vậy giá một chiếc bút bi ngòi to là

- A. 5 nghìn đồng. B. 6 nghìn đồng.
 C. 10 nghìn đồng. D. 2 nghìn đồng.

Câu 23. ¹⁰ vòi nước công suất như nhau cùng chảy vào một bể thì sau ⁶ giờ thì đầy bể. Vậy cần số vòi nước cùng công suất để sau ⁵ giờ thì đầy bể là

- A. 5 vòi nước. B. 6 vòi nước.
 C. 12 vòi nước. D. 10 vòi nước.

Câu 24. Mẹ bạn Vinh đi chợ mua ²⁰ quả trứng loại II với giá ³ nghìn đồng một quả. Cũng với số tiền đấy, bố bạn Vinh mua quả trứng loại I với giá ⁴ nghìn đồng một quả. Vậy bố bạn Vinh mua được số trứng là

- A. 5 quả trứng. B. 15 quả trứng.
 C. 10 quả trứng. D. 30 quả trứng.

Câu 25. Hình hộp chữ nhật có bao nhiêu mặt?

- A. 5. B. 6. C. 7. D. 8.

Câu 26. Hình lập phương có bao nhiêu đường chéo?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 27. Tính thể tích một hình lăng trụ đứng có chiều cao ^{10cm}, đáy là một tam giác vuông có các cạnh góc vuông lần lượt là ^{3cm}, ^{4cm}:

- A. 600cm². B. 60cm². C. 100cm². D. 120cm².

Câu 28. Một lăng trụ đứng có đáy là hình chữ nhật có các kích thước ^{3cm}, ^{8cm}. Chiều cao của hình lăng trụ đứng là ^{2cm}. Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng là

- A. 44cm². B. 24cm². C. 48cm². D. 22cm².

Câu 29. Quan sát hình vẽ

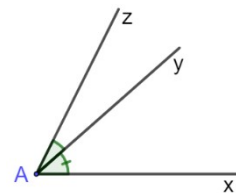
Góc xAy và góc yAz là hai góc

A. đối đỉnh.

C. kề bù.

B. kề nhau.

D. so le trong.



Câu 30. Góc bù với góc 60° có số đo là:

A. 30° .

B. 40° .

C. 120° .

D. 140° .

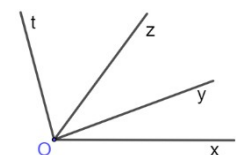
Câu 31. Quan sát hình vẽ. Góc kề với góc xOy là:

A. zOy .

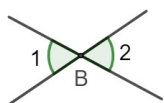
B. tOy .

C. zOy và tOy .

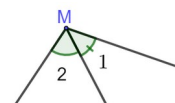
D. tOz .



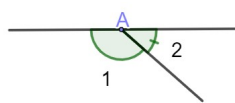
Câu 32. Hai góc được đánh dấu trong hình nào dưới đây là hai góc kề nhau



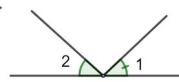
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

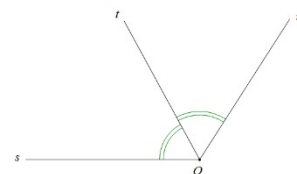
Câu 33. Tìm tia phân giác của sOu trong hình vẽ sau:

A. Os .

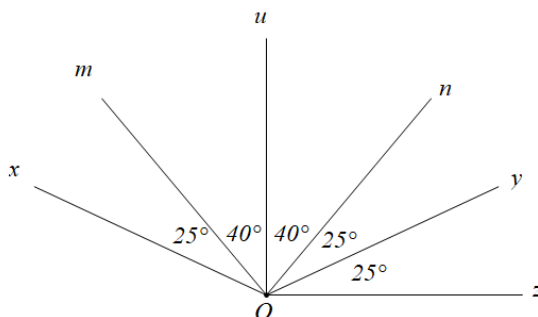
B. Ou .

C. Ot .

D. tO .



Câu 34. Cho hình vẽ sau, khẳng định nào sau đây sai?



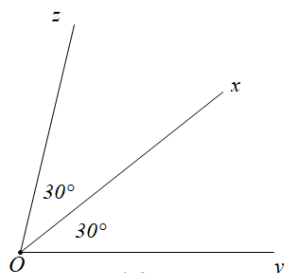
A. Ou là tia phân giác của mOn .

B. Ou là tia phân giác của xOy .

C. Oy là tia phân giác của nOz .

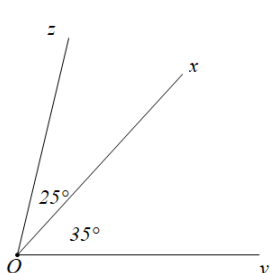
D. On là tia phân giác của mOz .

Câu 35. Hình nào sau đây có tia Ox là tia phân giác của yOz ?



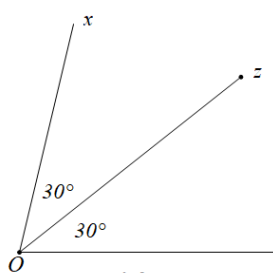
Hình 1

A. Hình 1.



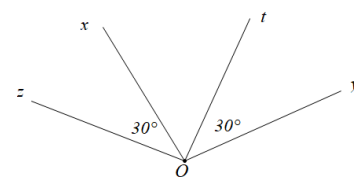
Hình 2

B. Hình 2.



Hình 3

C. Hình 3.

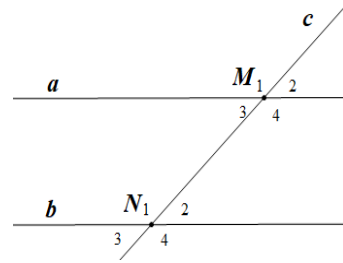


Hình 4

D. Hình 4.

Câu 36. Chọn một cặp góc đồng vị trong hình vẽ sau:

- A. $\angle M_1$ và $\angle N_3$. B. $\angle M_1$ và $\angle M_4$.
C. $\angle M_1$ và $\angle N_2$. D. $\angle M_1$ và $\angle N_1$.



Câu 37. Cho ba đường thẳng a, b và c phân biệt. Biết $a \perp c$, $b \perp c$ ta suy ra

- A. a và b phân biệt. B. a và b cắt nhau. C. $a \parallel b$. D. a trùng với b .

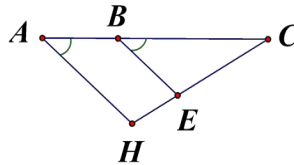
Câu 38. Cho hình vẽ sau, biết $a \parallel b$, $\angle A_4 = 135^\circ$. Số đo của $\angle B_1$ bằng bao nhiêu?

- A. 135° . B. 35° .
C. 145° . D. 45° .



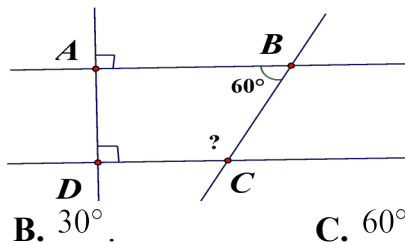
Câu 39. Cho hình vẽ dưới đây. Biết $BE \parallel AH$. Khi đó

$\angle BAH = \angle CBE$ vì là một cặp góc



- A. Trong cùng phía. B. So le trong. C. đồng vị. D. Kề bù.

Câu 40. Cho hình vẽ dưới đây, Biết $AB \perp AD$; $DC \perp AD$, tính số đo $\angle DCB$ ta được



- A. 90° . B. 30° . C. 60° . D. 120° .

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Tìm x , biết

a) $x - \frac{3}{4} = \frac{2}{7}$

b) $\frac{2}{3} - x = \frac{7}{5}$

c) $x + \frac{1}{8} = \frac{-3}{4}$

Bài 2. Tìm x biết:

a) $\frac{1}{2}x - 1 = \frac{1}{6}$

b) $\frac{-2}{5} + \frac{5}{6}x = \frac{-4}{15}$

c) $\frac{2}{3} + \frac{7}{4} : x = \frac{5}{6}$

d) $\frac{2}{3}x - 2\frac{2}{3}x = 1 : 0,5$

Bài 3. Tìm x, y biết:

$$\frac{x}{3,2} = \frac{2,5}{7,2}$$

$$\text{b) } \frac{x}{5} = \frac{y}{7} \text{ và } x + y = 36$$

a)

Bài 4. Tìm x, y, z biết:

$$\text{a) } x:y:z = 3:4:5 \text{ và } x + y - z = 144$$

$$\text{b) } \frac{x}{4} = \frac{y}{3} = \frac{z}{2} \text{ và } x + y + z = 27$$

$$\text{c) } \frac{x}{2} = \frac{y}{3} \text{ và } \frac{y}{5} = \frac{z}{7} \text{ và } 2x + 3y - z = 132$$

Bài 5. Biết độ dài ba cạnh của một tam giác tỉ lệ với các số $3; 5; 7$ và chu vi của tam giác đó là 45cm . Độ dài ba cạnh của tam giác đó là bao nhiêu

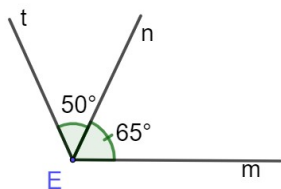
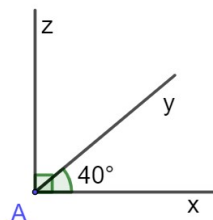
Bài 6. Ba bạn An, Bình, Cầm có số kẹo của An, Bình, Cầm tương ứng với tỉ lệ với $2; 3; 4$. Tính số cái kẹo của mỗi bạn. Biết rằng Cầm nhiều hơn An 8 cái kẹo.

Bài 7. Bác An mua 74 bút bi gồm 3 loại. Loại I giá 6 nghìn đồng một bút, loại II giá 5 nghìn đồng một bút, loại III giá 4 nghìn đồng một bút. Hỏi bác An mua mỗi loại bao nhiêu bút biết rằng số tiền bác An mua mỗi loại bút là như nhau.

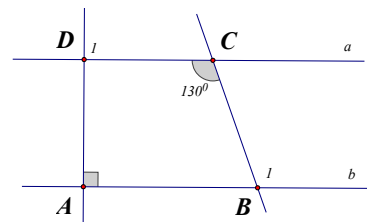
Bài 8. Cửa hàng A bán được 37 chiếc tủ lạnh trong một tháng gồm 3 loại. Tủ lạnh LG giá 25 triệu đồng một chiếc, tủ lạnh Toshiba giá 30 triệu đồng một chiếc, tủ lạnh Panasonic giá 20 triệu đồng một chiếc. Hỏi cửa hàng A bán được mỗi loại tủ lạnh bao nhiêu chiếc biết rằng số tiền bán mỗi loại tủ lạnh là như nhau.

Bài 9. Cho hình vẽ. Tính số đo $\widehat{mEt}$. Tính số đo $\widehat{yAz}$.

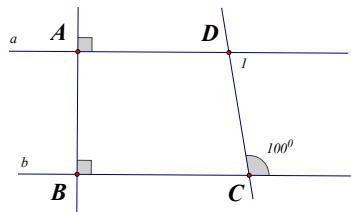
Bài 10.
Cho hình



vẽ. Biết $a \parallel b$, $\widehat{DAB} = 90^\circ$, $\widehat{DCB} = 130^\circ$.
Tính $\widehat{D_1}$; $\widehat{B_1}$?

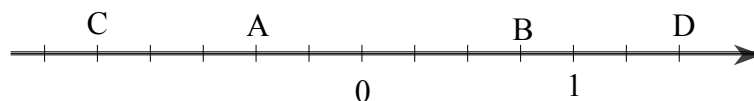


Bài 11. Cho hình vẽ, biết $a \perp AB$;
 $b \perp AB$; $\widehat{C} = 100^\circ$

a. Chứng tỏ $a \parallel b$.b. Tính $\widehat{D_1}$?

I. Trắc nghiệm: (7,0 điểm) Chọn câu trả lời đúng:

Câu 1. Quan sát trục số sau và cho biết số hữu tỉ $\frac{3}{4}$ được biểu diễn bởi điểm nào?



- A. Điểm A B. Điểm B C. Điểm C D. Điểm D

Câu 2. Viết tích $(6,1)^3 \cdot (6,1)^4$ dưới dạng một lũy thừa ta được:

- A. $(6,1)^4$ B. $(6,1)^3$ C. $(6,1)^{12}$ D. $(6,1)^7$

Câu 3. Biết $x + \frac{1}{5} = \frac{2}{5}$. Giá trị của x là:

- A. $\frac{3}{5}$ B. $\frac{2}{5}$ C. $\frac{1}{5}$ D. $\frac{-1}{5}$

Câu 4. Kết quả của phép tính $2,8 + \frac{9}{23} - \left(1,8 + \frac{9}{23}\right)$ là:

- A. $\frac{18}{23}$ B. 1 C. $\frac{41}{23}$ D. 4,6

Câu 5. Giá trị của $\sqrt{25}$ là:

- A. 5 B. 25 C. -5 D. -25

Câu 6. Kết quả phép tính nào sau đây **đúng**?

- A. $\sqrt{100} = -10$ B. $\sqrt{0} = 0$ C. $\sqrt{4} = 16$ D. $\sqrt{6} = 6$

Câu 7. Giá trị của $\sqrt{\frac{4}{81}}$ là:

- A. $\frac{4}{81}$ B. $\frac{-2}{9}$ C. $\frac{-4}{81}$ D. $\frac{2}{9}$

Câu 8. Kết quả của phép tính $3\sqrt{16} - \sqrt{9}$ là:

- A. 39 B. 9 C. 3 D. 15

Câu 9. Số nào sau đây là số thập phân vô hạn tuần hoàn?

- A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{1}{3}$ C. $\frac{1}{4}$ D. $\frac{1}{5}$

Câu 10. Tập hợp các số thực được kí hiệu là:

- A. $\mathbb{Q}$ B. $\mathbb{R}$ C. $\mathbb{Z}$ D. $\mathbb{N}$

Câu 11. Số nào sau đây là số vô tỉ?

- A. $\sqrt{3}$ B. $\sqrt{4}$ C. $\frac{1}{9}$ D. $\sqrt{1}$

Câu 12. Số đối của $\sqrt{11}$ là:

- A. $\sqrt{11}$ B. $-\sqrt{11}$ C. 11 D. -11

Câu 13. So sánh hai số thực $a = \sqrt{23}$ và $b = \sqrt{22}$, ta được:

- A. $a > b$ B. $a < b$ C. $a = b$ D. $a \leq b$

Câu 14. Số nào sau đây là số thực dương?

- A. $-1, (27)$ B. $\frac{-7}{\sqrt{36}}$ C. $-(-1, 272)$ D. $\frac{1}{-95}$

Câu 15. Sắp xếp các số $4; -1; \sqrt{3}$ theo thứ tự tăng dần, ta được:

- A. $4; -1; \sqrt{3}$ B. $-1; 4; \sqrt{3}$ C. $-1; \sqrt{3}; 4$ D. $4; \sqrt{3}; -1$

Câu 16. $|-2, 19|$ bằng:

- A. 2,19 B. -2,19 C. -219 D. 219

Câu 17. Cho $|x| = 2$. Giá trị của x là:

- A. $x = 2$ B. $x = -2$ C. $x = 2$ hoặc $x = -2$ D. $x = 0$ hoặc $x = -2$

Câu 18. Nếu $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ thì:

- A. $a.b = c.d$ B. $a.d = b.c$ C. $\frac{a}{b} = \frac{d}{c}$ D. $\frac{a}{d} = \frac{b}{c}$

Câu 19. Các tỉ số nào sau đây lập được tỉ lệ thức?

- A. $\frac{-1}{2} : 2$ và $\frac{-3}{4}$ B. $\frac{2}{3} : (-2)$ và $\frac{1}{3}$ C. $\frac{12}{15}$ và $6 : 10$ D. $\frac{15}{18}$ và $5 : 6$

Câu 20. Ba số a, b, c tỉ lệ với các số 4; 5; 6. Khi đó ta có dãy tỉ số bằng nhau là:

- A. $\frac{a}{4} = \frac{b}{5} = \frac{c}{6}$ B. $\frac{a}{4} = \frac{c}{5} = \frac{b}{6}$ C. $\frac{b}{4} = \frac{a}{5} = \frac{c}{6}$ D. $\frac{c}{4} = \frac{b}{5} = \frac{a}{6}$

Câu 21. Cho $\frac{x}{2} = \frac{y}{3} = 5$. Giá trị của x, y lần lượt là:

- A. $x = 7; y = 8$ B. $x = 3; y = 4$ C. $x = 10; y = 15$ D. $x = 2; y = 3$

Câu 22. Một hình lập phương có cạnh là 5 cm, thể tích hình lập phương đó là:

- A. 100 cm^3 B. 125 cm^3 C. 15 cm^3 D. 25 cm^3

Câu 23. Một hình lăng trụ đứng tam giác có độ dài các cạnh đáy là 3 cm, 5 cm, 6 cm; chiều cao là 9 cm. Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng đó là:

- A. 126 cm^2 B. 126 cm^3 C. 63 cm^2 D. 63 cm^3

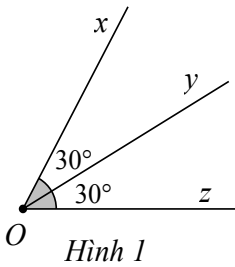
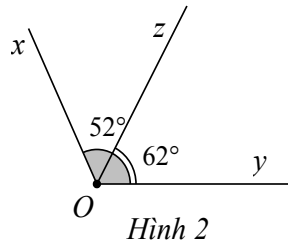
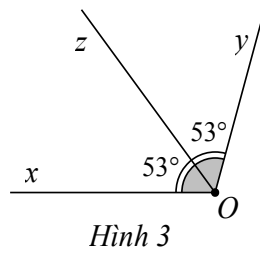
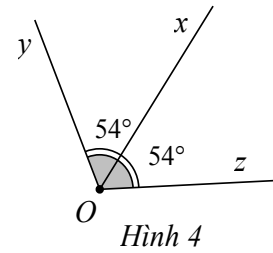
Câu 24. Hai góc kề bù có tổng số đo bằng:

- A. 90° B. 60° C. 180° D. 0°

Câu 25. Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng, ta kẻ được bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng đó?

- A. 0 B. 1 C. 2 D. vô số

Câu 26. Tia Oz trong hình nào sau đây là tia phân giác của góc xOy?



A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

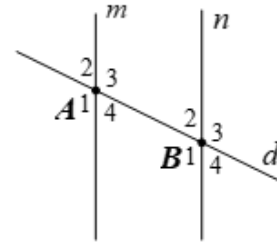
Câu 27. Cho $m \parallel n$ như Hình 5. Khẳng định nào sau đây sai?

A. $\angle A_1 = \angle B_1$

B. $\angle A_4 = \angle B_2$

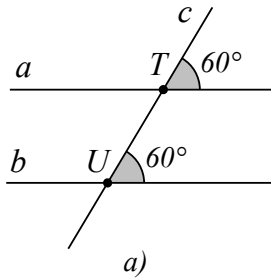
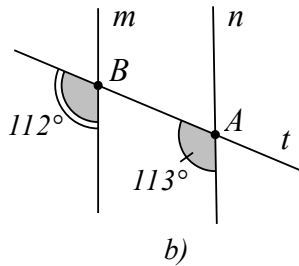
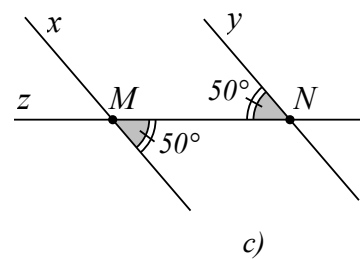
C. $\angle B_1 = \angle B_3$

D. $\angle A_2 = \angle B_3$



Hình 5

Câu 28. Cho Hình 6. Khẳng định nào sau đây đúng?



Hình 6

A. $a \parallel b$ và $m \parallel n$

B. $m \parallel n$ và $x \parallel y$

C. $a \parallel b$ và $x \parallel y$

D. $a \parallel b, m \parallel n, x \parallel y$

II. Tự luận: (3,0 điểm)

Bài 1. (1 điểm): Cho biết x, y là hai đại lượng tỉ lệ thuận với nhau và khi $x = 8$ thì $y = 24$.

a) Tìm hệ số tỉ lệ của y đối với x .

b) Viết công thức tính y theo x .

c) Tính giá trị của y khi $x = 1,5; x = -7$.

Bài 2. (1 điểm): Một cửa hàng nhập về 50 chiếc xe hơi đồ chơi với giá gốc mỗi chiếc là 300000 đồng. Cửa hàng đã bán 32 chiếc với giá mỗi chiếc lãi 30% so với giá gốc; 18 chiếc còn lại bán lỗ 10% mỗi chiếc so với giá gốc. Hỏi sau khi bán hết 50 chiếc xe hơi đồ chơi cửa hàng đó lãi hay lỗ bao nhiêu tiền?

Bài 3. (1 điểm): Cho định lí: “Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng phân biệt và trong số các góc tạo thành có một cặp góc đồng vị bằng nhau thì các cặp góc so le trong bằng nhau”.

a) Vẽ hình minh họa và viết giả thiết, kết luận của định lí trên.

b) Chứng minh định lí trên.

.....**HẾT**.....

TRƯỜNG

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I

NĂM HỌC 2024 - 2025

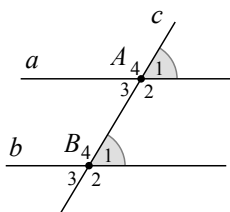
MÔN TOÁN – Khối lớp 7

Thời gian làm bài : phút

I. Phần trắc nghiệm: (7 điểm) Mỗi đáp án đúng 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp Án	B	D	C	B	A	B	D	B	B	D	A	B	A	C
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp Án	C	A	C	B	D	A	C	B	A	C	B	C	D	C

II. Phần tự luận (3 điểm)

Bài		Đáp án	Biểu điểm				
1	a	$k = \frac{y}{x} = \frac{24}{8} = 3$ Hệ số tỉ lệ của y đối với x là:	0,25				
	b	Công thức tính y theo x là: $y = kx = 3x$	0,25				
	c	Với $x = 1,5$ thì $y = 3.1,5 = 4,5$ Với $x = -7$ thì $y = 3.(-7) = -21$	0,25 0,25				
2		Số tiền cửa hàng lãi khi bán 32 chiếc xe là: $32.300000.30\% = 2\,880\,000$ (đồng)	0,25				
		Số tiền cửa hàng lỗ khi bán 18 chiếc xe là: $18.300000.10\% = 540\,000$ (đồng)	0,25				
		Sau khi bán hết 50 chiếc xe hơi đồ chơi cửa hàng đã lãi số tiền là: $2880000 - 540000 = 2\,340\,000$ (đồng)	0,5				
3	a	<div></div> <table><tr><td>GT</td><td>c cắt a tại A, c cắt b tại B $\hat{A}_1 = \hat{B}_1$</td></tr><tr><td>KL</td><td>$\hat{A}_3 = \hat{B}_1; \hat{A}_2 = \hat{B}_4$</td></tr></table>	GT	c cắt a tại A, c cắt b tại B $\hat{A}_1 = \hat{B}_1$	KL	$\hat{A}_3 = \hat{B}_1; \hat{A}_2 = \hat{B}_4$	0,5
	GT	c cắt a tại A, c cắt b tại B $\hat{A}_1 = \hat{B}_1$					
KL	$\hat{A}_3 = \hat{B}_1; \hat{A}_2 = \hat{B}_4$						
b	Ta có: $\hat{A}_1 = \hat{B}_1$ (gt) $\hat{A}_1 = \hat{A}_3$ (hai góc đối đỉnh) Suy ra: $\hat{B}_1 = \hat{A}_3$ (cùng bằng $\hat{A}_1$) Ta có: $\hat{A}_1 + \hat{A}_2 = 180^\circ$ (hai góc kề bù) $\hat{B}_1 + \hat{B}_4 = 180^\circ$ (hai góc kề bù) Mà $\hat{A}_1 = \hat{B}_1$ (gt). Suy ra: $\hat{A}_2 = \hat{B}_4$	0,25 0,25					

Lưu ý: Học sinh làm theo cách khác mà đúng thì vẫn đạt điểm tối đa.

I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Em hãy chọn chữ cái trước câu trả lời đúng nhất và ghi vào giấy bài làm

Câu 1: Căn bậc hai số học của 25 là :

- A. 5 B. -5 C. 10 D. -12

Câu 2: Giá trị của $\sqrt{103041}$ là:

- A. - 321 B. 321 C. -103041 D. 103041

Câu 3: Số đối của số của số $\frac{-3}{5}$ là:

- A. $\frac{5}{3}$ B. $\frac{-5}{3}$ C. $\frac{3}{5}$ D. -0,6

Câu 4: Cho các số sau: $\frac{5}{4}$; $2\frac{1}{3}$; $-0,25$; $-\frac{17}{10}$. Hãy cho biết số nào viết được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn?

- A. $-0,25$ B. $\frac{5}{4}$ C. $2\frac{1}{3}$ D. $\frac{-17}{10}$

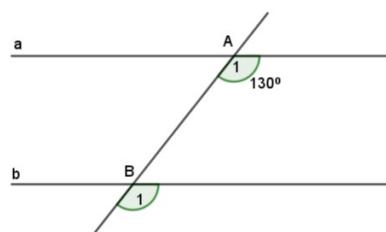
Phép tính có kết quả $\left(\frac{5}{6}\right)^{16}$ là :

Câu 5:

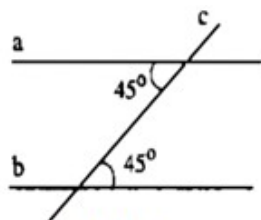
- A. $\left[\left(\frac{5}{6}\right)^1\right]^0$ B. $\left(\frac{5}{6}\right)^{10} \cdot \left(\frac{5}{6}\right)^5$ C. $\left(\frac{5}{6}\right)^{18} : \left(\frac{5}{6}\right)^2$ D. $\left(\frac{5}{6}\right)^{18} : \left(\frac{5}{6}\right)^3$

Câu 6: Cho hình vẽ bên, biết $a \parallel b$. Số đo $\hat{B}_1$ là:

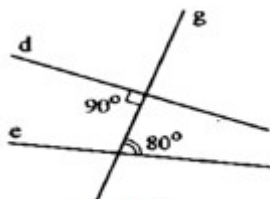
- A. 50° B. 60° C. 180° D. 130°



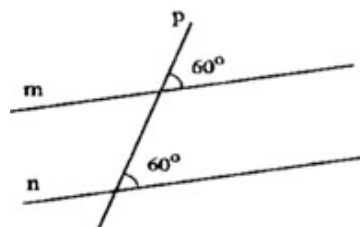
Câu 7: Hình vẽ nào sau đây **không** có hai đường thẳng song song?



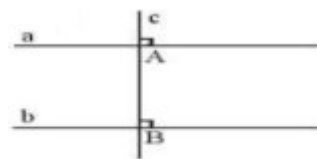
hình 1



hình 2



hình 3



hình 4

- A. hình 2. B. hình 1. C. hình 3. D. hình 4.

* Quan sát biểu đồ tỉ lệ phần trăm thành phần của đất tốt cho cây trồng sau đây để trả lời **câu 8, câu 9, câu 10**

Câu 8 Biểu đồ trên được gọi tên là biểu đồ gì?

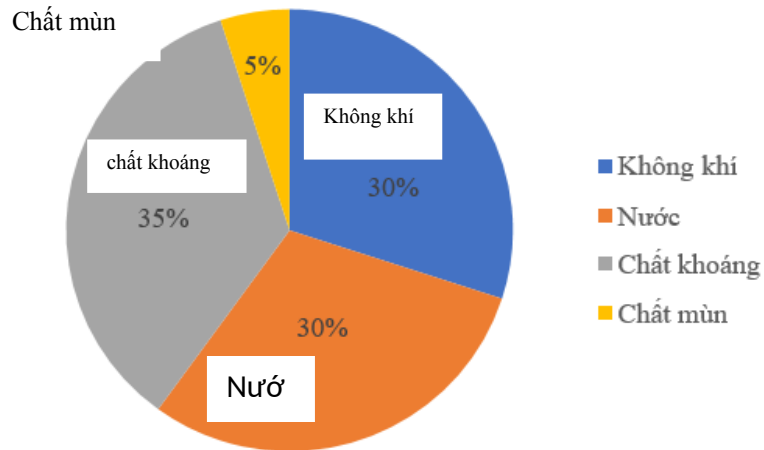
- A. Biểu đồ hình cột B. Biểu đồ hình quạt
C. Biểu đồ đoạn thẳng D. Biểu đồ hình cột kép

Câu 9: Hãy cho biết tỉ lệ phần trăm **chất khoáng** của đất tốt cho cây trồng là bao nhiêu?

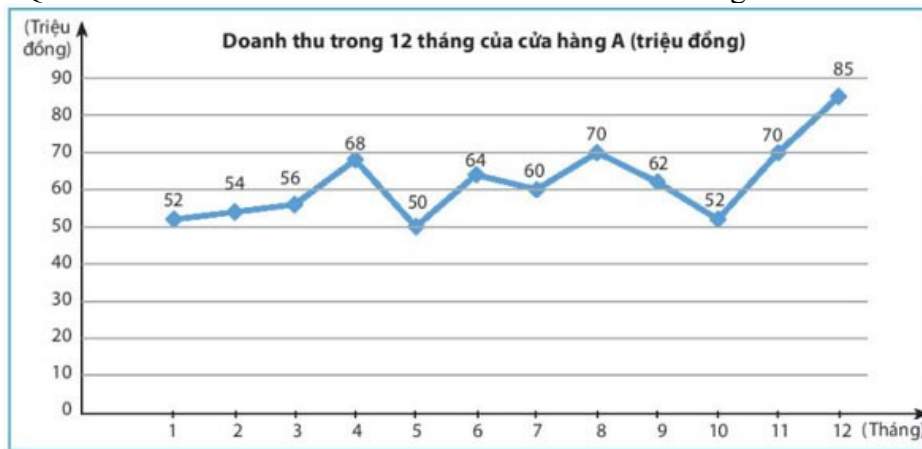
- A. 5 B. 30 C. 35 D. 40

Câu 10: Hãy cho biết, thành phần đất tốt cho cây trồng gồm bao nhiêu thành phần?

- A. 2 B. 3 C. 5 D. 4

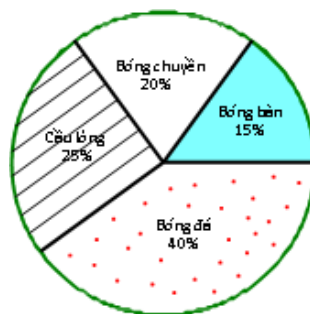


Câu 11. Quan sát biểu đồ sau và cho biết doanh thu của cửa hàng A cao nhất vào tháng nào?



- A. tháng 4 B. tháng 6 C. tháng 8 D. tháng 12

Câu 12. Cho biểu đồ biểu diễn kết quả thống kê (tính theo tỉ số phần trăm), môn thể thao ưa thích nhất là môn:



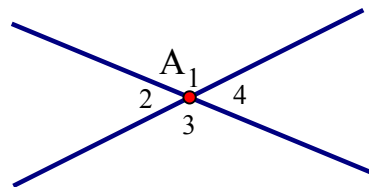
- A. Bóng đá B. Cầu lông C. Bóng bàn D. Bóng chuyền

Câu 13. Tính: $|9|$

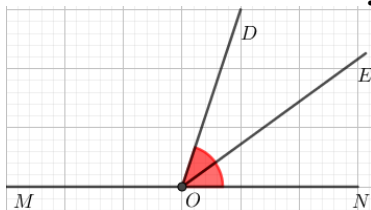
- A. 3 B. -3 C. -9 D. 9

Câu 14. Cho hình sau, chọn khẳng định **sai**:

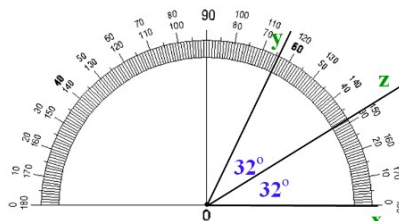
- A. $\widehat{A}_1$ và $\widehat{A}_3$ là 2 góc đối đỉnh
 B. $\widehat{A}_2$ và $\widehat{A}_4$ là 2 góc đối đỉnh
 C. $\widehat{A}_1$ và $\widehat{A}_4$ là 2 góc đối đỉnh
 D. $\widehat{A}_1$ và $\widehat{A}_4$ là 2 góc kề bù



Sử dụng hình 1 và hình 2 để làm câu 15 và câu 16



Hình 1



Câu 15. Tìm tia phân giác của góc DON trong hình 1:

- A. OD B. ON C. OM D. OE

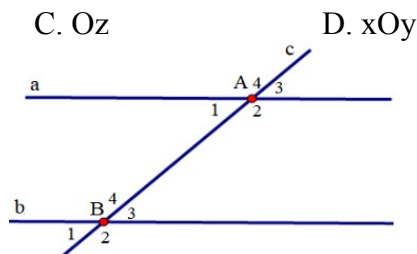
Câu 16. Tia phân giác của góc xOy trong hình 2 là tia:

- A. Ox B. Oy C. Oz D. xOy

Câu 17. Cho hình vẽ sau. Cặp góc so le trong là

cặp góc nào trong các cặp góc sau đây?

- A. $\widehat{A}_2$ và $\widehat{B}_2$ B. $\widehat{A}_1$ và $\widehat{B}_3$
 C. $\widehat{A}_3$ và $\widehat{B}_1$ D. $\widehat{A}_4$ và $\widehat{B}_4$



Câu 18. Bản tin dự báo thời tiết dưới đây cho biết nhiệt độ ở thành phố New York trong các ngày từ 11/04/2022 (thứ Hai) đến 17/04/2022 (Chủ nhật). Giá trị nào không hợp lí?

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật
0°C	2°C	4°C	-5°C	20°C	30°C	100°C

- A. 0°C B. 2°C C. 30°C D. 100°C

Câu 19. Các loại kem ưa thích của học sinh lớp 7A được lớp trưởng ghi lại trong bảng sau:

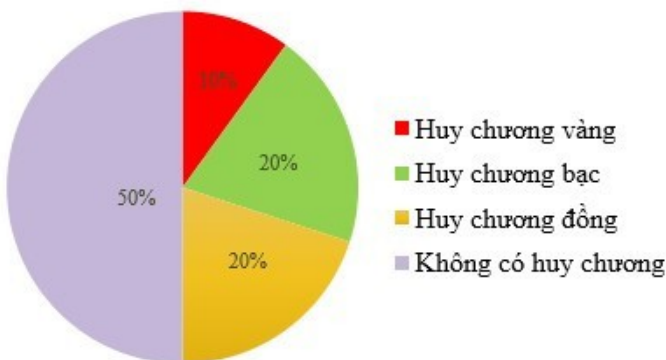
Loại kem	Số bạn ưa thích
Dâu	11
Nho	4
Sầu riêng	8
Sô cô la	5
Va ni	2

Lớp trưởng đã thu được dữ liệu trên bằng cách nào?

- A. Quan sát B. Làm thí nghiệm
 C. Lập phiếu câu hỏi D. Thu thập từ các nguồn có sẵn như: sách báo, trang web,....

Câu 20. Cho biết biểu đồ biểu diễn thông tin về vấn đề gì?

Tỉ lệ phần trăm các loại huy chương được trao trong một cuộc thi



- A. Tỉ lệ phần trăm của biểu đồ
 B. Biểu đồ phàm trăm
 C. Tỉ lệ phần trăm hình tròn
 D. Tỉ lệ phần trăm các loại huy chương được trao trong một cuộc thi

II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Câu 1: (1 điểm)

a) Tính: $\frac{12}{23} \cdot \frac{7}{13} + \frac{11}{23} \cdot \frac{7}{13}$

b) Tìm x, biết: $\frac{5}{2} - \frac{9}{5}x = 2\frac{1}{4}$

Câu 2. (1 điểm)

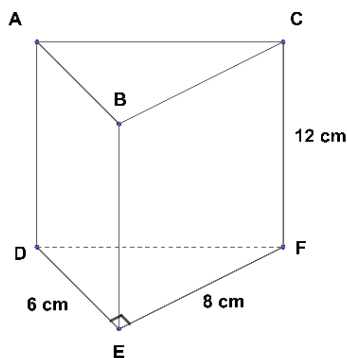
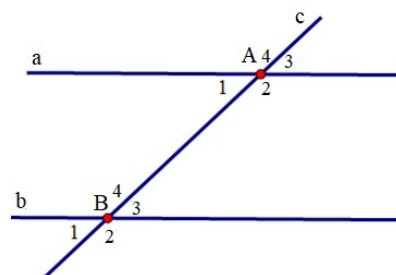
a/ Một chiếc ti vi có đường chéo là 32 inch, hãy tính độ dài đường chéo của ti vi này theo đơn vị cm với độ chính xác d = 0,05 (biết 1 inch ≈ 2,54 cm)

b/ Hãy ước lượng kết quả phép tính sau: $(-203) \cdot (59,8)$

Câu 3:(0,75 điểm) Cho hình lăng trụ đứng tam giác vuông ABC.DEF như hình vẽ.

Biết DE = 6 cm, EF = 8 cm, CF = 12 cm

- a) Xác định chiều cao của hình lăng trụ và có độ dài bao nhiêu cm?
 b) Tính thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác ABC.DEF.



Câu 4: (0,5 điểm) Cho hình vẽ

- a) Xác định góc so le trong với góc A_1 ?
 b) Xác định góc đồng vị với góc B_3 ?

Câu 5: (0,75 điểm) Thống kê về các loại lồng đèn mà các bạn học sinh lớp 7A làm được để trao tặng cho các trẻ em khuyết tật nhân dịp tết Trung thu được cho trong bảng dữ liệu sau:

STT	Loại lồng đèn	Số lượng	Màu sắc
1	Con cá	4	Vàng
2	Thiên nga	2	Xanh
3	Con thỏ	8	Nâu
4	Ngôi sao	5	Đỏ
5	Đèn xếp	21	Lam

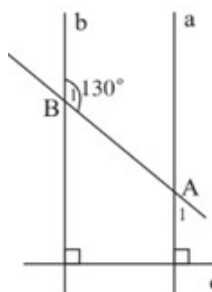
a) Hãy phân loại các dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.

b) Tính tổng số lồng đèn các loại mà các bạn lớp 7A đã làm được

Câu 6. (1 điểm) Cho hình vẽ:

a/ Chứng minh rằng $a \parallel b$?

b/ Tính số đo của $\widehat{A_1}$?



HẾT.

(Đề gồm có 04 trang)

**ĐÁP ANS ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC
2024-2025**

MÔN: TOÁN KHỐI 7

Ngày kiểm tra:

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm) Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu 1: A	Câu 2: B	Câu 3: C	Câu 4: C	Câu 5: C	Câu 6: D	Câu 7: A
Câu 8: B	Câu 9: C	Câu 10: D	Câu 11: D	Câu 12: A	Câu 13: D	Câu 14: C
Câu 15: D	Câu 16: C	Câu 17: B	Câu 18: D	Câu 19: C	Câu 20: D	

II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1: (1,0 điểm)	a) Tính $\frac{12}{23} \cdot \frac{7}{13} + \frac{11}{23} \cdot \frac{7}{13}$ $= \frac{7}{13} \cdot \left(\frac{12}{23} + \frac{11}{23} \right)$ $= \frac{7}{13} \cdot 1 = \frac{7}{13}$	0,25 0,25
	b) Tìm x, biết: $\frac{5}{2} - \frac{9}{5}x = 2\frac{1}{4}$ $\frac{9}{5}x = \frac{5}{2} - \frac{9}{4}$ $\frac{9}{5}x = \frac{1}{4}$ $x = \frac{1}{4} : \frac{9}{5}$ $x = \frac{5}{36}$	0,25 0,25
Câu 2 (1,0 điểm)	a/ Độ dài đường chéo của ti vi là: $2.54 \cdot 32 = 81,28 \text{ cm} \approx 81,3 \text{ cm}$ (vì làm tròn với d = 0,05) Vậy độ dài đường chéo của ti vi là 81,3 cm	0,25 0,25
	b/ $(-203) \cdot (59,8)$ $= (-200) \cdot 60$ $= -12000$	0,25 0,25
Câu 3: (0,75 điểm)	a) Chiều cao của hình lăng trụ: $AD = BE = CF = 12\text{cm}$ b) Thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác ABC.DEF. $8 \cdot 6 : 2 \cdot 12 = 288 \text{ cm}^3$	0,25 0,5

Câu 4: (0,5 điểm)	Cho hình vẽ bên a) Góc B_3 so le trong với góc A_1 b) Góc A_3 đồng vị với góc B_3 ?	0,25 0,25
Câu 5: (0,75 điểm)	a) - Dữ liệu định tính là: Loại lồng đèn và Màu sắc - Dữ liệu định lượng là: Số lượng b) Tổng số lồng đèn các loại mà các bạn lớp 7A đã làm được $4 + 2 + 8 + 5 + 21 = 40$ (lồng đèn)	0,25 0,5
Câu 5: (1,0 điểm)	$\begin{cases} a \perp c \\ b \perp c \end{cases}$ a/ Ta có: Vậy: $a // b$ (Vì cùng vuông với c)	0,25 0,25
	b/ Ta có $a // b$ Nên $\widehat{A_2} = \widehat{B_1} = 130^\circ$ (2 góc so le trong) Mà $\widehat{A_2}$ và $\widehat{A_1}$ là hai góc kề bù Nên $\widehat{A_1} + \widehat{A_2} = 180^\circ$ Vậy $\widehat{A_1} = 50^\circ$	0,25 0,25

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)*Viết một chữ cái đứng trước câu trả lời em cho là đúng vào bảng sau:*

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8
Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12	Câu 13	Câu 14	Câu 15	Câu 16

Câu 1: Trong các câu sau câu nào **đúng**?

A. $\frac{3}{7} \in \mathbb{Q}$.

B. $\frac{1}{2} \in \mathbb{Z}$.

C. $\frac{-9}{5} \notin \mathbb{Q}$.

D. $-6 \in \mathbb{N}$.

Câu 2: Tập hợp các số hữu tỉ kí hiệu là:

A. $\mathbb{N}$.

B. $\mathbb{N}^*$.

C. $\mathbb{Q}$.

D. $\mathbb{Z}$.

Câu 3: Số đối của $\frac{-2}{5}$ là:

A. $\frac{2}{5}$.

B. $\frac{5}{2}$.

C. $\frac{-5}{2}$.

D. $\frac{2}{-5}$.

Câu 4: Căn bậc hai số học của 81 là:

A. -9.

B. 9.

C. 81.

D. - 81.

Câu 5: Trong các kết quả sau, kết quả nào đúng?

A. $\sqrt{9} = -3$

B. $\sqrt{36} = -6$

C. $\sqrt{-4} = 2$

D. $\sqrt{9} = 3$

Câu 6: Số đối của $\sqrt{7}$ là:

A. $\sqrt{7}$ hoặc $-\sqrt{7}$.

B. $\sqrt{7}$

C. $\sqrt{7}$ và $-\sqrt{7}$

D. $-\sqrt{7}$.

Câu 7: Trong các số thập phân dưới đây, số thập phân nào là số thập phân hữu hạn?

A. -8,333....

B. 7,75.

C. -7,(8).

D. $\pi \approx 3,14159...$.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây đúng? Nếu $x \in \mathbb{R}$ thì

A. $|x| > 0$.

B. $|x| = x$.

C. $|x| \geq 0$.

D. $|-x| = -|x|$.

Câu 9: Từ tỉ lệ thức $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ ta có:

A. $a.d = c.b$.

B. $a.c = b.d$.

C. $b = c$.

D. $a = c$.

Câu 10: Chọn câu đúng. Với các điều kiện các phân thức có nghĩa thì:

A. $\frac{x}{a} = \frac{y}{b} = \frac{x+y}{a-b}$

B. $\frac{x}{a} = \frac{y}{b} = \frac{x-y}{a+b}$

C. $\frac{x}{a} = \frac{y}{b} = \frac{x+y}{a+b}$

D. $\frac{x}{a} = \frac{y}{b} = \frac{x+b}{a+y}$

Câu 11: Hình hộp chữ nhật có bao nhiêu mặt?

A. 5.

B. 6.

C. 7.

D. 8.

Câu 12 : Bạn An làm một chiếc hộp để đựng quà sinh nhật bằng bìa cứng có dạng hình hộp chữ nhật với chiều dài 25cm, chiều rộng 20cm, chiều cao 10cm. Tính diện tích bìa cứng dùng để làm hộp (bỏ qua diện tích các mép dán).

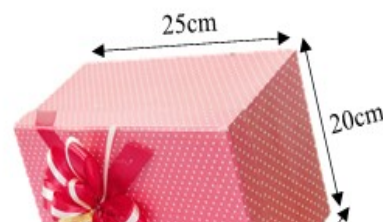
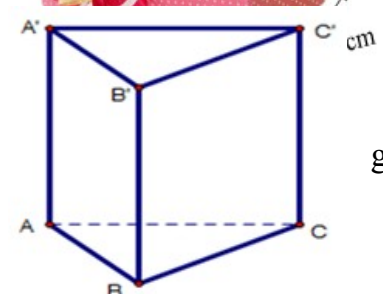
A. 1900cm^2 .

B. 1800cm^2 .

C. 1700cm^2 .

D. 900cm^2 .

Câu 13: Quan sát hình vẽ sau. Mặt bên AA'B'B là hình

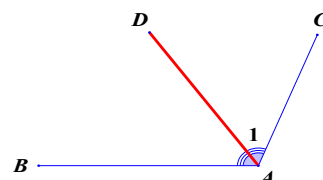


gì?

- A. Tam giác. B. Hình chữ nhật
C. Hình vuông. D. Hình bình hành.

Câu 14: Cho hình vẽ, biết $\widehat{BAC} = 110^\circ$, AD là tia phân giác của $\widehat{BAC}$. Tính số đo $\widehat{A_1}$

- A. $\widehat{A_1} = 220^\circ$ B. $\widehat{A_1} = 75^\circ$
C. $\widehat{A_1} = 55^\circ$ D. $\widehat{A_1} = 50^\circ$



Câu 15: Cho $\triangle ABC$ có $AC > BC > AB$. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng?

- A. $\widehat{A} > \widehat{B} > \widehat{C}$ B. $\widehat{C} > \widehat{B} > \widehat{A}$ C. $\widehat{C} > \widehat{A} > \widehat{B}$
D. $\widehat{B} > \widehat{A} > \widehat{C}$

Câu 16: Cho tam giác ABC có $\widehat{A} = 50^\circ$; $\widehat{B} = 70^\circ$. Số đo góc C bằng:

- A. 60° B. 50° C. 70° D. 120°

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

$$0,75 + \frac{9}{5} \cdot \left(1,5 - \frac{2}{3}\right)^2$$

Câu 17: (0,75 điểm) Thực hiện phép tính :

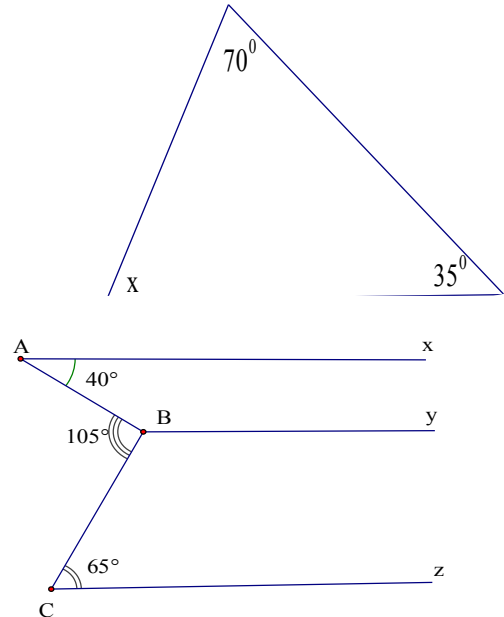
Câu 18: (0,5 điểm) Tìm số đối của các số thực sau: $5,12$; $-\sqrt{2}$

Câu 19: (1,0 điểm) Tìm số nguyên x và y thỏa mãn: $\frac{x}{3} = \frac{y}{5}$ và $x + y = 160$

Câu 20: (1,0 điểm). Hướng ứng phong trào ủng hộ bạn nghèo ăn tết của Liên Đội, ba chi đội 7A, 7B, 7C quyên góp được tổng số tiền 2 700 000 đồng. Biết rằng số tiền quyên góp của ba chi đội lần lượt tỉ lệ với 5, 6, 7. Tính số tiền quyên góp mỗi chi đội?

Câu 21: (1,5 điểm). Cho hình vẽ bên, trong đó Ax song song By, $\widehat{xAB} = 40^\circ$, $\widehat{ABC} = 105^\circ$, $\widehat{BCz} = 65^\circ$

- Tính số đo góc ABy
- Chứng minh rằng By song song với Cz



Câu 22. (0,25 điểm) Tính số đo góc x trong hình vẽ bên

Câu 23. (1,0 điểm) Tìm x, biết:

$$\frac{55-x}{1967} + \frac{50-x}{1972} + \frac{45-x}{1977} + \frac{40-x}{1982} + 4 = 0$$

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM HƯỚNG DẪN CHẤM

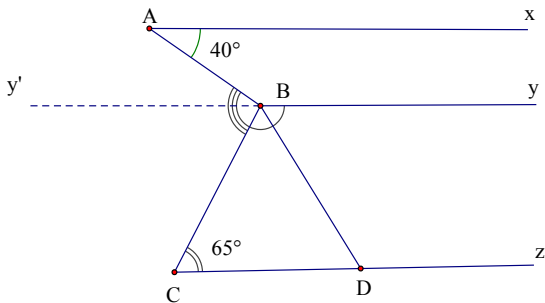
I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

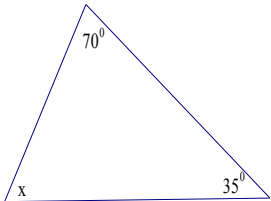
Viết một chữ cái đứng trước câu trả lời em cho là đúng vào bảng sau, mỗi câu đúng 0,25 điểm

					Câu 6	Câu 7	Câu 8
					D	B	C
					Câu 14	Câu 15	Câu 16
					C	D	A

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
-----	---	----------	------

Câu 17 (0,75đ)		Thực hiện phép tính $0,75 + \frac{9}{5} \cdot \left(1,5 - \frac{2}{3}\right)^2 = 0,75 + \frac{9}{5} \cdot \left(\frac{3}{2} - \frac{2}{3}\right)^2$ $= 0,75 + \frac{9}{5} \cdot \left(\frac{5}{6}\right)^2 = 0,75 + \frac{9}{5} \cdot \frac{25}{36} = \frac{3}{4} + \frac{5}{4} = 2$	0,25 0,5
Câu 18 (0,5 điểm)		Số đối của 5,12 là - 5,12 Số đối của $-\sqrt{2}$ là $\sqrt{2}$	0,25 0,25
Câu 19 (1,0 điểm)		Tìm số nguyên x và y thỏa mãn: $\frac{x}{3} = \frac{y}{5}$ và $x + y = 160$ $\frac{x}{3} = \frac{y}{5} = \frac{x+y}{3+5} = \frac{160}{8} = 20$ Ta có: Do đó: $x = 20 \cdot 3 = 60$ $y = 20 \cdot 5 = 100$	0,5 0,25 0,25
Câu 20 (1,0 điểm)		Gọi a, b, c lần lượt là số tiền thu được của ba chi đội $7A, 7B, 7C$ ($a, b, c \in \mathbb{N}^*$ và $a, b, c > 0$)	
		Theo đề bài: $\frac{a}{5} = \frac{b}{6} = \frac{c}{7} \text{ và } a + b + c = 2700000$	0,25
		Áp dụng tính chất của dãy tỷ số bằng nhau ta được: $\frac{a}{5} = \frac{b}{6} = \frac{c}{7} = \frac{a+b+c}{5+6+7} = \frac{2700000}{18} = 150000$	0,25
		Tính được $a = 570000; b = 900000; c = 1050000$ (TM)	0,5
		Vậy số tiền thu được của ba chi đội $7A, 7B, 7C$ lần lượt là 750000 đ; 900000 đ; 1050000 đ.	
Câu 21 (1,5 điểm)		Vẽ lại hình, ghi GT – KL 	
	a)	$\forall Ax \parallel By \Rightarrow \widehat{xAB} + \widehat{ABx} = 180^\circ$ (2 góc trong cùng phía) Thay vào tính được $\widehat{ABx} = 140^\circ$	0,25 0,25 0,25
	b)	Qua B kẻ tia $By' \parallel Ax$	

		<p>Vì $By' \parallel Ax \Rightarrow \angle ABy' = \angle AB = 40^\circ$ (2 góc so le trong)</p> <p>Vì By' nằm trong $\angle ABC \Rightarrow \angle ABy' + \angle y'BC = \angle ABC$</p> <p>Thay số tính được $\angle y'BC = 105^\circ - 40^\circ = 65^\circ$</p> <p>$\angle y'BC = \angle BCz = 65^\circ$. Mặt khác hai góc này ở vị trí so le trong, nên $By \parallel Cz$</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
Câu 22. (0,25 điểm)		<p>Tính số đo góc x trong hình vẽ bên</p> <p>Ta có:</p>  <p>$x = 180^\circ - (70^\circ + 35^\circ) = 180^\circ - 105^\circ = 75^\circ$</p>	0,25
Câu 23 (1,0 điểm)		<p>Tính x:</p> $\frac{55-x}{1967} + 1 + \frac{50-x}{1972} + 1 + \frac{45-x}{1977} + 1 + \frac{40-x}{1982} + 1 = 0$ $\frac{2022-x}{1967} + \frac{2022-x}{1972} + \frac{2022-x}{1977} + \frac{2022-x}{1982} = 0$ $(2022-x) \left(\frac{1}{1967} + \frac{1}{1972} + \frac{1}{1977} + \frac{1}{1982} \right) = 0$ $\frac{1}{1967} + \frac{1}{1972} + \frac{1}{1977} + \frac{1}{1982} \neq 0$ <p>Vì $\frac{1}{1967} + \frac{1}{1972} + \frac{1}{1977} + \frac{1}{1982} \neq 0$</p> $2022 - x = 0$ <p>Nên Suy ra $x = 2022$</p>	1

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3 điểm)**Câu 1: (Nhận biết)** Trong các số sau, số nào biểu diễn số hữu tỉ âm

- A. $\frac{-3}{2}$ B. $\frac{0}{3}$ C. $\frac{-1}{-5}$ D. 6,7

Câu 2: (Nhận biết) Số đối của số hữu tỉ $\frac{-1}{3}$ là

- A. -3 B. $\frac{1}{3}$ C. 3 D. $-\frac{1}{3}$

Câu 3: (Nhận biết) Căn bậc hai số học của 25 là

- A. -5 B. ± 5 C. $\sqrt{25}$ D. 5

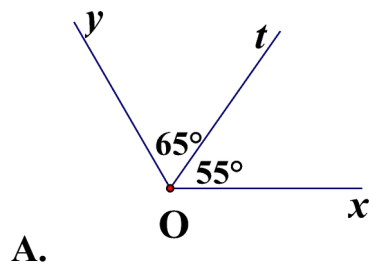
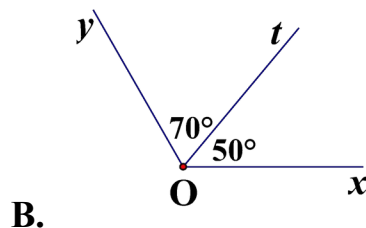
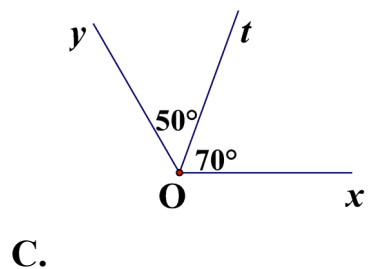
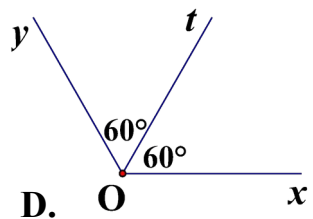
Câu 4: (Nhận biết) Tập hợp các số thực được kí hiệu là

- A. $\mathbb{R}$ B. I C. i D. $\mathbb{C}$

Câu 5: (Nhận biết) Chọn đáp án sai

- A. $3 \in \mathbb{R}$ B. $\frac{-8}{7} \in \mathbb{R}$ C. $0 \notin \mathbb{R}$ D. $\sqrt{5} \in \mathbb{R}$

Câu 6: (Nhận biết) Trong các hình vẽ dưới đây, hình vẽ nào cho biết Ot là tia phân giác của góc xOy?

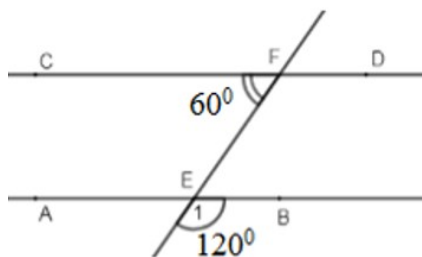


Câu 7: (Nhận biết) Điền từ thích hợp vào chỗ trống

Hai đường thẳng song song nếu có một cặp góc trong cùng phía

- A. Bù nhau B. Phụ nhau C. Bằng nhau D. Đối nhau

Câu 8: (Thông hiểu) Cho hình vẽ sau:



Biết $\angle CEF = 60^\circ$; $\angle E_1 = 120^\circ$. Chọn đáp án đúng nhất

- A. $\angle BEF = 60^\circ$ B. $AB \parallel CD$ C. Cả A, B đều đúng D. Cả A, B đều sai

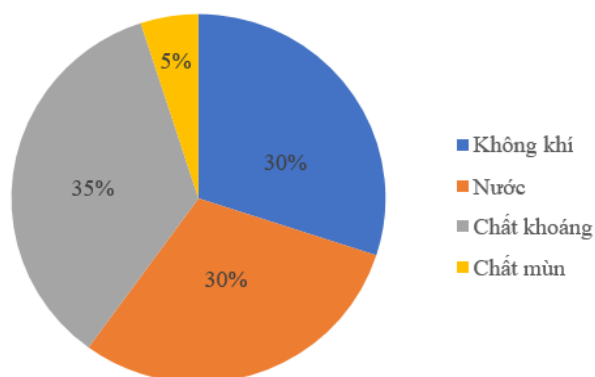
Câu 9: (Nhận biết) Cho $\triangle ABC = \triangle MNP$. Chọn đáp án *sai*

- A. $AB = MN$ B. $AC = NP$ C. $\angle A = \angle M$ D. $\angle P = \angle C$

Câu 10: (Nhận biết) Chọn câu *sai*

- A. Tam giác đều có ba góc bằng nhau và bằng 60°
 B. Tam giác đều có ba cạnh bằng nhau.
 C. Tam giác cân là tam giác đều.
 D. Tam giác đều là tam giác cân.

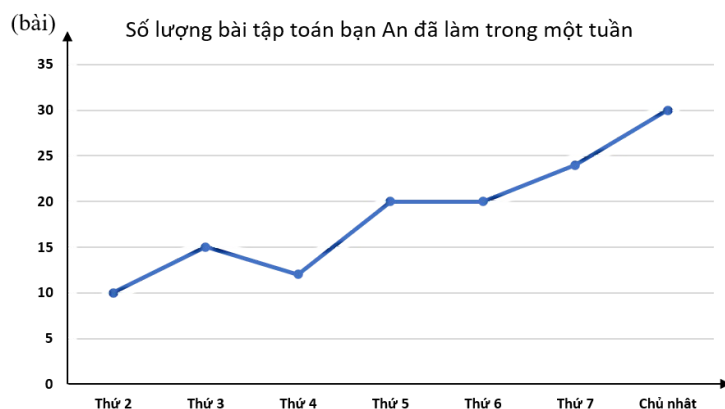
Câu 11: (Nhận biết) Quan sát biểu đồ tỉ lệ phần trăm thành phần của đất tốt cho cây trồng.



Hãy cho biết, Tỉ lệ phần trăm chất khoáng của đất tốt cho cây trồng là bao nhiêu?

- A. 5 B. 30 C. 35 D. 40

Câu 12: (Nhận biết) Quan sát biểu đồ và cho biết: Khẳng định nào sau đây là đúng?



- A. Ngày thứ tư bạn An làm ít bài tập toán nhất.

- B. Thứ 3 bạn An làm được 20 bài tập toán.
 C. Số lượng bài tập toán bạn An làm trong ngày thứ năm ít hơn thứ sáu.
 D. Số lượng bài tập toán bạn An làm ít nhất trong tuần đó là 10 bài.

PHẦN II: TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 13 (1,5đ) Tính

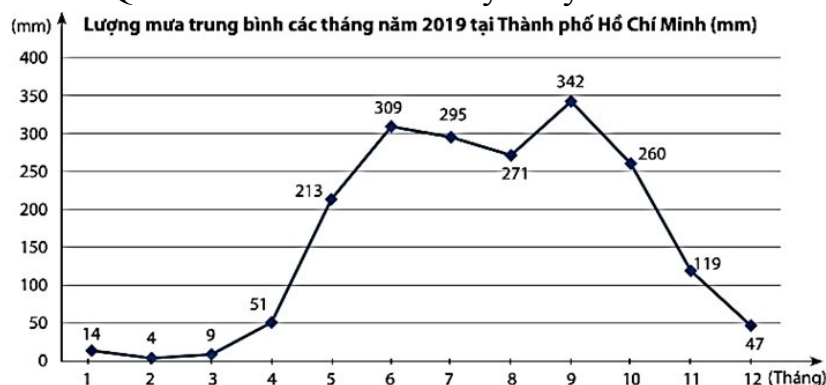
(TH) a) $2021 - \left(\frac{1}{3}\right)^2 \cdot 3^2$

(VD) b) $\left(-\frac{1}{4}\right)^2 \cdot \frac{4}{11} + \frac{7}{11} \cdot \left(-\frac{1}{4}\right)^2$

c) (TH) Sử dụng máy tính bỏ túi, tìm căn bậc hai số học (làm tròn đến độ chính xác 0,05) của 43.

Câu 14 (1đ) (Thông hiểu)

Quan sát biểu đồ dưới đây. Hãy cho biết:



- Tháng nào có lượng mưa cao nhất?
- Những tháng nào có lượng mưa trung bình thấp hơn 100 mm?
- Lượng mưa tháng 4 so với tháng 8 tăng hay giảm? Tăng (giảm) bao nhiêu mm?

Câu 15 (3,5đ) Cho tam giác ABC có AB = AC. Gọi M là trung điểm của BC. Chứng minh rằng:

- (TH) $\triangle AMB = \triangle AMC$;
- (VD) AM là tia phân giác của góc BAC;
- (VD) Trên tia đối của tia MA lấy điểm D sao cho MD = MA. Chứng minh rằng: AB//CD

Câu 16 (1,0đ): (Vận dụng cao) Thực hiện phép tính

$$A = \frac{2^{12} \cdot 3^5 - 4^6 \cdot 9^2}{(2^2 \cdot 3)^6 + 8^4 \cdot 3^5} - \frac{5^{10} \cdot 7^3 - 25^5 \cdot 49^2}{(125 \cdot 7)^3 + 5^9 \cdot 14^3}$$

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM
CUỐI HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 7

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-----	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----

Đ.án	A	B	D	C	C	D	A	C	B	C	C	D
------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
13	a	$2021 - \left(\frac{1}{3}\right)^2 \cdot 3^2 = 2021 - \frac{1}{3^2} \cdot 3^2 = 2021 - 1 = 2020$	0,5
	b	$\left(-\frac{1}{2}\right)^2 \cdot \frac{4}{11} + \frac{7}{11} \cdot \left(-\frac{1}{2}\right)^2 = \left(-\frac{1}{2}\right)^2 \cdot \left(\frac{4}{11} + \frac{7}{11}\right) = \left(-\frac{1}{2}\right)^2 \cdot \frac{11}{11} = \frac{1}{4}$	0,5
	c	$\sqrt{43} = 6,6$	0,5
14	a	Tháng 9 nào có lượng mưa cao nhất	0,25
	b	Những tháng có lượng mưa trung bình thấp hơn 100 mm: 1; 2; 3; 4; 12	0,25
	c	Lượng mưa tháng 4 so với tháng 8 tăng 220 (mm)	0,5
15		Vẽ hình đúng	0,5
	a	Xét $\triangle AMB$ và $\triangle AMC$, ta có: $AB = AC$ (GT), cạnh AM chung, $MB = MC$ (GT) Vậy $\triangle AMB = \triangle AMC$ (c.c.c)	1,0
	b	vì $\triangle AMB = \triangle AMC$ (câu a) $\widehat{MAB} = \widehat{MAC}$ nên (hai góc tương ứng) mà tia AM nằm giữa hai tia AB và AC , do đó AM là tia phân giác của góc BAC .	1,0
16	c	Chứng minh: $\triangle ABM = \triangle DCM$ (c - g - c) Suy ra: $\widehat{ABM} = \widehat{DCM}$ (2 góc tương ứng) Mà 2 góc này ở vị trí so le trong của AB và CD . Nên $AB \parallel CD$	0,5
		$A = \frac{2^{12} \cdot 3^5 - 4^6 \cdot 9^2}{(2^2 \cdot 3)^6 + 8^4 \cdot 3^5} - \frac{5^{10} \cdot 7^3 - 25^5 \cdot 49^2}{(125 \cdot 7)^3 + 5^9 \cdot 14^3} = \frac{2^{12} \cdot 3^5 - 2^{12} \cdot 3^4}{2^{12} \cdot 3^6 + 2^{12} \cdot 3^5} - \frac{5^{10} \cdot 7^3 - 5^{10} \cdot 7^4}{5^9 \cdot 7^3 + 5^9 \cdot 2^3 \cdot 7^3}$ $= \frac{2^{12} \cdot 3^4 \cdot (3 - 1)}{2^{12} \cdot 3^5 \cdot (3 + 1)} - \frac{5^{10} \cdot 7^3 \cdot (1 - 7)}{5^9 \cdot 7^3 \cdot (1 + 2^3)}$ $= \frac{2^{12} \cdot 3^4 \cdot 2}{2^{12} \cdot 3^5 \cdot 4} - \frac{5^{10} \cdot 7^3 \cdot (-6)}{5^9 \cdot 7^3 \cdot 9}$ $= \frac{1}{6} - \frac{-10}{3} = \frac{7}{2}$	1

----- HẾT -----

Chú ý:

Tất cả các câu trong bài thi nếu cách làm khác đúng vẫn đạt điểm tối đa, điểm thành phần giám khảo tự phân chia trên cơ sở điểm thành phần của đáp án.

uigeli.xyz

ĐỀ 10**ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I****NĂM HỌC 2024-2025****MÔN: TOÁN 7**

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái A, B, C hoặc D trước câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1. Số đối của số 0,7 là:

- A. -0,7 B. 0,7 C. $\frac{1}{0,7}$ D. $\frac{-1}{0,7}$

Câu 2. Số lớn nhất trong các số -2; $\frac{-1}{5}$; -3; $\frac{-2}{7}$ là:

- A. -2 B. $\frac{-1}{5}$ C. -3 D. $\frac{-2}{7}$

Câu 3. Căn bậc hai số học của số a không âm là số x không âm sao cho:

- A. $x = a^2$ B. $\sqrt{a} = x$ C. $\sqrt{x} = a$ D. $x^2 = a$

Câu 4. Phân số biểu diễn được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn là:

- A. $\frac{2}{5}$ B. $\frac{3}{7}$ C. $\frac{-1}{2}$ D. $\frac{-2}{10}$

Câu 5. Hãy chọn khẳng định sai.

- A. Chiều cao (cm) của một số bạn học sinh lớp 7A: 152, 148, 154,... là dữ liệu định lượng.
B. Màu sắc của các loại trái cây: xanh, tím, đỏ,... là dữ liệu định lượng.
C. Danh sách một số loại trái cây: Táo, xoài, bưởi,... là dữ liệu định tính.
D. Điểm trung bình môn Toán của một số học sinh: 5,0; 7,5; 8,5,... là dữ liệu định lượng.

Câu 6. Theo thống kê cuối kì I của lớp 7A về xếp loại rèn luyện cho bởi bảng sau:

Xếp loại rèn luyện	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Số học sinh được đánh giá	20	18	3	1

Hỏi lớp 7A có bao nhiêu học sinh?

- A. 3 B. 20 C. 18 D. 42

Câu 7. Số đỉnh của hình hộp chữ nhật là?

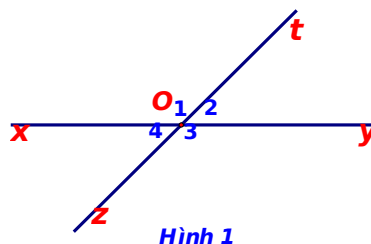
- A. 8 B. 6 C. 12 D. 10

Câu 8. Các mặt đáy của hình lăng trụ đứng tứ giác là các hình gì?

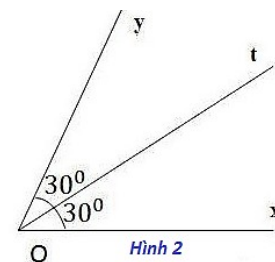
- A. Hình vuông B. Hình tam giác C. Hình chữ nhật D. Hình tứ giác

Câu 9: Cho **Hình 1**. Góc kề bù với $\angle_4$ là:

- A. $\angle_2$ B. $\angle_1$ và $\angle_3$
C. $\angle_2$ và $\angle_1$ D. $\angle_2$ và $\angle_3$



Hình 1



Hình 2

Câu 10. Cho **Hình 2**. Chọn khẳng định đúng:

- A. Oy là tia phân giác của $\angle xOt$
C. Ot là tia phân giác của $\angle xOy$

- B. Ox là tia phân giác của $\angle xOy$
D. Ot là tia phân giác của $\angle xOt$

Câu 11: Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống.

“Qua một điểm nằm ngoài đường thẳng đường thẳng song song với đường thẳng đó”.

- A. chỉ có một . B. có 2 đường thẳng. C. có 3 đường thẳng. D. có vô số đường thẳng.

Câu 12: Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống.

“Định lí là một khẳng định được suy ra từ những được coi là đúng”.

- A. Giả thiết B. Lập luận C. Diễn đạt D. Khẳng định

PHẦN II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

- a) Tìm căn bậc hai số học của $(-5)^2$. b) Tính $|-0,25|$
c) Dùng máy tính cầm tay, tính $\sqrt{2024}$ và làm tròn đến hàng phần trăm.
d) Làm tròn $\sqrt{15}$ với độ chính xác $d = 0,005$

Câu 2. (1,5 điểm)

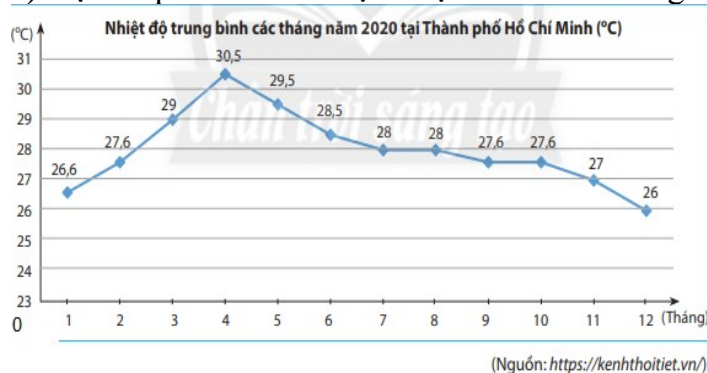
a) Tìm hiểu khả năng bơi của các bạn học sinh nữ lớp 7A được cho bởi bảng thống kê sau:

Khả năng bơi	Chưa biết	Biết	Bơi giỏi
Số bạn nữ được đánh giá	9	8	5

Dữ liệu trên có đại diện cho học sinh lớp 7A không? Vì sao?

b) Hãy phân loại các dữ liệu có trong bảng thống kê trên dựa trên hai tiêu chí định tính và định lượng.

c) Đọc và phân tích dữ liệu được biểu diễn trong biểu đồ **hình 3** sau:



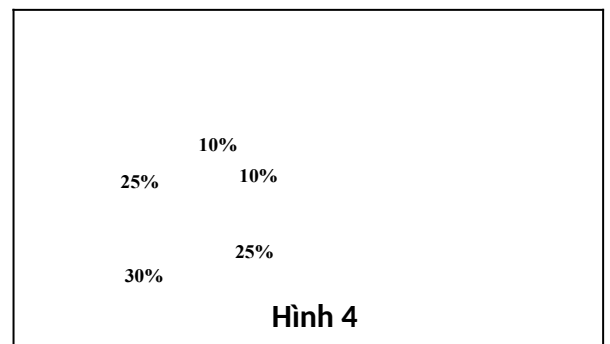
Hình 3

Câu 3. (1,0 điểm) Sử dụng thông tin từ biểu đồ **hình 4** để trả lời các câu hỏi.

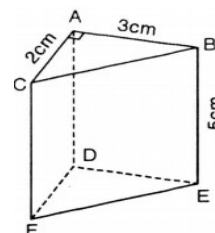
- a) Có bao nhiêu đối tượng được biểu diễn?
b) Nếu số học sinh tham gia thích nước cam là 8 thì số học sinh sinh tố là bao nhiêu?

Câu 4. (1,5 điểm)

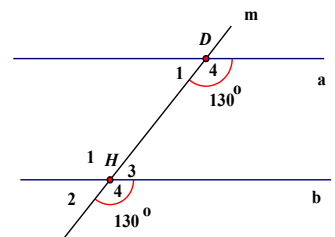
- a) Tính thể tích hình lăng trụ đứng có các kích thước cho như **hình 5**.
b) Cho **hình 6**. Chứng tỏ $a \parallel b$.
c) Chứng minh định lí “Hai tia phân giác của hai góc kề



Hình 4



Hình 5



Hình 6

bù tạo thành góc vuông”.

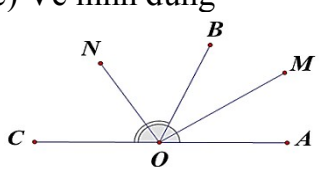
Câu 5. (1,0 điểm) Giá niêm yết một đôi giày thể thao tại một cửa hàng A là 380000 đồng. Nhân dịp khai trương cửa hàng giảm tất cả loại giày là 20% theo giá niêm yết. Để tri ân khách hàng cửa hàng đã giảm thêm 10 % nữa (so với giá giảm lần đầu). Trong đợt khuyến mãi lần thứ hai này, cửa hàng đã bán được 25 đôi giày thì lời được 1750000 đồng. Hỏi giá vốn một đôi giày là bao nhiêu tiền?

HƯỚNG DẪN CHẤM - MÔN: Toán 7

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: Mỗi câu chọn đúng 0.25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	D	B	B	D	A	D	B	C	A	D

II. TỰ LUẬN:

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 1 điểm	a) Căn bậc hai số học của $(-5)^2$ là 5	0,5
	b) $ -0,25 = 0,25$	0,5
	c) $\sqrt{2024} = 44,98888752... \approx 44,99$	0,5
	d) Do độ chính xác đến hàng phần nghìn nên ta làm tròn số $\sqrt{15}$ đến hàng phần trăm và có kết quả là 3,87	0,5
Câu 2 1,5 điểm	a) Dữ liệu không đại diện cho học sinh lớp 7A. Vì chỉ thống kê khả năng bơi của các bạn nữ lớp 7A.	0,25 0,25
	b) Dữ liệu định tính: Khả năng bơi. Dữ liệu định lượng: Số bạn nữ được đánh giá.	0,5
	c) Phân tích đúng biểu đồ.	0,5
Câu 3 1,0 điểm	a) Có 5 đối tượng được biểu diễn: Cầu lông, đá cầu, bóng đá, bóng bàn, bơi lội.	0,5
	b) Số học sinh thích sinh tố là $\frac{8}{10\%} \cdot 25\% = 20$ (học sinh)	0,5
Câu 4 1,5 điểm	a) Thể tích của hình lăng trụ đứng là $(2.3):2.5 = 15 \text{ cm}^2$	0,5
	b) Ta có $\widehat{D_4} = \widehat{H_4} = 130^\circ$ (gt) Mà $\widehat{D_4}$ và $\widehat{H_4}$ là hai góc đồng vị Nên a//b	0,25 0,25
	c) Vẽ hình đúng	
	 $\widehat{BOM} = \frac{\widehat{AOB}}{2} \quad (\text{vì } OM \text{ là tia phân giác của } \widehat{AOB})$ $\widehat{BON} = \frac{\widehat{BOC}}{2} \quad (\text{vì } ON \text{ là tia phân giác của } \widehat{BOC})$	0,25

Câu	Nội dung	Điểm
	$\angle BOM + \angle BON = \frac{\angle AOB}{2} + \frac{\angle BOC}{2} = \frac{\angle AOB + \angle BOC}{2} = \frac{180^\circ}{2} = 90^\circ$ <p>Suy ra Do đó $\angle MON = 90^\circ$</p>	0,25
Câu 5 1 điểm	<p>Giá một đôi giày sau khi giảm lần 1. $380000.(100\%-20\%) = 304000$(đồng)</p> <p>Giá một đôi giày sau khi giảm lần 2. $304000.(100\%-10\%) = 273600$(đồng)</p> <p>Giá bán 25 đôi giày sau hai lần giảm giá $273600. 25 = 6840000$ đồng</p> <p>Giá vốn một đôi giày là $(6840000 - 1750000):2 = 203600$ đồng</p>	0,25 0,25 0,25 0,25

(Mọi cách giải khác đúng trong chương trình đã học vẫn đạt điểm tối đa)

uigeli.xyz ĐỀ 11	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025 MÔN: TOÁN 7
----------------------------	--

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái A, B, C hoặc D trước câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1: Tập hợp các số hữu tỉ được kí hiệu là:

- A. $\mathbb{Q}$ B. $\mathbb{Z}$ C. $\mathbb{R}$ D. $\mathbb{Q}^*$

Câu 2: Số đối của $\frac{7}{5}$ là:

- A. $\frac{-5}{7}$ B. $\frac{5}{7}$ C. $\frac{-7}{5}$ D. $\frac{7}{5}$

Câu 3: Cho các số hữu tỉ: $\frac{-2}{3}$; $\frac{-3}{5}$; $\frac{2}{3}$; $\frac{5}{4}$; 0. Hãy sắp xếp các số hữu tỉ trên theo thứ tự tăng dần:

- A. $\frac{-2}{3}$; $\frac{-3}{5}$; 0; $\frac{5}{4}$; $\frac{2}{3}$ B. $\frac{-3}{5}$; $\frac{-2}{3}$; 0; $\frac{5}{4}$; $\frac{2}{3}$
- C. $\frac{-3}{5}$; $\frac{-2}{3}$; 0; $\frac{2}{3}$; $\frac{5}{4}$ D. $\frac{-2}{3}$; $\frac{-3}{5}$; 0; $\frac{2}{3}$; $\frac{5}{4}$

Câu 4: Hình hộp chữ nhật có bao nhiêu đỉnh?

- A. 12 B. 8 C. 6 D. 4

Câu 5: Hãy chọn khẳng định sai. Hình hộp chữ nhật ABCD.A'B'C'D' có:

- A. 8 đỉnh; B. 4 mặt bên; C. 6 cạnh; D. 6 mặt.

Câu 6: Các đường chéo của hình hộp chữ nhật ABCD. MNPQ.

- A. BP, CN, AQ, DM B. AN, BM, CQ, DP C. AP, BQ, CM, DN; D. AC, BD, NQ, MP

Câu 7: Cho hình lăng trụ đứng ABCD.EHGF có đáy ABCD là hình thang cân (AB // CD). Có bao nhiêu cạnh có độ dài bằng với độ dài cạnh GH?

- A. 1; B. 2; C. 3; D. 4.

Câu 8: Số mặt bên của lăng trụ đứng tứ giác là:

A. 4

B. 3

C. 5

D. 6

Câu 9: Số cạnh của lăng trụ đứng đáy tam giác là:

A. 7

B. 5

C. 6

D. 9

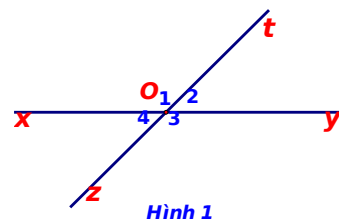
Câu 10: Cho **Hình 1**. Góc đối đỉnh với $\angle_1$ là:

A. $\angle_3$

B. $\angle_2$

C. $\angle_4$

D. $\angle xOy$



Hình 1

Câu 11: Chọn phát biểu **đúng**:

A. Hai góc kề nhau là hai góc kề bù;

B. Hai góc kề nhau là hai góc có tổng số đo bằng 180° ;

C. Hai góc kề nhau là hai góc có một cạnh chung và không có điểm trong chung;

D. Hai góc kề nhau thì bằng nhau.

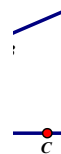
Câu 12: Cho hình vẽ 2 : Chọn khẳng định **đúng**:

A. OA là tia phân giác của $\angle BOC$

B. OB là tia phân giác của $\angle AOC$

C. OC là tia phân giác của $\angle AOC$

D. OB là phân giác $\angle BOC$



PHẦN II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1: (1,0 điểm)

a) Quan sát hình lăng trụ đứng trong hình 3.

Hãy chỉ ra mặt đáy của hình lăng trụ đứng.

b) Cho $\angle xOy = 120^\circ$. Hãy vẽ tia phân giác Oz của góc xOy.

Câu 2: (1,5 điểm)

a) Hãy biểu diễn các số hữu tỉ $-\frac{1}{2}$ và 1,5 trên trục số.

b) Viết các biểu thức $[(0,5)^2]^3 : (0,5)^4$ dưới dạng lũy thừa của một số hữu tỉ.

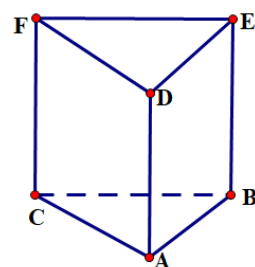
c) Tìm x, biết $x - \frac{1}{2} = 3\frac{1}{2} : \frac{2}{7}$

Câu 3 (0,75 điểm)

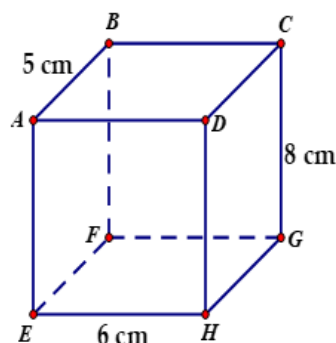
Một cái bể có có dạng hình hộp chữ nhật $ABCD.EFGH$ như hình 4, có $AB = 5 \text{ cm}$, $EH = 6 \text{ cm}$, $CG = 8 \text{ cm}$.

a) Tính diện tích xung quanh của bể.

b) Tính thể tích của bể.

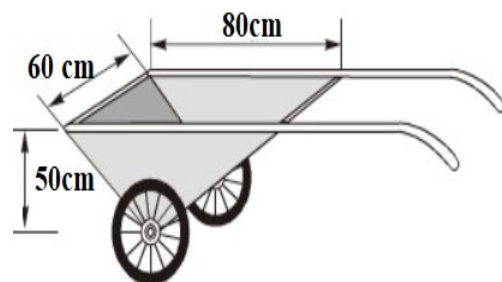


Hình 3



Hình 3a

Câu 4 (0,75 điểm) Thùng chứa của xe có dạng lăng trụ đứng tam giác, Các kích thước như hình 5. Tính thể tích của thùng chứa.



Hình 4

Câu 5 (2,0 điểm)

$$2 + 4 : \left(\frac{2}{3} - \frac{1}{6} \right) \cdot (-2, 25)$$

a) Thực hiện phép tính

b) Để làm 15 cái bánh, cần $1\frac{1}{2}$ cốc bột mì. Cô Hoa muốn làm 20 cái bánh. Hỏi cô Hoa cần bao nhiêu cốc bột mì?

Câu 6 (1 điểm) Hai kho chứa một số thóc. Biết kho A nhiều hơn kho B là 35 tấn. Người ta chuyển đi 25% số thóc ở mỗi kho nên số thóc còn lại ở cả hai kho là 225 tấn. Hỏi ban đầu số thóc ở kho B bằng bao nhiêu phần trăm số thóc ở kho A.

BÀI LÀM

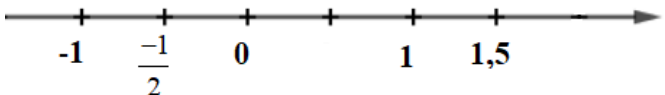
HƯỚNG DẪN CHẤM

MÔN: Toán 7

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: Mỗi câu chọn đúng 0.25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	D	B	C	C	C	A	D	A	C	B

II. TỰ LUẬN:

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 1 điểm	a) Mặt đáy của hình lăng trụ đứng là ABC và DEF	0,5
	b) Nêu đúng cách vẽ Vẽ đúng tia phân giác của góc $xOy = 120^\circ$	0,25 0,25
Câu 2 1,5 điểm	a) Ta có $1,5 = \frac{3}{2}$	
		
	- Nêu cách biểu diễn - Biểu diễn đúng	0,25 0,25
	b) $[(0,5)^2]^3 : (0,5)^4 = (0,5)^6 : (0,5)^4 = (0,5)^2$	0,5
	$x - \frac{1}{2} = 3\frac{1}{2} : \frac{2}{7}$ c) $x - \frac{1}{2} = \frac{7}{2} : \frac{7}{2}$ $x = \frac{49}{4} + \frac{1}{2}$ $x = \frac{51}{4}$	0,5
Câu 3 0,75 điểm	a) Tính diện tích xung quanh của bể. $2.(6+5).8 = 176 \text{ (cm}^2\text{)}$	0,5
	b) Tính thể tích của bể. $6.5.8 = 240 \text{ (cm}^3\text{)}$	0,25
Câu 4 0,75 điểm	Thể tích của thùng chứa. $\frac{80.50}{2} . 60 = 120000 \text{ (cm}^3\text{)}$	0,75

Câu 5 2 điểm	<p>a)</p> $2 + 4 : \left(\frac{2}{3} - \frac{1}{6} \right) \cdot (-2,25)$ $= 2 + 4 : \left(\frac{4}{6} - \frac{1}{6} \right) \cdot \left(\frac{-9}{4} \right)$ $= 2 + 4 : \left(\frac{1}{2} \right) \cdot \left(\frac{-9}{4} \right)$ $= 2 + 4 \cdot 2 \cdot \left(\frac{-9}{4} \right)$ $= 2 + (-18)$ $= -16$	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
	<p>b) Để làm một cái bánh thì cần lượng bột mì là:</p> $1\frac{1}{2} : 15 = \frac{3}{2} : 15 = \frac{1}{10} \text{ (cốc bột)}$ <p>Vậy để làm 20 cái bánh, cô Hoa cần lượng bột mì là:</p> $\frac{1}{10} \cdot 20 = 2 \text{ (cốc bột)}$	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
Câu 6 1 điểm	<p>Số thóc còn lại trong mỗi kho chiếm số phần trăm là:</p> $100\% - 25\% = 75\%$ <p>Tổng số thóc của 2 kho ban đầu là:</p> $225 : 75\% = 300 \text{ (tấn)}$ <p>Số thóc kho A ban đầu là:</p> $(300 + 35) : 2 = 167,5 \text{ (tấn)}$ <p>Số thóc kho B ban đầu là:</p> $167,5 - 35 = 132,5 \text{ (tấn)}$ <p>Số thóc ban đầu ở kho B bằng số phần trăm số thóc ở kho A ban đầu là: $132,5 : 167,5 \approx 79,1\%$</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>

(Mọi cách giải khác đúng trong chương trình đã học vẫn đạt điểm tối đa)

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1: Số đối của số của số $\frac{-3}{5}$ là:

- A. $\frac{3}{5}$ B. $\frac{3}{-5}$ C. $\frac{5}{3}$ D. -0,6

Câu 2. Chọn cụm từ thích hợp để điền vào dấu

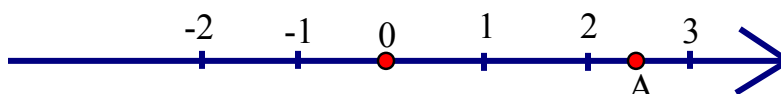
“Qua điểm M nằm ngoài đường thẳng a đường thẳng song song với đường thẳng a”

- A. chỉ có một. B. có 2 đường thẳng.
C. có 3 đường thẳng. D. có vô số đường thẳng.

Câu 3. Chọn câu **sai** trong các công thức sau:

- A. $x^m \cdot x^n = x^{m+n}$ B. $(x : y)^n = x^n : y^n (y \neq 0)$
C. $(x \cdot y)^n = x^n \cdot y^n$ D. $(x^m)^n = x^{m \cdot n}$

Câu 4: Điểm A biểu diễn số hữu tỉ nào?



- A. $\frac{3}{2}$ B. $\frac{5}{2}$ C. $\frac{2}{5}$ D. $\frac{-5}{2}$

Câu 5: Số mặt của hình lập phương là:

- A. 4 mặt B. 6 mặt C. 8 mặt D. 10 mặt

Câu 6: Biết $x^2 = 25$ và ($x > 0$), $\sqrt{x}$ là :

- A. 5 B. $\sqrt{25}$ C. 25 D. $\sqrt{5}$

Câu 7. Một hình lập phương có diện tích một mặt là 9 cm^2 thể tích hình lập phương đó là :

- A. 18 cm^3 . B. 12 cm^3 . C. 27 cm^3 . D. 81 cm^3 .

Câu 8. Trong các kí hiệu sau, kí hiệu nào đúng ?

- A. $\sqrt{3} \in \mathbb{Z}$ B. $\frac{3}{5} \notin \mathbb{Q}$ C. $\sqrt{2} \in \mathbb{I}$ D. $\frac{1}{2} \notin \mathbb{R}$

Câu 9: Số nào là số vô tỉ trong các số sau:

- A. $1\frac{2}{3}$ B. 0 C. 3,(33) D. π

Câu 10: Làm tròn số 6,745 đến hàng phần trăm được kết quả là :

- A. 6,75 B. 6,745 C. 6,74 D. 6,755

Câu 11. Cho $\angle xOz$ và $\angle zOy$ là 2 góc kề bù. Biết $\angle xOz = 55^\circ$, số đo $\angle zOy$ bằng:

- A. 35° . B. 125° . C. 75° D. 65° .

Câu 12. Cho $\angle xOy = 76^\circ$, Om là tia phân giác của $\angle xOy$. Số đo $\angle xOm$ bằng:

- A. 132° . B. 14° . C. 38° D. 152° .

PHẦN 2 TỰ LUẬN : (7,0 điểm)

Bài 1:(1,5 điểm) Tính:

a) $\frac{2}{7} + \left| \frac{-5}{7} \right|$

b) $\sqrt{25} - 2.\sqrt{9} + \frac{\sqrt{4}}{2}$

c) Làm tròn số $\sqrt{14}$ đến hàng phần trăm?

Bài2: (1,5 điểm)

a) Tìm giá trị tuyệt đối các số thực sau: 5 ; $-\sqrt{5}$; -0,45; $\frac{5}{7}$ sau đó sắp xếp theo thứ tự tăng dần.

b) Tìm x, biết: $|x+1| - 2 = 3$

Bài 3: (1,0 điểm) Nhân dịp “Chào đón năm học mới”, một cửa hàng thời trang giảm giá 20% cho tất cả các sản phẩm. Đặc biệt, nếu khách hàng có thẻ **khách hàng thân thiết** của cửa hàng thì được giảm giá thêm 10% trên giá đã giảm.

a) Bạn An là **khách hàng thân thiết** của cửa hàng, khi mua một cái cặp có giá niêm yết là 350 000 đồng thì bạn An phải trả cho cửa hàng bao nhiêu tiền?

b) Bạn Quân cũng là **khách hàng thân thiết** của cửa hàng và mua 1 cái ba-lô phải trả 288.000 đồng. Vậy giá ban đầu của cái ba-lô đó là bao nhiêu tiền?

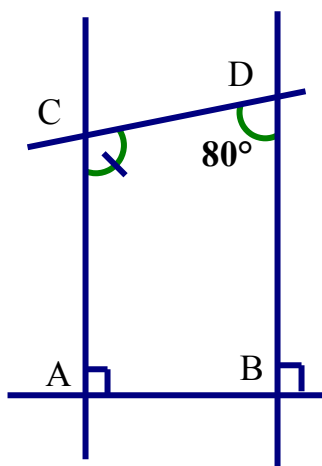
Bài 4: (1.0 điểm).

Một cửa hàng trái cây nhập hàng về kho trong tháng 1 với bảng thống kê như sau:

THỐNG KÊ LƯỢNG TRÁI CÂY NHẬP KHO THÁNG 1				
Loại trái cây	Thanh long	Xoài	Quýt	Cam
Số lượng (kg)	120	60	48	12

- a) Em hãy tính tỉ lệ phần trăm của từng loại trái cây so với tổng lượng trái cây nhập về trong tháng 1 ?
 b) Biểu diễn dữ liệu từ bảng thống kê vào biểu đồ hình quạt ?

Bài 5: (2,0 điểm) Cho hình vẽ



- d) Chứng minh $AC \parallel BD$
 e) Tính số đo góc $\widehat{ACD}$
 f) Vẽ tia CE là tia phân giác của $\widehat{ACD}$ ($E \in BD$). Tính số đo $\widehat{ACE}$?
 **Hết**

Ghi chú: Thí sinh được sử dụng các loại máy tính cầm tay do Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

ĐÁP ÁN

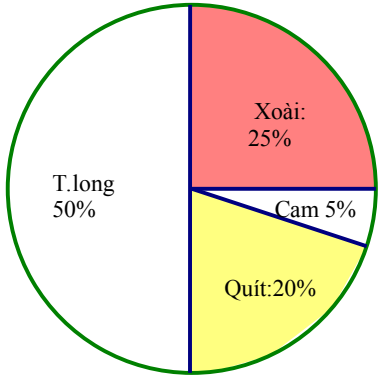
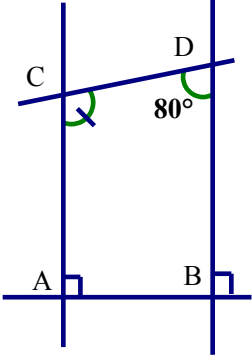
I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

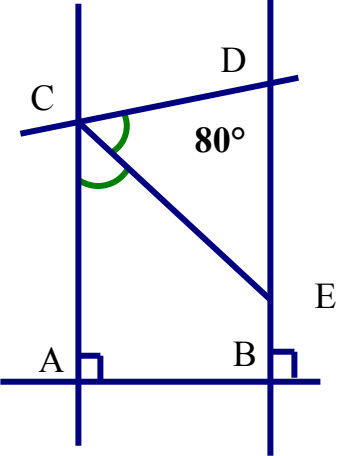
Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	A	A	D	B	B	D	C	C	D	A	B	C

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
1a (0,5đ)	$\frac{2}{7} + \left \frac{-5}{7} \right = \frac{2}{7} + \frac{5}{7} = \frac{7}{7} = 1$	0,5

1b <i>(0,5đ)</i>	$\sqrt{25} - 2.\sqrt{9} + \frac{\sqrt{4}}{2}$ $\sqrt{25} - 2.3 + 1 = 0$	0,5
1c <i>(0,5đ)</i>	$\sqrt{14}=3,74$	0,5
2a <i>(0,5đ)</i>	Giá trị tuyệt đối của các số 5 ; $-\sqrt{5}$; -0,45; $\frac{5}{7}$ lần lượt là : 5 ; $\sqrt{5}$; 0,45; $\frac{5}{7}$ Sắp xếp theo thứ tự tăng dần : $0,45 < \frac{5}{7} < \sqrt{5} < 5$	0,5
2b <i>(1,0đ)</i>	$ x+1 -2=3$ $ x+1 =5$ Suy ra $x+1=5$ hoặc $x+1=-5$ Vậy $x=4$ hoặc $x=-6$	0,5
Bài 3 <i>(1 đ)</i>	a) Giá cái cặp sau khi giảm giá 20% là: $350.000.(100\%-20\%)= 280.000$ (đồng). Giá cái cặp giảm tiếp 10% là : $280.000.(100\%-10\%)=252.000(\text{đồng})$. Vậy bạn An phải trả 252.000 đồng. b) Giá cái balo trước khi giảm giá 10% là : $288.000:(100\%-10\%)= 320.000$ (đồng) Giá cái balo trước khi giảm giá 20% là: $320.000:(100\%-20\%)= 400.000$ (đồng). Vậy giá ban đầu niêm yết của chiếc balo là 400.000 (đồng)	0,5 0,5

Bài 4 <i>(1,0đ)</i>	<p>a) Tổng số kg các loại trái cây: $120+60+48+12= 240$ (kg)</p> <p>Tỷ lệ % các loại :</p> <p>Thanh long : $\frac{120}{240} = 50\%$; Xoài : $\frac{60}{240} = 25\%$; Quít : $\frac{48}{240} = 20\%$;</p> <p>Cam: $\frac{12}{240} = 5\%$</p> <p>b) Biểu diễn dữ liệu bằng biểu đồ (tương đối chính xác)</p> 	<p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p>
Bài 5 <i>(2 đ)</i>		
a <i>(0,75đ)</i>	<p>Ta có $AC \perp AB$ (gt)</p> <p>$BD \perp AB$ (gt)</p> <p>$\Rightarrow AC \parallel BD$</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
b <i>(0,75đ)</i>	<p>Ta có $\angle ACD + \angle CDB = 180^\circ$ (vì $AC \parallel BD$)</p> <p>Hay $\angle ACD + 80^\circ = 180^\circ$</p> <p>$\angle ACD = 180^\circ - 80^\circ = 100^\circ$</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
c <i>(0,5đ)</i>	<p>(Hình vẽ)</p>	<p>0,25</p>

	 <p>Vì CE là tia phân giác của $\widehat{ACD}$</p> <p>Nên $\widehat{ACE} = \frac{\widehat{ACD}}{2} = \frac{100^\circ}{2} = 50^\circ$</p>	0,25
--	---	------

---Hết---

* **Lưu ý:** Bài toán có nhiều cách giải, nếu học sinh giải cách khác đúng vẫn được trọn số điểm ở mỗi câu.

uigeli.xyz ĐỀ 13	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025 MÔN: TOÁN 7
----------------------------	--

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái A, B, C hoặc D trước câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1: Số đối của $-\frac{2}{5}$ là:

- A. 2,5 B. $-\frac{5}{2}$ C. $\frac{2}{5}$ D. $\frac{5}{2}$

Câu 2: Cho các số hữu tỉ: $-\frac{2}{3}$; $-\frac{2}{5}$; $\frac{2}{3}$; $\frac{2}{5}$. Hãy sắp xếp các số hữu tỉ trên theo thứ tự tăng dần:

- A. $-\frac{2}{3}$; $-\frac{2}{5}$; $\frac{2}{3}$; $\frac{2}{5}$ B. $-\frac{2}{5}$; $-\frac{2}{3}$; $\frac{2}{5}$; $\frac{2}{3}$ C. $-\frac{2}{3}$; $-\frac{2}{5}$; $\frac{2}{5}$; $\frac{2}{3}$ D. $-\frac{2}{5}$; $-\frac{2}{3}$; $\frac{2}{3}$; $\frac{2}{5}$

Câu 3: Căn bậc hai số học của 36 bằng:

- A. 18 B. 6 C. -6 D. 6^2

Câu 4: Trong các câu sau, câu nào **đúng**:

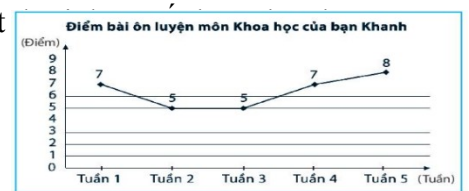
- A. Số $-\frac{3}{15}$ viết được dưới dạng số thập phân vô hạn. B. Số 3,(12) là số thập phân hữu hạn.

- C. Số 1,(3) là dạng thập phân của số $\frac{4}{3}$. (75)

Câu 5: Biểu đồ hình bên là dạng biểu đồ:

- A. Biểu đồ hình quạt tròn B. Biểu đồ tranh

- D. Số $\frac{3}{4}$ viết



C. Biểu đồ cột

D. Biểu đồ đoạn thẳng

Câu 6: Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào là dữ liệu định tính?

A. Diện tích rừng bị tàn phá.

B. Tên các loài động vật trong sách đỏ.

C. Số học sinh thích bóng đá của lớp 7A.

D. Số học sinh nữ các tổ của lớp 7A.

Câu 7: Số đường chéo của hình lập phương là:

A. 2;

B. 4;

C. 6;

D. 12.

Câu 8: Hình lăng trụ đứng tam giác có các mặt bên là hình gì?

A. Hình chữ nhật

B. Hình tam giác

C. Hình vuông D. Hình tứ giác.

Câu 9: Cho hình vuông ABCD như hình bên. Góc đối đỉnh với $\angle AEB$ là:

A. $\angle CED$

B. $\angle AED$

C. $\angle BEC$

D. $\angle EAD$

Câu 10: Cho hình vuông ABCD như hình bên, tia phân giác của $\angle ABC$ là:

A. Tia AE

B. Tia BE

C. Tia CE

D. Tia EB

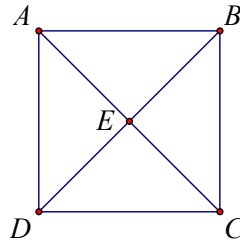
Câu 11: Chọn phát biểu **đúng**:

A. Chỉ có một đường thẳng song song với đường thẳng cho trước.

B. Chỉ có một đường thẳng vuông góc với đường thẳng cho trước.

C. Qua một điểm chỉ có một đường thẳng song song với đường thẳng cho trước.

D. Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng chỉ có một đường thẳng song song với đường thẳng cho trước.



Câu 12: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào là định lí:

A. Hai góc bù nhau là hai góc có tổng số đo bằng 180° .

B. Góc vuông là góc có số đo bằng 90° .

C. Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.

D. Hai đường thẳng song song là hai đường thẳng không có điểm chung.

PHẦN II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

a) Tìm căn bậc hai số học của $(-9)^2$.

b) Tính $\left| -\frac{4}{5} \right|$

c) Dùng máy tính cầm tay, tính $\sqrt{2023}$ và làm tròn đến phần mười.

d) Một hình vuông có diện tích là 5cm^2 . Hãy tính độ dài cạnh hình vuông đó và làm tròn với độ chính xác $d = 0,005$

Câu 2: (1,5 điểm) Tìm hiểu về sở thích đối với môn bơi lội của 5 học sinh trong trường THCS Trần Quang Diệu được cho bởi bảng thống kê sau:

TT	Tuổi	Giới tính	Sở thích
1	14	Nam	Không thích
2	13	Nam	Rất thích
3	15	Nữ	Không thích
4	15	Nữ	Thích
5	13	Nam	Rất thích

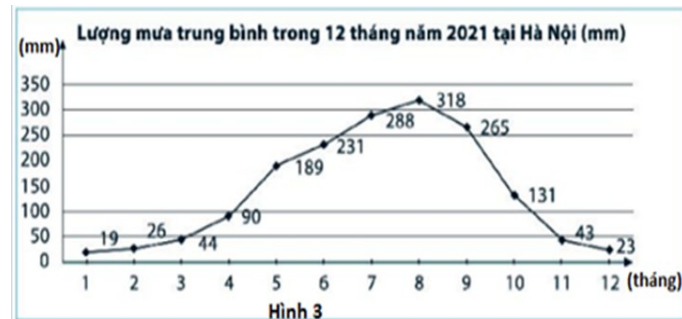
a) Hãy phân loại dữ liệu trong bảng thống kê theo hai tiêu chí định tính và định lượng.

b) Tính độ tuổi trung bình của các bạn được điều tra.

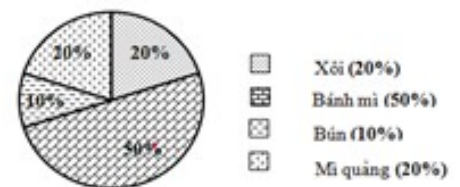
c) Nhìn vào biểu đồ đoạn thẳng trên và cho biết tháng nào có lượng mưa trung bình trên 200mm:

Câu 3 (1,0 điểm) Sử dụng thông tin từ biểu đồ hình quạt tròn để trả lời các câu hỏi.

a) Có bao nhiêu đối tượng được biểu diễn?



TỈ LỆ CÁC MÓN ĂN SÁNG YÊU THÍCH CỦA CÁC BẠN TRONG LỚP 7A

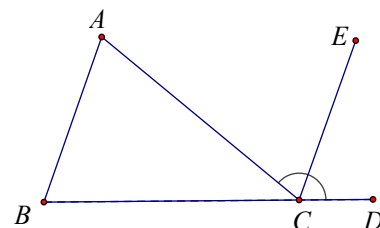


b) Nếu 8 học sinh thích ăn sáng món xôi thì có bao nhiêu học sinh thích ăn bánh mì ?

Câu 4 (1,5 điểm) a) Tính diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác biết độ dài ba cạnh là 3cm, 4cm, 5cm và chiều cao của lăng trụ là 6cm.

b) Cho hình bên biết $\angle ABC = 70^\circ$, $\angle ACB = 40^\circ$, CE là tia phân giác $\angle ACD$ Chứng tỏ $AB \parallel CE$.

c) Chứng minh định lí: Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau.



Câu 5 (1,0 điểm) Theo khuyến nghị khối lượng cặp sách của học sinh THCS không vượt quá 10% khối lượng cơ thể. Bạn Diệu học sinh lớp 7A cân nặng 46kg. Hằng ngày bạn Diệu đi học mang một chiếc cặp nặng 3,5 kg. Hôm nay, bạn Diệu cần đem thêm một số quyển vở

mới, mỗi quyển nặng $\frac{4}{25}$ kg để tặng học sinh vùng núi. Hỏi bạn Diệu có thể mang theo nhiều nhất bao nhiêu quyển vở mới theo khuyến nghị.

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

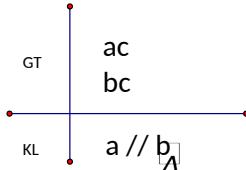
MÔN: Toán 7

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: Mỗi câu chọn đúng 0.25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	B	C	D	B	B	A	A	B	D	C

II. TỰ LUẬN:

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 1 điểm	a) Căn bậc hai số học của $(-9)^2$ là 9	0,5
	b) $\left -\frac{4}{5} \right = \frac{4}{5}$	0,5
	c) $\sqrt{2023} = 44,9777722... \approx 45$	0,5
	d) Độ dài cạnh hình vuông đó là $\sqrt{5} = 2,23606... \approx 2,24$	0,5
Câu 2 1,5 điểm	a) Dữ liệu định tính: Giới tính, sở thích.	0,25
	Dữ liệu định lượng: Tuổi	0,25
	b) Độ tuổi trung bình: 14	0,5
Câu 3 1,0 điểm	c) Tháng có lượng mưa trung bình trên 200mm là: tháng 6,7,8,9	0,5
	a) Có 4 món ăn sáng yêu thích: Xôi, bánh mì, bún, mì quảng	0,5
Câu 4 0,75 điểm	b) Số học sinh thích ăn bánh mì là: $(8 : 20\%).50\% = 20$ (HS)	0,5
	a) Diện tích xung quanh của hình lăng trụ $(3 + 4 + 5).6 = 72 \text{ cm}^2$	0,5
	b) Ta có $\angle ACB$ và $\angle ACD$ là hai góc kề bù nên $\angle ACB + \angle ACD = 180^\circ$ $40^\circ + \angle ACD = 180^\circ$ $\angle ACD = 180^\circ - 40^\circ = 140^\circ$.	0,25
	CE là tia phân giác $\angle ACD$ nên $\angle ECD = \frac{1}{2} \angle ACD = \frac{1}{2} .140^\circ = 70^\circ$ Suy ra $\angle ABC = \angle ECD = 70^\circ$. Hai góc ở vị trí đồng vị nên $AB \parallel EC$	0,25

	<p>c)</p>  <p>Vì $a \perp c$ tại A nên $\widehat{A_1} = 90^\circ$</p> <p>Vì $b \perp c$ tại B nên $\widehat{B_1} = 90^\circ$</p> <p>Suy ra $\widehat{A_1} = \widehat{B_1}$</p> <p>Hai góc ở vị trí đồng vị nên $a \parallel b$</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
<p>Câu 5 2 điểm</p>	<p>Theo khuyến nghị, khối lượng cặp sách bạn Diệu mang không vượt quá</p> $46 \cdot 10\% = 4,6 \text{ kg}$ <p>Khối lượng bạn Diệu có thể mang thêm nhiều nhất theo là:</p> $4,6 - 3,5 = 1,1 \text{ kg}$ $\frac{4}{25} = 0,16$ <p>Mà $1,1 : 0,16 = 6,875$ nên bạn Diệu có thể mang nhiều nhất là 6 quyển vở để phù hợp với khuyến nghị.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p>

(Mọi cách giải khác đúng trong chương trình đã học vẫn đạt điểm tối đa)

<p>uigeli.xyz</p> <p>ĐỀ 14</p>	<p>ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I</p> <p>NĂM HỌC 2024-2025</p> <p>MÔN: TOÁN 7</p>
---------------------------------------	---

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm) Hãy chọn đáp án đúng cho mỗi câu hỏi.

Câu 1. Khẳng định nào sau đây là SAI?

- A. $1,5 \in \mathbb{Q}$ B. $\frac{-4}{3} \in \mathbb{Q}$ C. $7 \notin \mathbb{Q}$ D. $3\frac{1}{4} \in \mathbb{Q}$

Câu 2. Số đối của $\frac{3}{4}$ là ?

- A. $-\frac{3}{4}$ B. $\frac{4}{3}$ C. $-\frac{3}{4}$ D. $-\frac{4}{3}$

Câu 3. Cho $|x| = 16$ thì giá trị của x là :

- A. $x = 16$ B. $x = -16$
C. $x = 4$ hoặc $x = -4$ D. $x = 16$ hoặc $x = -16$

Câu 4. Căn bậc hai số học của 25:

- A. 50 B. -25 C. 5 D. 12,5

Câu 5. Số nào là số vô tỉ trong các số sau:

- A. $\frac{2}{3}$ B. $\sqrt{2}$ C. 3,5 D. 0

Câu 6. Dữ liệu nào sau đây là dữ liệu số (số liệu):

- A. Chiều cao (đơn vị tính bằng cm) của các em học sinh trong lớp.
B. Tên của các bạn học sinh trong lớp.
C. Sở thích của các bạn học sinh trong lớp.

D. Tên các tỉnh của đất nước Việt Nam.

Câu 7. Biểu đồ dưới đây cho biết tỉ lệ các loại quả được bán ra trong ngày của một cửa hàng :

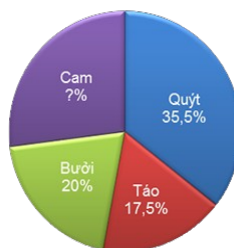
Lượng cam tiêu thụ chiếm:

A. 17%

B. 27%

C. 37%

D. 47%



Câu 8. Cho $\triangle ABC$, biết $\widehat{A} = 50^\circ$, $\widehat{B} = 95^\circ$. Số đo của góc C bằng:

A. 80°

B. 90°

C. 35°

D. 30°

Câu 9. Cho $\widehat{xOy} = 70^\circ$, Ot là tia phân giác của $\widehat{xOy}$. Số đo của $\widehat{xOt}$ là:

A. 35°

B. 30°

C. 40°

D. 140°

Câu 10. Cho tam giác ABC cân tại A. Khẳng định nào sau đây **SAI** ?

A. $AB = AC$

B. $\widehat{B} = \widehat{C}$

C. $AB = BC$

D. $\widehat{B} = (180^\circ - \widehat{A}) : 2$

Câu 11. Cho $\triangle ABC$ và $\triangle DEF$, biết $AB = DE$ và $AC = DF$. Cần thêm điều kiện nào dưới đây thì $\triangle ABC = \triangle DEF$ theo trường hợp **cạnh – góc – cạnh**:

A. $\widehat{A} = \widehat{D}$

B. $\widehat{A} = \widehat{E}$

C. $\widehat{B} = \widehat{D}$

D. $\widehat{C} = \widehat{F}$

Câu 12. Cho $\triangle ABC = \triangle DEF$, biết $EF = 5\text{cm}$. Khi đó độ dài đoạn thẳng BC là:

A. 5cm

B. 6cm

C. 2,5cm

D. 10cm

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1.(1,0 điểm) Trong đợt thi đua chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11. Bạn Huy lớp trưởng lớp 7D đã ghi lại số điểm tốt của mỗi bạn.

a) Bạn Huy sẽ thu thập số liệu bằng cách nào?

b) Dữ liệu bạn Huy thu thập được thuộc loại dữ liệu nào?

Bài 2.(1,0 điểm) Tính giá trị biểu thức:

a) $\frac{2}{5} + \left| \frac{-3}{5} \right|$

b) $\frac{3}{5} \times \frac{7}{9} + \frac{3}{5} \times \frac{2}{9} + \frac{-3}{5}$

Bài 3.(1,0 điểm) Tìm x, biết:

a) $-\frac{4}{3}x + \frac{1}{2} = \frac{1}{3}$

b) $\left| x - \frac{1}{2} \right| = \frac{5}{2}$

Bài 4.(3,0 điểm) Cho tam giác ABC nhọn ($AB < AC$). Vẽ AD là phân giác của góc $\widehat{BAC}$ ($D \in BC$). Trên cạnh AC lấy điểm M sao cho $AM = AB$.

- a) Chứng minh: $\triangle ABD = \triangle AMD$.
 b) Chứng minh: Tam giác BDM cân tại D .
 c) Chứng minh: AD là đường trung trực của đoạn thẳng BM .
Bài 5.(1,0 điểm) Tìm các số x và y biết:

$$(4x - 7y + 2020)^{2022} + |x - 3y|^{2023} = 0$$

.....Hết.....

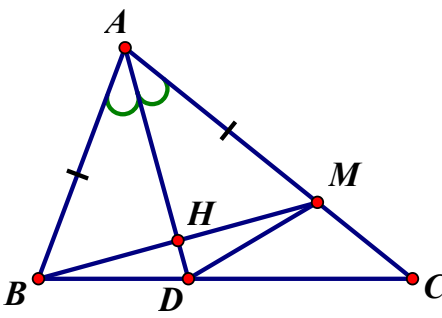
HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I TOÁN 7

Phần I: Trắc nghiệm (3 điểm): Mỗi câu đúng ghi 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	A	D	C	B	A	B	C	A	C	A	A

Phần II: Tự luận (7 điểm):

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
Bài 1	a	Bạn Huy thu thập số liệu bằng cách ghi lại số điểm tốt của từng bạn học sinh trong lớp.	0,5
	b	Dữ liệu bạn Huy thu thập được là dữ liệu loại số.	0,5
Bài 2	a	$\frac{2}{5} + \left \frac{-3}{5} \right = \frac{2}{5} + \frac{3}{5} = \frac{5}{5} = 1$	0,5
	b	$\frac{3}{5} \times \frac{7}{9} + \frac{3}{5} \times \frac{2}{9} + \frac{-3}{5} = \frac{3}{5} \times \frac{9}{9} + \frac{2 \cdot 3}{9 \cdot 5} + \frac{-3}{5} = \frac{3}{5} \cdot \frac{9}{9} + \frac{-3}{5} = \frac{3}{5} + \frac{-3}{5} = 0$	0,5
Bài 3	a	$-\frac{4}{3}x + \frac{1}{2} = \frac{1}{3} \Rightarrow -\frac{4}{3}x = \frac{1}{3} - \frac{1}{2} \Rightarrow -\frac{4}{3}x = \frac{-1}{6} \Rightarrow x = \frac{-1}{6} : \frac{-4}{3} \Rightarrow x = \frac{-1}{6} \cdot \frac{3}{-4}$ p $x = \frac{1}{8}$	0,5
	b	$\left x - \frac{1}{2} \right = \frac{5}{2}$ $\Rightarrow x - \frac{1}{2} = \frac{5}{2}$ hoặc $x - \frac{1}{2} = -\frac{5}{2}$	0,25
		$\Rightarrow x = \frac{5}{2} + \frac{1}{2}$ hoặc $x = -\frac{5}{2} + \frac{1}{2}$ $\Rightarrow x = \frac{6}{2}$ hoặc $x = \frac{-4}{2}$ $\Rightarrow x = 3$ hoặc $x = -2$ Vậy $x = 3; x = -2$	0,25

Bài 4			0,25
	a	<p>- Xét $\triangle ABD$ và $\triangle AMD$ có:</p> <p>$AB = AM$ (gt)</p> <p>$\widehat{BAD} = \widehat{DAM}$ (gt)</p> <p>AD chung</p> <p>Do đó: $\triangle ABD = \triangle AMD$ (c.g.c)</p>	1đ
	b	<p>- Vì $\triangle ABD = \triangle AMD$ (câu a)</p> <p>$\Rightarrow BD = MD$ (hai cạnh tương ứng)</p> <p>$\Rightarrow \triangle BDM$ cân tại D (dpcm)</p>	0,75
	c	<p>- Gọi giao điểm của BM và AD là H</p> <p>+ C/m: $\triangle ABH = \triangle AMH$ (c.g.c)</p> <p>+ Từ đó có: $\widehat{AHB} = \widehat{AHM}$ (2 góc tương ứng)</p> <p>Mà $\widehat{AHB} + \widehat{AHM} = 180^\circ$</p> <p>Nên $\widehat{AHB} = \widehat{AHM} = 90^\circ \Rightarrow AD \perp BM$</p> <p>+ Có $\triangle ABH = \triangle AMH \Rightarrow HB = HM$ (2 cạnh tương ứng)</p> <p>Mà $AD \perp BM$ tại H</p> <p>Nên AD là đường trung trực của BM</p>	0,5 0,25 0,25
Bài 5		<p>Ta có: $(4x - 7y + 2020)^{2022} \geq 0$ với mọi x, y</p> <p>Lại có: $x - 3y \geq 0 \Rightarrow x - 3y ^{2023} \geq 0$ với mọi x, y</p> <p>Khi đó: $(4x - 7y + 2020)^{2022} + x - 3y ^{2023} = 0$</p> <p>$\Rightarrow 4x - 7y + 2020 = 0$ (*) và $x - 3y = 0$</p> <p>Vì $x - 3y = 0 \Rightarrow x = 3y$, thay vào (*) ta được:</p> <p>$4.3y - 7y + 2020 = 0 \Rightarrow 5y + 2020 = 0 \Rightarrow 5y = -2020 \Rightarrow y = -404$</p> <p>Với $y = -404 \Rightarrow x = 3.(-404) = -1212$</p> <p>Vậy $x = -1212; y = -404$</p>	0,25 0,25 0,25 0,25

Lưu ý: Hs làm cách khác vẫn được điểm tối đa.

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái A, B, C hoặc D trước câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1: Số đối của $-1\frac{3}{5}$ là:

A. $\frac{2}{5}$

B. $-\frac{8}{5}$

C. $\frac{-2}{5}$

D. $\frac{8}{5}$

Câu 2: Số hữu tỉ nào sau đây không nằm giữa $-\frac{1}{3}$ và $\frac{2}{3}$

A. $-\frac{2}{9}$

B. $\frac{4}{9}$

C. $-\frac{4}{9}$

D. $\frac{2}{9}$

Câu 3: Căn bậc hai số học của một số a không âm được kí hiệu là:

A. $\sqrt{a^2}$

B. $\sqrt{a}$

C. $-\sqrt{a}$

D. $(\sqrt{a})^2$

Câu 4: Số nào sau đây là số thập phân vô hạn tuần hoàn?

A. 0,27235.

B. 0,27253.

C.

D. 0,272727....

D. 0,272178....

Câu 5: Trong các dãy dữ liệu sau, đâu là dãy số liệu sơ cấp?

A. Các môn thể thao yêu thích của lớp 7A: Đá bóng, bóng rổ, cầu lông, bơi

B. Đánh giá của 4 bạn học sinh về chất lượng bài giảng: Tốt, Xuất sắc, Khá, Trung bình

C. Cân nặng (đơn vị kilôgam) của 5 bạn trong lớp: 43, 42, 45, 48, 50

D. Tên một số môn học của khối 7: Toán, Ngữ văn, Địa lí, ...

Câu 6: Thu thập số liệu về mức độ yêu thích môn học của học sinh lớp 7A được kết quả như sau:

Toán	Ngữ văn	Khoa học tự nhiên	Lịch sử và Địa lí	Tin học	Giáo dục công dân	Ngoại ngữ	Công nghệ	Giáo dục thể chất	Âm nhạc	Hoạt động trải nghiệm
50%	30%	45%	30%	30%	40%	60%	30%	70%	20%	80%

Học sinh lớp 7A yêu thích môn học nào nhất?

A. Toán

B. Hoạt động trải nghiệm

C. Giáo dục thể chất

D. Ngoại ngữ.

Câu 7: Số mặt của một hình hộp chữ nhật là:

A. 4

B. 6

C. 8

D. 12

Câu 8: Hình lăng trụ tam giác có mấy cặp mặt song song với nhau?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 1

Câu 9: Hai góc $\widehat{xOt}$ và $\widehat{tOy}$ là hai góc kề bù. Biết góc $\widehat{xOt} = 80^\circ$, góc $\widehat{tOy}$ có số đo là:

A. 10° B. 50° C. 80° D. 100°

Câu 10: Cho Ot là tia phân giác của $\widehat{xOy}$, biết $\widehat{xOy} = 60^\circ$. Số đo của $\widehat{xOt}$ là:

A. 20° B. 60° C. 30° D. 120°

Câu 11: Qua điểm M nằm ngoài đường thẳng a, số đường thẳng đi qua điểm M và song song với đường thẳng a là:

A. 1

B. Vô số

C. 0

D. 2

Câu 12: Trong các câu sau, câu nào không cho một định lí

- A. Đường thẳng nào vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì vuông góc với đường thẳng kia
 B. Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì tạo ra các cặp góc so le trong, cặp góc đồng vị bằng nhau
 C. Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau
 D. Hai góc kề nhau có tổng số đo là 180°

PHẦN II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

a) Tìm căn bậc hai số học của 81

b) Tìm x biết $|x| < 2$

c) Thực hiện phép tính:

$$\frac{1}{7}\sqrt{49} - 2^2$$

d) Một chiếc tivi có đường chéo dài 43 inch. Hãy tính độ dài đường chéo của tivi này theo đơn vị xentimet với độ chính xác $d = 0,05$ (cho biết $1 \text{ inch} \approx 2,54 \text{ cm}$).

Câu 2: (1,5 điểm) Thống kê các loại sách trong tủ sách lớp 7A ta có bảng sau:

Tỉ số phần trăm các loại sách trong tủ sách của lớp 7A	
Loại sách	Tỉ số phần trăm
Sách tiểu sử danh nhân	20%
Sách truyện tranh	118%
Tham khảo	30%
Sách dạy kĩ năng sống	12%
Các loại sách khác	20%
Tổng	200%

a) Tìm điểm chưa hợp lí của dữ liệu trong bảng thống kê trên.

b) Hãy phân loại dữ liệu trong bảng thống kê theo tiêu chí định tính, định lượng.

c) Phân tích dữ liệu được biểu diễn trong biểu đồ hình quạt tròn (Hình 1):

Câu 3: (1,0 điểm) Sử dụng thông tin từ biểu đồ đoạn thẳng (Hình 2) trả lời các câu hỏi.

a) Ngày nào bán được nhiều nhất, ngày nào bán ít nhất.

b) Tính tỉ lệ phần trăm số ổ bánh mì bán ngày thứ 7 so với tất cả các ngày trong tuần (Làm tròn đến hàng đơn vị).

Câu 4: (1,5 điểm) a) Tính thể tích của hình lăng trụ đứng đáy hình thang cân có các kích thước cho như hình 3.

b) Cho hình 4. Chứng tỏ $Ax \parallel By$

c) Chứng minh định lí “Hai tia phân giác của hai góc kề bù tạo thành góc vuông”

Câu 5: (1,0 điểm) Một người đi từ địa điểm A đến địa điểm B với vận tốc 30km/h hết 3,5 giờ. Từ địa điểm B quay về địa điểm A người đó đi với vận tốc 36km/h. Tính thời gian đi từ địa điểm B quay về địa điểm A của người đó.

HƯỚNG DẪN CHẤM

MÔN: Toán 7

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: Mỗi câu chọn đúng 0.25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-----	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----

Đáp án	B	C	B	C	C	B	B	A	D	C	A	D
---------------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------

II. TỰ LUẬN:

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 2 điểm	a) Tìm căn bậc hai số học của 81 là: $\sqrt{81} = 9$	0,5
	b) $ x < 2$ suy ra $-2 < x < 2$	0,5
	c) $\frac{1}{7}\sqrt{49} - 2^2 = \frac{1}{7} \cdot 7 - 4 = -3$	0,5
	d) Ta có: $43.2,54 = 109,22 \text{ cm} \approx 109,2 \text{ cm}$ vì $d = 0,05$ Vậy độ dài đường chéo của ti vi xấp xỉ $109,2 \text{ cm}$.	0,5
Câu 2 1,5 điểm	a) Những điểm chưa hợp lý của dữ liệu trong bảng thống kê là: - Tỷ lệ phần trăm sách truyện tranh 118% lớn hơn 100% - Tổng tỷ lệ phần trăm các loại sách 200% lớn hơn 100%	0,25 0,25
	b) Dữ liệu định tính là loại sách Dữ liệu định lượng là tỉ số phần trăm	0,25 0,25
	c) Phân tích đúng biểu đồ - Biểu đồ biểu diễn thông tin tỉ lệ phần trăm loại nước uống yêu thích học sinh lớp 7A - Có năm loại nước được học sinh yêu thích nhất: nước chanh, nước cam, nước suối, trà sữa, sinh tố. - Trà sữa có tỉ lệ cao nhất. - Nước chanh, nước cam có tỉ lệ thấp nhất. - Nước chanh, nước cam và nước suối, sinh tố học sinh yêu thích tương đương nhau	0,5
Câu 3 1,0 điểm	a) Thứ 7 bán được nhiều ổ bánh mì nhất (50 bánh) Thứ 2, thứ 6 bán được ít ổ bánh mì nhất (20 bánh)	0,5
	b) Tỷ lệ phần trăm số bánh mì bán được ngày thứ 7 so với tổng các ngày trong tuần là: $\frac{50}{20 + 30 + 24 + 45 + 20 + 50} = \frac{50}{189} \approx 26\%$	0,5
Câu 4 1,5 điểm	a) Thể tích của hình lăng trụ. $V = \frac{9+6}{2} \cdot 3 \cdot 10 = 225 \text{ (cm}^3\text{)}$	0,5
	b) Kẻ tia $Ot \parallel Ax$ (1) ta có $\angle AOt = \angle A = 30^\circ$ $\angle BOt = 25^\circ$ (hai góc so le trong) suy ra góc Do đó $\angle BOt = 25^\circ$ mà hai góc này ở vị trí so le trong Suy ra $Ot \parallel By$ (2) Từ (1) và (2) suy ra $Ax \parallel By$	0,5
	c) Học sinh vẽ hình ghi GT, KL và chứng minh đúng	0,5
Câu 5 1 điểm	Quãng đường AB dài: $30.3,5 = 105 \text{ (km)}$	0,5
	Thời gian người đó đi quãng đường từ địa điểm B về địa điểm A là: $105:36 = \frac{35}{12} \text{ (giờ)} = 2 \text{ giờ } 55 \text{ phút}$	0,5

(Mọi cách giải khác đúng trong chương trình đã học vẫn đạt điểm tối đa)

Câu 1:

a) Tìm căn bậc hai số học của 81

b) Tìm x biết $|x| < 2$

c) Thực hiện phép tính:

$$\frac{1}{7}\sqrt{49} - 2^2$$

d) Một chiếc ti vi có đường chéo dài 43 inch. Hãy tính độ dài đường chéo của ti vi này theo đơn vị xentimet với độ chính xác $d = 0,05$ (cho biết $1 \text{ inch} \approx 2,54 \text{ cm}$).

Câu 2: Thống kê các loại sách trong tủ sách lớp 7A ta có bảng sau:

Tỉ số phần trăm các loại sách trong tủ sách của lớp 7A	
Loại sách	Tỉ số phần trăm
Sách tiểu sử danh nhân	20%
Sách truyện tranh	118%
Tham khảo	30%
Sách dạy kĩ năng sống	12%
Các loại sách khác	20%
Tổng	200%

a) Tìm điểm chưa hợp lí của dữ liệu trong bảng thống kê trên.

b) Hãy phân loại dữ liệu trong bảng thống kê theo tiêu chí định tính, định lượng.

c) Phân tích dữ liệu được biểu diễn trong biểu đồ hình quạt tròn (**Hình 1**):

Câu 3: Sử dụng thông tin từ biểu đồ đoạn thẳng (**Hình 2**) trả lời các câu hỏi.

a) Ngày nào bán được nhiều nhất, ngày nào bán ít nhất.

b) Tính tỉ lệ phần trăm số ổ bánh mì bán ngày thứ 7 so với tất cả các ngày trong tuần (Làm tròn đến hàng đơn vị).

Câu 4: a) Tính thể tích của hình lăng trụ đứng đáy hình thang cân có các kích thước cho như **hình 3**.

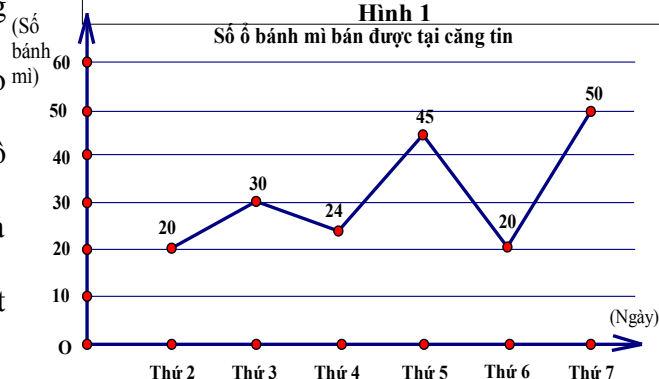
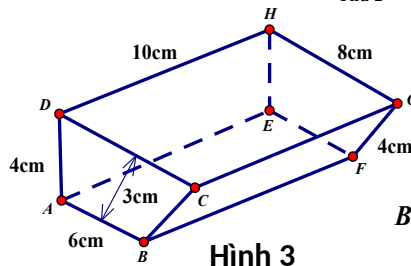
b) Cho **hình 4**. Chứng tỏ $Ax \parallel By$

c) Chứng minh định lí “**Hai tia phân giác của hai góc kề bù tạo thành góc vuông**”

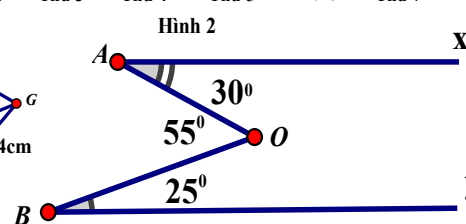
Câu 5: Một người đi từ địa điểm A đến địa điểm B với vận tốc 30km/h hết 3,5 giờ. Từ địa điểm B quay về địa điểm A người đó đi với vận tốc 36km/h. Tính thời gian đi từ địa điểm B quay về địa điểm A của người đó.

10%
25% 10%
30% 25%

Hình 1
Số ổ bánh mì bán được tại căng tin



Hình 3



Hình 4

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

Hãy khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1. Cho $\triangle ABC$ và $\triangle DEF$, biết $AB = DE$ và $AC = DF$. Cần thêm điều kiện nào dưới đây thì $\triangle ABC = \triangle DEF$ theo trường hợp **cạnh – góc – cạnh**

A. $\angle A = \angle E$

B. $\angle A = \angle D$

C. $\angle B = \angle D$

D. $\angle C = \angle F$

Câu 2: Số nào là số vô tỉ?

- A. 1,(05) B. $\sqrt{49}$ C. $\sqrt{7}$ D. $\frac{2}{3}$

Câu 3. Dãy dữ liệu nào sau đây là dữ liệu số (số liệu):

- A. Chiều cao (đơn vị tính bằng cm) của các em học sinh trong lớp.
B. Tên của các bạn học sinh trong lớp.
C. Sở thích của các bạn học sinh trong lớp.
D. Tên các tỉnh của đất nước Việt Nam.

Câu 4. Hai góc đối đỉnh thì:

- A. Bù nhau B. Kề bù C. Phụ nhau D. Bằng nhau

Câu 5. Cho tam giác ABC cân tại A. Khẳng định nào sau đây SAI ?

- A. $AB = AC$ B. $\angle B = \angle C$ C. $AB = BC$ D. $\angle B = (180^\circ - \angle A) : 2$

Câu 6. Cho biểu thức $A = |x + 2,3| - | - 1,5|$. Khi cho $x = -1$ thì giá trị của A là

- A. 1,7 B. -0,2 C. 0,2 D. 2,8

Câu 7: Cho tam giác DEF có $\angle D = 60^\circ$. Hai tia phân giác của góc E và góc F cắt nhau tại K nằm bên trong tam giác. Số đo góc EKF là

- A. 100° B. 110° C. 120° D. 125°

Câu 8. Tính độ dài cạnh của một mảnh đất hình vuông có diện tích là $169m^2$

- A. 13m. B. 84,5m. C. $13m^2$ D. 84,5

Câu 9. Làm tròn số $96,0456$ đến độ chính xác $d = 0,005$ ta được

- A. 96,04 B. 96,045 C. 96,05 D. 96,45

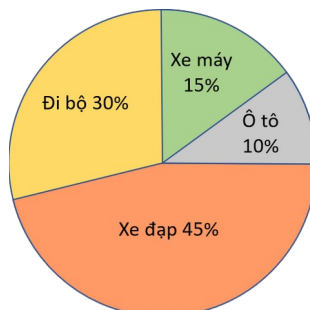
Câu 10. Nếu $\sqrt{x} = 4$ thì x^2 bằng bao nhiêu?

- A. 2 B. 4 C. 16 D. 256

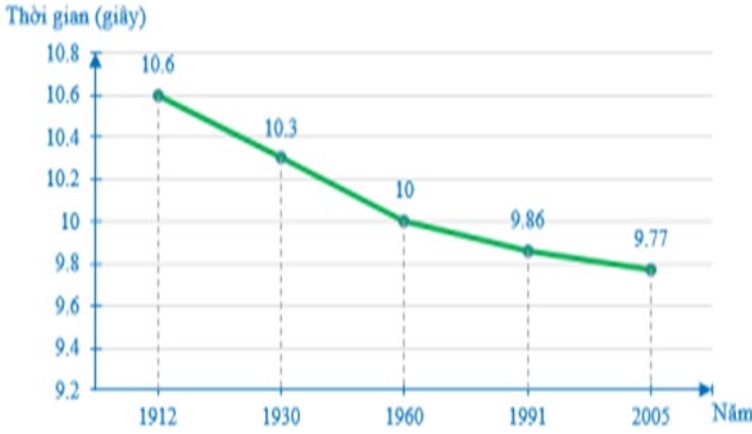
Câu 11. Biết $\left(\left(\frac{3}{4}\right)^n\right)^2 = \left(\frac{3}{4}\right)^{12}$. Giá trị của n là

- A. 2^6 B. 6 C. 5 D. 8

Câu 12. Biểu đồ dưới đây cho biết tỉ lệ phần trăm các phương tiện được sử dụng để đến trường của các em học sinh của một trường học. Phương tiện nào được học sinh sử dụng nhiều nhất?

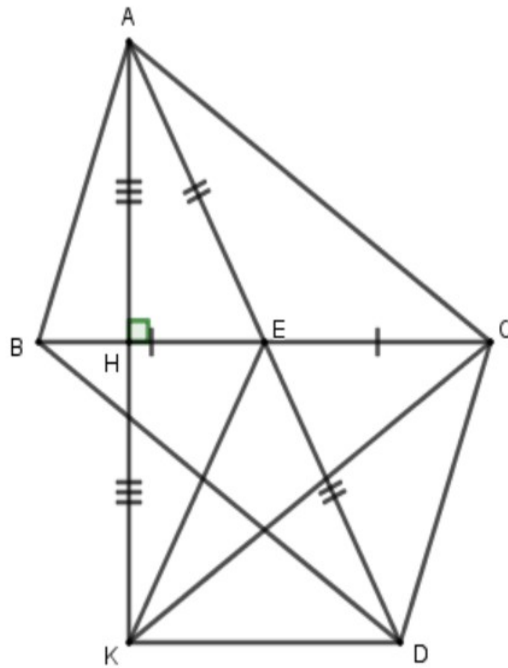


- A. Xe máy B. Đi bộ C. Ô tô D. Xe đạp

	 <p>b) Từ năm 1912 đến 2005, kỉ lục thế giới về chạy cự li 100 m đã giảm được số giây là: $10,6 - 9,77 = 0,83(\text{giây})$</p>	0,5đ
Bài 2 (1,0đ)	a) $\sqrt{\frac{16}{49}} + \left(-\frac{1}{2}\right)^3 - \left -\frac{4}{7}\right - \frac{7}{8} = \frac{4}{7} - \frac{1}{8} - \frac{4}{7} - \frac{7}{8} = -1$	0,5đ
	$\left(\frac{-1}{4} + \frac{3}{5}\right) \cdot \frac{7}{2} + \left(\frac{-3}{4} + \frac{7}{5}\right) \cdot \frac{7}{2}$ $= \frac{7}{2} \cdot \left(\frac{-1}{4} + \frac{-3}{4} + \frac{3}{5} + \frac{7}{5}\right)$	0,25đ
	b) $= \frac{7}{2} \cdot 1 = \frac{7}{2}$	0,25đ
Bài 3 (1,5đ)	$x \cdot \left(-2\frac{1}{4}\right) - 3\frac{1}{2} = -\frac{1}{2}$ $x \cdot \left(\frac{-9}{4}\right) = -\frac{1}{2} + \frac{7}{2} = 3$	0,25đ
	a) $x = 3 : \left(\frac{-9}{4}\right) = -\frac{4}{3}$	0,25đ
	Vậy $x = -\frac{4}{3}$	0,25đ
	$\left x - \frac{1}{5}\right - 14 = -3$ $\left x - \frac{1}{5}\right = 11$ $TH_1 : x - \frac{1}{5} = 11; x = 11 + \frac{1}{5} = \frac{56}{5}$	0,25đ
	b) $TH_2 : x - \frac{1}{5} = -11; x = -11 + \frac{1}{5} = -\frac{54}{5}$	0,25đ

Vậy $x = \frac{56}{5}; x = -\frac{54}{5}$

Bài 4
(2,5đ)



a) Chứng minh rằng: $\triangle ABE = \triangle DCE$.

Xét $\triangle ABE$ và $\triangle DCE$ có :

$EB = EC$ (E là trung điểm BC)

$EA = ED$ (E là trung điểm AD)

$\angle AEB = \angle DEC$ (đối đỉnh)

$\Rightarrow \triangle ABE = \triangle DCE$ (c - g - c)

1,0đ

	<p>b) Chứng minh: $AC \parallel BD$.</p> <p>Xét $\triangle ACE$ và $\triangle DBE$ có :</p> <p>$EB = EC$ (E là trung điểm BC)</p> <p>$EA = ED$ (E là trung điểm AD)</p> <p>$\angle AEC = \angle DEB$ (đối đỉnh)</p> <p>$\Rightarrow \triangle ACE = \triangle DBE$ (c – g – c)</p> <p>$\Rightarrow \angle ACE = \angle DBE$ (góc tương ứng)</p> <p>Mà hai góc ở vị trí so le trong nên $AC \parallel BD$ (đpcm)</p>	1,0đ
	<p>c) Chứng minh : $BD = CK$</p> <p>Ta có : $\triangle ACE = \triangle DBE$ (cmt) $\Rightarrow BD = AC$ (cạnh tương ứng) (1)</p> <p>Xét $\triangle CAH$ và $\triangle CKH$ có :</p> <p>CH chung</p> <p>$\angle CHA = \angle CHK = 90^\circ$</p> <p>$HA = HK$ (gt)</p> <p>$\Rightarrow \triangle CAH = \triangle CKH$ (c – g – c)</p> <p>$\Rightarrow CA = CK$ (2)</p> <p>Từ (1) và (2) suy ra : $BD = CK$ (Đpcm)</p>	0,5đ
<p>Bài 5 (0,75đ)</p>	<p>Xét $x - 5 ^{2023} + 2y^2 = 3$</p> <p>Do $0 \leq x - 5 ^{2023} \leq 3, x \in \mathbb{Z}$; Và $0 \leq 2y^2 \leq 3; y \in \mathbb{Z}$</p> <p>Mà $x - 5 ^{2023} + 2y^2 = 3$</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>

	Khi $\begin{cases} x-5 =1 \Rightarrow x=6; x=4 \in \mathbb{Z} \\ 2y^2=2 \Rightarrow y^2=1 \Rightarrow y=1; y=-1 \in \mathbb{Z} \end{cases}$ Vậy có 4 cặp (x ; y) nguyên thỏa mãn là (x;y) = (6; -1); (6; 1); (4; -1); (4; 1)	0,25
--	---	------

Hs làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa

uigeli.xyz ĐỀ 17	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025 MÔN: TOÁN 7
----------------------------	--

Câu 1. Số hữu tỉ là số viết được dưới dạng $\frac{a}{b}$ với :

- A. $a = 0, b \neq 0$; B. $a, b \in \mathbb{Z}; b \neq 0$;
 C. $a, b \in \mathbb{N}$; D. $a \in \mathbb{N}; b \neq 0$.

Câu 2. Số đối của số hữu tỉ $\frac{-2}{3}$ là :

- A. $\frac{-2}{3}$; B. $\frac{2}{-3}$; C. $\frac{2}{3}$; D. $\frac{3}{2}$

Câu 3. Dạng số thập phân hữu hạn của phân số $\frac{33}{55}$ là :

- A. 0,(66); B. $-0,(6)$; C. $\frac{3}{5}$; D. 0,6.

Câu 4. Căn bậc hai số học của $\frac{(-2)^2}{5^2}$ là :

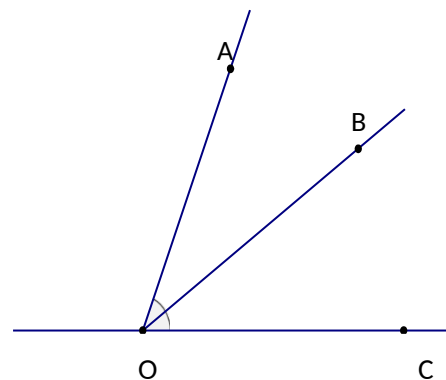
- A. $\frac{4}{25}$; B. $\frac{-4}{25}$; C. $\frac{2}{5}$; D. $\frac{-2}{5}$

Câu 5. Nhận định nào sau đây là **đúng**?

- A. $1,516 < 1,(516)$; B. $1,516 = 1,(516)$;
 C. $1,516 > 1,(516)$; D. $1,516 \approx 1,(516)$.

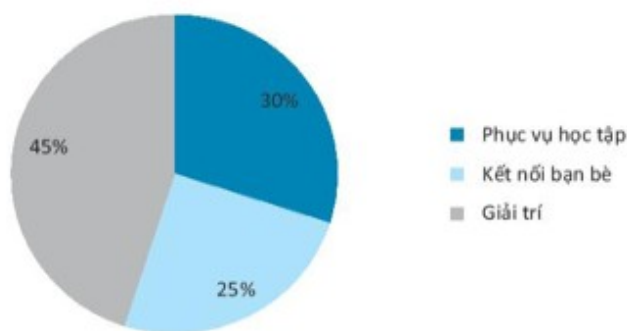
Câu 6. Cho hình vẽ . Chọn khẳng định **đúng**:

- A. OA là tia phân giác của BOC;
 B. OB là tia phân giác của AOC;
 C. OC là tia phân giác của AOB;
 D. Cả 3 phương án đều đúng.



Câu 7: Căn cứ vào biểu đồ sau đây, hãy xác định bao nhiêu % học sinh THCS sử dụng internet phục vụ học tập?

Mục đích vào mạng internet của học sinh



- A. 30. B. 45. C. 25. D. 70.

Câu 8. Tam giác ABC vuông tại A thì:

- A. $\angle B + \angle C = 60^\circ$; B. $\angle B + \angle C = 90^\circ$;
C. $\angle B + \angle C = 100^\circ$; D. $\angle B + \angle C = 180^\circ$.

Câu 9. Cho $\triangle ABC = \triangle A'B'C'$. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào là đúng?

- A. Hai đỉnh A và A' gọi là hai đỉnh tương ứng;
B. Hai góc B và C' gọi là hai góc tương ứng;
C. Hai cạnh AC và A'B' gọi là hai cạnh tương ứng;
D. Hai cạnh AB và B'C' gọi là hai cạnh tương ứng.

Câu 10. Điền vào chỗ chấm:

Đường thẳng ... một đoạn thẳng tại ... của nó được gọi là đường trung trực của đoạn thẳng ấy.

- A. vuông góc với, một điểm; B. cắt, một điểm;
C. cắt, trung điểm; D. vuông góc với, trung điểm.

Câu 11. Dãy dữ liệu về cân nặng (đơn vị: kilôgam) của 7 học sinh lớp 7A: 25; 30; 32; 28; 29; 31; 27 thuộc loại dữ liệu nào?

- A. Dữ liệu không là số; B. Dữ liệu định tính;
C. Dữ liệu định lượng; D. Dữ liệu kilôgam.

Câu 12. Thầy giáo muốn điều tra môn thể thao yêu thích của học sinh khối lớp 7 (gồm ba lớp

7A, 7B, 7C). Cách điều tra nào sau đây đảm bảo được tính đại diện?

- A. Lấy ý kiến của các bạn nam;
- B. Lấy ý kiến của các bạn nữ;
- C. Lấy ý kiến của các bạn lớp 7A;
- D. Lấy ý kiến ngẫu nhiên của các bạn trong cả ba lớp 7A, 7B, 7C.

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm). Tính giá trị của các biểu thức sau (tính hợp lí nếu có thể):

a/ $16\frac{2}{7} : \left(\frac{-3}{5}\right) - 28\frac{2}{7} : \left(\frac{-3}{5}\right)$

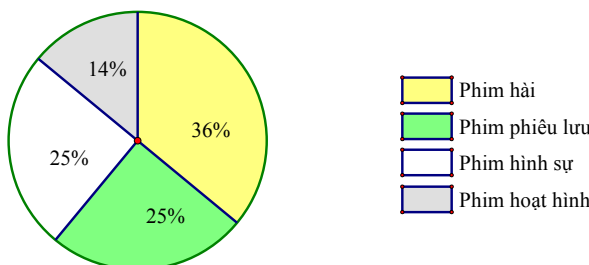
b/ $\sqrt{144} - \left| \frac{-5}{4} \right| : \left(\frac{1}{3} - \frac{1}{2} \right)^2$

c/ Tìm x, biết: $\frac{1}{2} + \frac{2}{3} : x = \frac{-5}{4}$

Bài 2. (0,5 điểm) Cho biết 1 m = 3,28 feet. Hỏi một chú dơi Kitti dài 0,83 feet thì dài khoảng bao nhiêu xăngtimét (lấy độ chính xác d = 0,005)?

Bài 3 (0.5đ):

Cho biểu đồ sau: **TỈ LỆ PHẦN TRĂM THỂ LOẠI PHIM YÊU THÍCH CỦA 80 HỌC SINH KHỐI LỚP 7**



a) Trong biểu đồ trên, có mấy thể loại phim được được thống kê.

b) Loại phim nào được các bạn học sinh khối lớp 7 yêu thích nhất

Bài 4 (1đ):

Cho tam giác ABC có $\widehat{A} = 60^\circ$, $\widehat{C} = 50^\circ$, tia phân giác góc B cắt AC tại D .

Tính $\widehat{ADB}$, $\widehat{CDB}$?

Bài 5 (1đ) Cho góc nhọn xOy , Oz là tia phân giác. Trên Oz lấy điểm M , kẻ MA vuông góc với Ox ($A \in Ox$), MB vuông góc với Oy ($B \in Oy$).

Chứng minh : $MA = MB$.

Bài 6. (1đ) Cho tam giác ABC vuông tại A . tia phân giác của góc ABC cắt AC tại D . lấy E trên cạnh BC sao cho $BE = AB$.

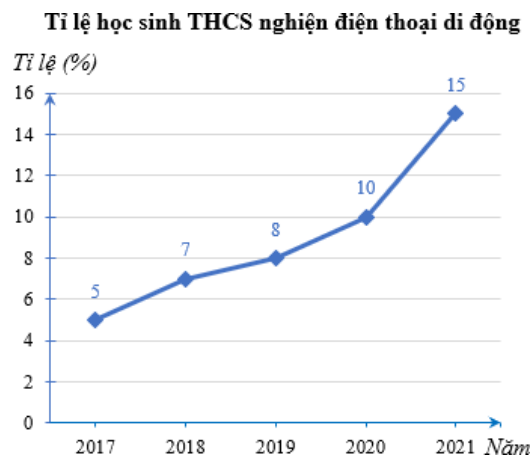
a) Chứng minh : $\Delta ABD = \Delta EBD$.

b) Tia ED cắt BA tại M. chứng minh : $EC = AM$

Bài 7. (1,0 điểm) Một nghiên cứu đã đưa ra tỉ lệ học sinh cấp THCS nghiện điện thoại di động trong những năm gần đây như biểu đồ sau:

a) Trục đứng biểu diễn đại lượng gì? Dữ liệu về đại lượng này thuộc loại nào?

b) Năm 2021, một trường THCS có 600 học sinh. Hãy ước lượng số học sinh nghiện điện thoại di động của trường THCS đó.



Bài 8. (0,5 điểm) Giá niêm yết của một chiếc điện thoại tại một cửa hàng vào tháng 10 là

12 000 000 đồng. Cứ sau một tháng thì giá của điện thoại lại giảm 5% so với giá bán niêm yết ở tháng trước. Sau hai tháng, cửa hàng bán chiếc điện thoại đó vẫn nhận được lãi 830 000 đồng so với giá nhập về. Hỏi giá nhập về của chiếc điện thoại này là bao nhiêu?

.....**HẾT**.....

ĐÁP ÁN & HƯỚNG DẪN GIẢI

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	B	C	D	C	A	C	A	B	A	D	C	D

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài	Ý	Nội dung	Điểm
1	a	<p>1. Tính giá trị của các biểu thức sau (tính hợp lí nếu có thể):</p> $16\frac{2}{7} : \left(\frac{-3}{5}\right) - 28\frac{2}{7} : \left(\frac{-3}{5}\right)$	0,5

		$= \left(\frac{-3}{5} \right) \left[(16 - 28) + \left(\frac{2}{7} - \frac{2}{7} \right) \right]$ $= \left(\frac{-3}{5} \right) \cdot (-12) = \frac{36}{5}$	
	b	$\sqrt{144} - \left \frac{-5}{4} \right : \left(\frac{1}{3} - \frac{1}{2} \right)^2$ $= 12 - \frac{5}{4} : \frac{1}{36} = 12 - \frac{5}{4} \cdot 36 = 12 - 45 = -33$	0,5
	c	<p>Tìm x, biết: $\frac{1}{2} + \frac{2}{3} : x = \frac{-5}{4}$</p> $\frac{2}{3} : x = \frac{-5}{4} - \frac{1}{2}$ $\frac{2}{3} : x = \frac{-7}{4}$ $x = \frac{2}{3} : \frac{-7}{4} = \frac{-8}{21}$	0,5
2		<p>Đổi 1 m = 100 cm = 3,28 feet</p> $\frac{100}{3,28} = \frac{10000}{328} = \frac{1250}{41} \text{ (cm)}$ <p>Khi đó 1 feet sẽ bằng $0,38 \cdot \frac{1250}{41} = 25,304878...$ (cm)</p> <p>Chú dơi Kitti dài 0,83 feet thì dài (cm)</p> <p>Với độ chính xác d = 0,005, ta làm tròn kết quả tới hàng phần trăm được 25,30 (cm). Vậy chú dơi Kitti dài 0,83 feet thì dài khoảng 25,30 cm.</p>	1,0
3	a	4 thể loại phim	0,25
	b	Phim hài được yêu thích nhất	0,25
4		<p>Xét tam giác ABC, có: $\angle A + \angle B + \angle C = 180^\circ$</p> $\Rightarrow \angle B = 180^\circ - (\angle A + \angle C) = 180^\circ - (60^\circ + 50^\circ) = 70^\circ$ <p>Do BD là tia phân giác của góc B, nên $\angle ABD + \angle DBC = \frac{1}{2} \angle B = 35^\circ$</p> <p>Ta có $\angle ADB = \angle C + \angle DBC = 50^\circ + 35^\circ = 85^\circ$</p> $\angle CDB = 180^\circ - \angle ADB = 180^\circ - 85^\circ = 95^\circ$ <p>Vậy $\angle ADB = 85^\circ, \angle CDB = 95^\circ$</p>	1
5		Vẽ hình đúng. Ghi GT/KL đúng.	0,5 0,5

		Chứng minh $\Delta OAM = \Delta OBM$ (g.c.g) Suy ra $MA = MB$ (cách tung ứng)	
6	a	Vẽ hình đúng. Ghi GT/KL đúng Chứng minh : $\Delta ABD = \Delta EBD$ (c – g – c)	1
	b	chứng minh : $\Delta ADM = \Delta EDC$ (g – c – g) Suy ra $EC = AM$ MB (cách tung ứng)	
7	a	Trục đúng biểu diễn tỉ lệ học sinh THCS nghiện điện thoại di động. Dữ liệu này là dữ liệu số.	1
	b	Quan sát biểu đồ ta thấy, tỉ lệ học sinh THCS nghiện điện thoại di động năm 2021 là 15% Số học sinh của trường THCS đó nghiện điện thoại di động khoảng: $600 \cdot 15\% = 90$ (hs)	1
8		Giá bán của chiếc điện thoại ở tháng 11 là: $12\,000\,000 \cdot (100\% - 5\%) = 11\,400\,000$ (đồng). Giá bán của chiếc điện thoại ở tháng 12 là: $11\,400\,000 \cdot (100\% - 5\%) = 10\,830\,000$ (đồng). Sau hai tháng, cửa hàng vẫn lãi 830 000 đồng so với giá nhập về nên giá nhập về là: $10\,830\,000 - 830\,000 = 10\,000\,000$ (đồng). Vậy giá nhập về của chiếc điện thoại này là 10 000 000 đồng.	0.5

----- HẾT -----

Chú ý:

Tất cả các câu trong bài thi nếu cách làm khác đúng vẫn đạt điểm tối đa, điểm thành phần giám khảo tự phân chia trên cơ sở điểm thành phần của đáp án.

uigeli.xyz ĐỀ 18	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025 MÔN: TOÁN 7
----------------------------	--

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Câu 1. Cho điểm N nằm ngoài đường thẳng a có bao nhiêu đường thẳng đi qua N và song với đường thẳng a ?

- A. 0 B. 2 C. 1 D. 3

Câu 2. Tập hợp số hữu tỉ được kí hiệu là

- A. $\mathbb{Q}$ B. $\mathbb{R}$ C. $\mathbb{Z}$ D. $\mathbb{N}$

Câu 3. Số đối của $\frac{-3}{7}$ là

- A. $\frac{3}{7}$ B. $\frac{7}{3}$ C. $\frac{-3}{7}$ D. $\frac{3}{-7}$

Câu 4. Dữ liệu nào sau đây là dữ liệu định tính

- A. Danh sách các môn thể thao được học sinh yêu thích: bóng đá, cầu lông, bóng chuyền...
 B. Điểm trung bình môn toán của các bạn học sinh: 5,5; 6,5; 8,2...
 C. Thời gian chạy 100m (Tính bằng giây) của các học sinh lớp 7C : 17; 15; 18...
 D. Chiều cao (tính theo m) của một số học sinh lớp 7C : 142; 148; 152...

Câu 5. Số đỉnh của hình lập phương là

- A. 4 B. 12 C. 6 D. 8

Câu 6. Cho hình lăng trụ đứng tam giác có kích thước mặt đáy lần lượt là 2cm, 3cm, 4cm và chiều cao 4cm. Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng trên là

- A. 36cm² B. 13cm² C. 13cm³ D. 36cm²

Câu 7. Trong các số sau số nào là số vô tỉ?

- A. 0 B. $\sqrt{7}$ C. 3,5 D. $\frac{3}{4}$

Câu 8. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng?

- A. $\sqrt{3} < 0$ B. 3,5656 > 3,5643 C. -4,32 > 3,33 D. $-\sqrt{2} > 0$

Câu 9. Trong các mặt bên của hình lăng trụ đứng tam giác là hình gì?

- A. Hình bình hành B. Hình thoi C. Hình chữ nhật D. Hình tam giác

Câu 10. Hình hộp chữ nhật có chiều cao 4m, chiều dài 6m, chiều rộng 3m. Thể tích của hình hộp chữ nhật đó là

- A. 72cm³ B. 72cm² C. 36cm² D. 36cm³

Câu 11. Căn bậc hai số học của 4 là

- A. 8 B. 2 C. -2 D. -8

Câu 12. Kết quả của phép tính $\left(\frac{2}{3}\right)^2$ là

- A. $\frac{4}{6}$ B. $\frac{2}{3}$ C. $\frac{4}{9}$ D. $\frac{9}{4}$

Câu 13. Điểm kiểm tra giữa học kì I Môn toán của học sinh lớp 7A3 được thống kê lại như sau:

Điểm số	4	5	6	7	8	9
Số bạn đạt được	5	6	2	8	9	4

Có bao nhiêu bạn đạt điểm 7?

- A. 6 bạn B. 8 bạn C. 5 bạn D. 4 bạn

Câu 14. Một số a không âm có bao nhiêu căn bậc hai số học?

- A. 4 B. 3 C. 2 D. 1

Câu 15. Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng thì nó Với đường thẳng còn lại. Hãy điền vào chỗ “...” để được khẳng định đúng

- A. song song B. trùng C. vuông góc D. cắt

Câu 16. Sử dụng máy tính cầm tay tính giá trị $\sqrt{7}$ (làm tròn đến hàng phần mười) ta được

- A. 2,6 B. 2,66 C. 2,64 D. 2

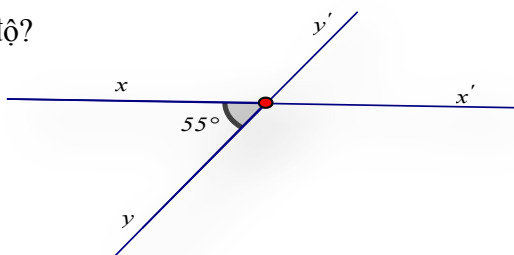
II. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu 17. (0,5 điểm) Tìm x biết $x - \frac{2}{5} = \frac{3}{5}$

Câu 18. (1,0 điểm) Một thùng sơn có dạng hình hộp chữ nhật với chiều cao $50cm$, chiều rộng $30cm$, chiều dài $40cm$. Tính thể tích thùng sơn đó.

Câu 19. (1,0 điểm) Một chiếc tivi có đường chéo dài $52inch$, hãy tính độ dài đường chéo tivi theo đơn vị cm với độ chính xác $d = 0,05$ cho biết $1inch = 2,54cm$

Câu 20. (1,0 điểm) Cho hai đường thẳng xx', yy' cắt nhau tại O như hình vẽ, biết $\angle xOy = 55^\circ$, khi đó số đo $\angle x'Oy'$ bằng bao nhiêu độ?

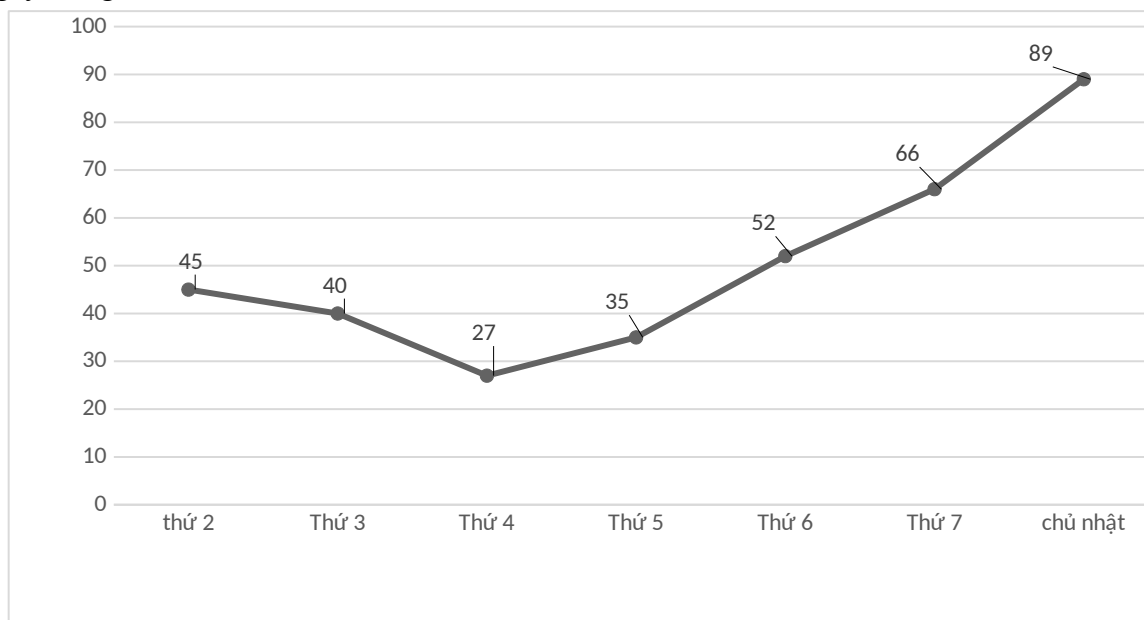


Câu 21. (0,5 điểm) Em hãy chỉ ra các điểm không hợp lí trong bảng dữ liệu sau

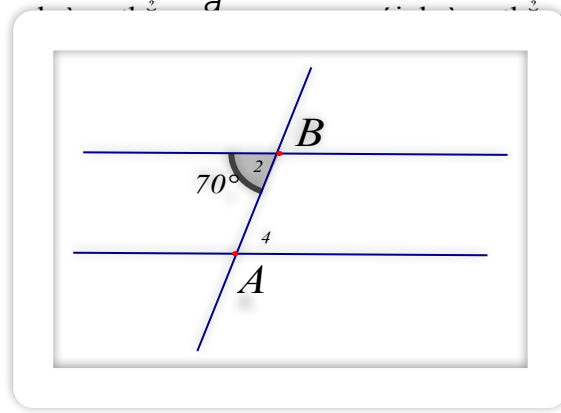
DANH SÁCH HỌC SINH THAM GIA THI VĂN NGHỆ

lớp	Họ tên học sinh
7A1	Nguyễn Ngọc Trâm
7A2	Lưu Hoa Mai
7A3	Lại Bích Huệ
7A4	0908453210
7A5	Nguyễn Văn Hào

Câu 22. (0,5 điểm) Biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn số ly trà sữa bán được trong tuần của một tiệm vào các ngày trong tuần



Câu 23. (0,5 điểm) Cho a , b và B_2 (như hình vẽ bên dưới). Tính A_4



Câu 24. (1,0 điểm) Giá niêm yết của một chiếc tivi ở cửa hàng là 20 triệu đồng. Nhân dịp lễ, cửa hàng giảm giá 5% và giảm thêm 2% nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt. Hỏi khách hàng phải thanh toán bao nhiêu tiền mặt cho chiếc tivi đó.

- HẾT -

uigeli.xyz ĐỀ 19	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025 MÔN: TOÁN 7
----------------------------	--

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	C	C	A	A	D	D	B	B	D	A	B	C	B	D	C	A

II. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu	Nội dung	điểm
Câu 17.	Tìm x biết $x - \frac{2}{5} = \frac{3}{5}$ $x = \frac{3}{5} + \frac{2}{5} = \frac{3+2}{5} = 1$	0,5
Câu 18.	thể tích thùng sơn đó. $30.40.50 = 60000cm^3$ Vậy thể tích thùng sơn đó. $60000cm^3$	0,75 0,25
Câu 19.	Độ dài đường chéo tivi theo đơn vị cm là $52.2,54 = 132,08cm$ Vậy Độ dài đường chéo tivi theo đơn vị cm với độ chính xác $d = 0,05$ là $132,1cm$	0,75 0,25
câu 20.	hai góc $\angle xOy$ và $\angle xOy$ kề bù ta có $\angle xOy + \angle xOy = 180^\circ$ hay $\angle xOy + 50^\circ = 180^\circ$ suy ra $\angle xOy = 130^\circ$	0,5 0,5
Câu 21	điểm không hợp lí trong bảng dữ liệu là tên học sinh không thể dữ liệu số	0,5

Câu 22	số ly trà sữa mà tiệm bán được từ thứ 5 đến chủ nhật: $35 + 52 + 66 + 89 = 242$	0,5
Câu 23	vì $a // b$ nên $A_4 = B_2 = 70^\circ$ (hai góc le trong) Vậy $A_4 = 70^\circ$	0,5
Câu 24	Khi thanh toán bằng tiền mặt khách hàng được giảm số % là: $5\% + 2\% = 7\%$	0,25
	Số tiền được giảm khi thanh toán bằng tiền mặt là $7\% \cdot 20\,000\,000 = \frac{7}{100} \cdot 20\,000\,000 = 1\,400\,000$ (đồng)	0,25
	Khách hàng phải thanh toán bằng tiền mặt cho chiếc tivi đó là $20\,000\,000 - 1\,400\,000 = 18\,600\,000$ (đồng)	0,5

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

Viết một chữ cái đứng trước câu trả lời em cho là đúng vào bảng sau:

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8
Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12	Câu 13	Câu 14	Câu 15	Câu 16

Câu 1: Trong các câu sau câu nào **đúng**?

A. $\frac{3}{7} \in \mathbb{Q}$.

B. $\frac{1}{2} \in \mathbb{Z}$.

C. $\frac{-9}{5} \notin \mathbb{Q}$.

D. $-6 \in \mathbb{N}$.

Câu 2: Tập hợp các số hữu tỉ kí hiệu là:

A. $\mathbb{N}$.

B. $\mathbb{N}^*$.

C. $\mathbb{Q}$.

D. $\mathbb{Z}$.

Câu 3: Số đối của $\frac{-2}{5}$ là:

A. $\frac{2}{5}$.

B. $\frac{5}{2}$.

C. $\frac{-5}{2}$.

D. $\frac{2}{-5}$.

Câu 4: Căn bậc hai số học của 81 là:

A. -9.

B. 9.

C. 81.

D. - 81.

Câu 5: Trong các kết quả sau, kết quả nào đúng?

A. $\sqrt{9} = -3$

B. $\sqrt{36} = -6$

C. $\sqrt{-4} = 2$

D. $\sqrt{9} = 3$

Câu 6: Số đối của $\sqrt{7}$ là:

A. $\sqrt{7}$ hoặc $-\sqrt{7}$. B. $\sqrt{7}$ C. $\sqrt{7}$ và $-\sqrt{7}$ D. $-\sqrt{7}$.

Câu 7: Trong các số thập phân dưới đây, số thập phân nào là số thập phân hữu hạn?

A. -8,333.... B. 7,75. C. -7,(8). D. $\pi \approx 3,14159...$.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây đúng? Nếu $x \in R$ thì

A. $|x| > 0$. B. $|x| = x$. C. $|x| \geq 0$. D. $|-x| = -|x|$.

Câu 9: Từ tỉ lệ thức $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ ta có:

A. $a.d = c.b$. B. $a.c = b.d$. C. $b = c$. D. $a = c$.

Câu 10: Chọn câu đúng. Với các điều kiện các phân thức có nghĩa thì:

$$\frac{x}{a} = \frac{y}{b} = \frac{x+y}{a+b}$$

B.

$$\frac{x}{a} = \frac{y}{b} = \frac{x-y}{a+b}$$

B.

$$\frac{x}{a} = \frac{y}{b} = \frac{x+y}{a+b}$$

C.

$$\frac{x}{a} = \frac{y}{b} = \frac{x+b}{a+y}$$

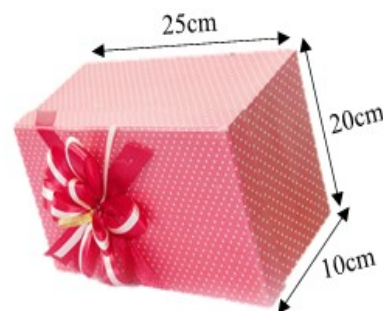
D.

Câu 11: Hình hộp chữ nhật có bao nhiêu mặt?

A. 5. B. 6. C. 7. D. 8.

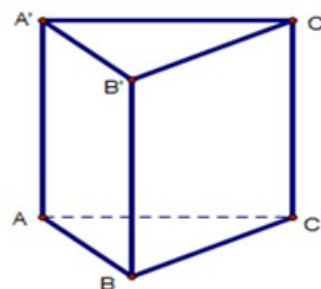
Câu 12 : Bạn An làm một chiếc hộp để đựng quà sinh nhật bằng bìa cứng có dạng hình hộp chữ nhật với chiều dài 25cm, chiều rộng 20cm, chiều cao 10cm. Tính diện tích bìa cứng dùng để làm hộp (bỏ qua diện tích các mép dán).

A. 1900cm^2 . B. 1800cm^2 .
C. 1700cm^2 . D. 900cm^2 .

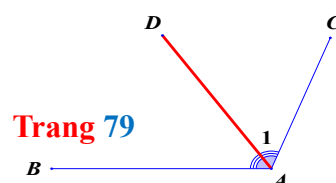


Câu 13: Quan sát hình vẽ sau. Mặt bên $AA'B'B$ là hình gì?

A. Tam giác. B. Hình chữ nhật.
C. Hình vuông. D. Hình bình hành.



Câu 14. Cho hình vẽ, biết $\widehat{BAC} = 110^\circ$, AD là tia phân giác của $\widehat{BAC}$. Tính số đo $\widehat{A_1}$



- A. $\widehat{A}_1 = 220^\circ$ B. $\widehat{A}_1 = 75^\circ$
 C. $\widehat{A}_1 = 55^\circ$ D. $\widehat{A}_1 = 50^\circ$

Câu 15: Cho $\triangle ABC$ có $AC > BC > AB$. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng?

- A. $\widehat{A} > \widehat{B} > \widehat{C}$ B. $\widehat{C} > \widehat{B} > \widehat{A}$ C. $\widehat{C} > \widehat{A} > \widehat{B}$ D. $\widehat{B} > \widehat{A} > \widehat{C}$

Câu 16: Cho tam giác ABC có $\widehat{A} = 50^\circ$; $\widehat{B} = 70^\circ$. Số đo góc C bằng:

- A. 60° B. 50° C. 70° D. 120°

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

$$0,75 + \frac{9}{5} \cdot \left(1,5 - \frac{2}{3}\right)^2$$

Câu 17: (0,75 điểm) Thực hiện phép tính :

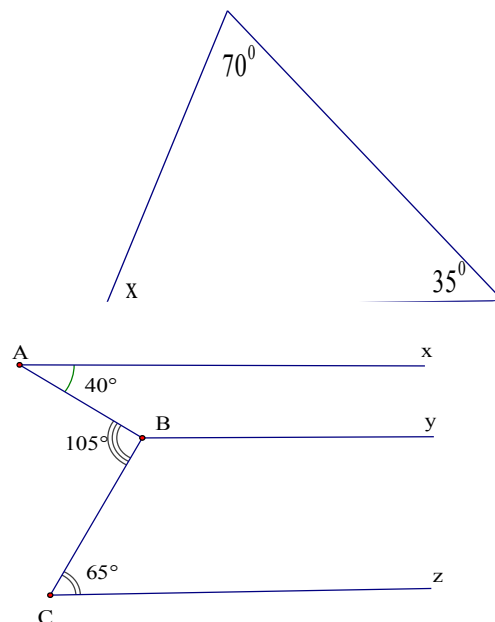
Câu 18: (0,5 điểm) Tìm số đối của các số thực sau: $5,12$; $-\sqrt{2}$

Câu 19: (1,0 điểm) Tìm số nguyên x và y thỏa mãn: $\frac{x}{3} = \frac{y}{5}$ và $x + y = 160$

Câu 20: (1,0 điểm). Hướng ứng phong trào ủng hộ bạn nghèo ăn tết của Liên Đội, ba chi đội 7A, 7B, 7C quyên góp được tổng số tiền 2 700 000 đồng. Biết rằng số tiền quyên góp của ba chi đội lần lượt tỉ lệ với 5, 6, 7. Tính số tiền quyên góp mỗi chi đội?

Câu 21: (1,5 điểm). Cho hình vẽ bên, trong đó Ax song song By

- c. Tính số đo góc $\widehat{ABY}$
 d. Chứng minh rằng By song song với Cz



Câu 22. (0,25 điểm) Tính số đo góc x trong hình vẽ bên

Câu 23. (1,0 điểm) Tìm x, biết:

$$\frac{55-x}{1967} + \frac{50-x}{1972} + \frac{45-x}{1977} + \frac{40-x}{1982} + 4 = 0$$

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM HƯỚNG DẪN CHẤM

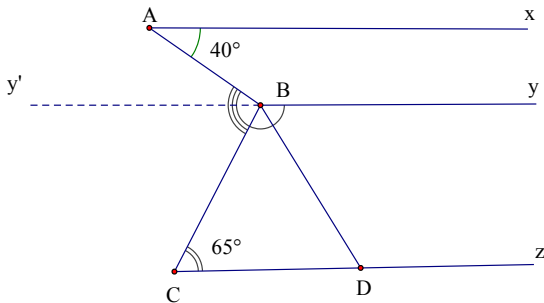
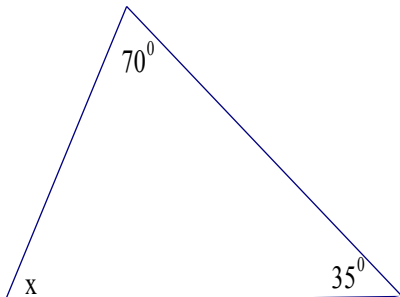
I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

Viết một chữ cái đứng trước câu trả lời em cho là đúng vào bảng sau, mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8
A	C	A	B	D	D	B	C
Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12	Câu 13	Câu 14	Câu 15	Câu 16
A	C	A	D	B	C	D	A

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
Câu 17 (0,75đ)		Thực hiện phép tính $0,75 + \frac{9}{5} \cdot \left(1,5 - \frac{2}{3}\right)^2 = 0,75 + \frac{9}{5} \cdot \left(\frac{3}{2} - \frac{2}{3}\right)^2$ $= 0,75 + \frac{9}{5} \cdot \left(\frac{5}{6}\right)^2 = 0,75 + \frac{9}{5} \cdot \frac{25}{36} = \frac{3}{4} + \frac{5}{4} = 2$	0,25 0,5
Câu 18 (0,5 điểm)		Số đối của 5,12 là - 5,12 Số đối của $-\sqrt{2}$ là $\sqrt{2}$	0,25 0,25
Câu 19 (1,0 điểm)		Tìm số nguyên x và y thỏa mãn: $\frac{x}{3} = \frac{y}{5}$ và $x + y = 160$ $\frac{x}{3} = \frac{y}{5} = \frac{x+y}{3+5} = \frac{160}{8} = 20$ Ta có: Do đó: $x = 20 \cdot 3 = 60$ $y = 20 \cdot 5 = 100$	0,5 0,25 0,25
Câu 20 (1,0 điểm)		Gọi a, b, c lần lượt là số tiền thu được của ba chi đội $7A, 7B, 7C$ ($a, b, c \in \mathbb{N}^*$ và $a, b, c > 0$)	
		Theo đề bài: $\frac{a}{5} = \frac{b}{6} = \frac{c}{7} \text{ và } a + b + c = 2700000$	0,25
		Áp dụng tích chất của dãy tỷ số bằng nhau ta được: $\frac{a}{5} = \frac{b}{6} = \frac{c}{7} = \frac{a+b+c}{5+6+7} = \frac{2700000}{18} = 150000$	0,25

		Tính được $a = 570000; b = 900000; c = 1050000$ (TM)	0,5
		Vậy số tiền thu được của ba chi đội $7A, 7B, 7C$ lần lượt là 750000 đ; 900000đ ; 1050000đ.	
Câu 21 (1,5 điểm)		Vẽ lại hình, ghi GT – KL 	
	a)	Vì $Ax \parallel By \Rightarrow \widehat{xAB} + \widehat{ABY} = 180^\circ$ (2 góc trong cùng phía) Thay vào tính được $\widehat{ABY} = 140^\circ$	0,25 0,25 0,25
	b)	Qua B kẻ tia $By' \parallel Ax$ Vì $By' \parallel Ax \Rightarrow \widehat{ABY'} = \widehat{xAB} = 40^\circ$ (2 góc so le trong) Vì By' nằm trong $\widehat{ABC} \Rightarrow \widehat{ABY'} + \widehat{y'BC} = \widehat{ABC}$ Thay số tính được $\widehat{y'BC} = 105^\circ - 40^\circ = 65^\circ$ $\widehat{y'BC} = \widehat{BCz} = 65^\circ$. Mặt khác hai góc này ở vị trí so le trong, nên $By \parallel Cz$	0,25 0,25 0,25
Câu 22. (0,25 điểm)		Tính số đo góc x trong hình vẽ bên Ta có: $x = 180^\circ - (70^\circ + 35^\circ) = 180^\circ - 105^\circ = 75^\circ$ 	0,25
Câu 23 (1,0 điểm)		Tính x: $\frac{55-x}{1967} + 1 + \frac{50-x}{1972} + 1 + \frac{45-x}{1977} + 1 + \frac{40-x}{1982} + 1 = 0$ $\frac{2022-x}{1967} + \frac{2022-x}{1972} + \frac{2022-x}{1977} + \frac{2022-x}{1982} = 0$ $(2022-x) \left(\frac{1}{1967} + \frac{1}{1972} + \frac{1}{1977} + \frac{1}{1982} \right) = 0$ $\frac{1}{1967} + \frac{1}{1972} + \frac{1}{1977} + \frac{1}{1982} \neq 0$ Vì	1

		$2022 - x = 0$ Nên Suy ra $x = 2022$	
--	--	--	--

uigeli.xyz ĐỀ 21	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025 MÔN: TOÁN 7
----------------------------	--

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng:

Câu 1: Cho $\widehat{xOy}$ và $\widehat{x'Oy'}$ là 2 góc đối đỉnh. Nếu số đo góc $\widehat{x'Oy'}$ bằng 45° thì số đo $\widehat{xOy}$ bằng:

- A. 45° . B. 90° . C. 135° . D. 180° .

Câu 2: Cho $x + \frac{13}{6} = \frac{1}{6}$ thì giá trị của x là

- A. -2 B. $\frac{7}{3}$ C. -3 D. -4

Câu 3: Biết: $|x| = 1$ thì x bằng:

- A. 1. B. -1 . C. 0. D. 1 hoặc -1 .

Câu 4: Số mặt của hình hộp chữ nhật là

- A. 4 B. 12 C. 6 D. 8.

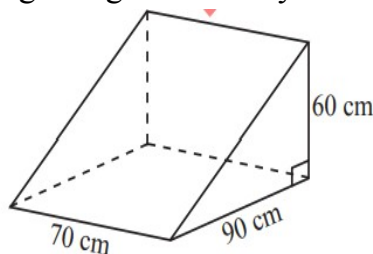
Câu 5: Làm tròn số 5,7568 với độ chính xác 0,05 ta được:

- A. 5,76. B. 5,74. C. 5,8. D. 5,756.

Câu 6: Tập hợp số hữu tỉ được kí hiệu là

- A. N. B. Q. C. I. D. R.

Câu 7: Chiều cao của hình lăng trụ đứng tam giác dưới đây là:



- A. 70 cm. B. 90 cm. C. 60 cm. D. 80 cm.

Câu 8: Cho $x = 49$. Căn bậc hai số học của x bằng:

- A. ± 7 . B. ± 49 . C. 7. D. -7 .

Câu 9: Cho tỉ lệ thức $\frac{x}{5} = \frac{2}{15}$ thì x bằng: A. 2. B. $\frac{2}{3}$ C. $\frac{3}{2}$ D. 6.

Câu 10: Cho y tỉ lệ nghịch với x theo hệ số tỉ lệ là a, khi $x = 3$ thì $y = 6$. Vậy hệ số tỉ lệ a bằng:

A. 2.

B. 0,5.

C. 18.

D. 3.

Câu 11: Nếu y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ là k ($k \neq 0$) thì x tỉ lệ thuận với y theo hệ số tỉ lệ là:

A. k

B. -k

C. 2k

D. $\frac{1}{k}$

Câu 12: Cho $\triangle ABC$ có $\angle A = 60^\circ$, $\angle B = 50^\circ$. Bất đẳng thức đúng là:

A. $AC > BC > AB$ B. $AB > AC > BC$ C. $BC > AB > AC$ D. $AB > BC > AC$

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1: (1,0 điểm) Tính giá trị của biểu thức:

a) $0,75 - 8 + \left(\frac{-3}{4}\right)$

b) $-\frac{5}{2} \cdot \sqrt{\frac{9}{25} - 2^2} \cdot \left|-\frac{1}{4}\right|$

Bài 2: (1,5 điểm) Tìm x biết:

a) $3 + x = \frac{4}{3}$;

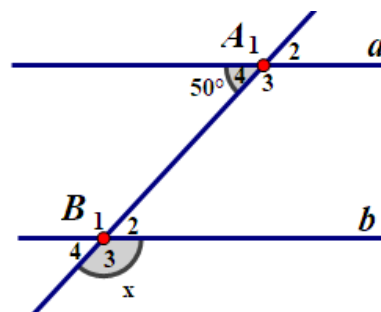
b) $3 - \left|\frac{3}{4} - x\right| = (-2) : \frac{4}{3}$

Bài 3: (1,0 điểm) Tính độ dài các cạnh của một tam giác, biết chu vi là 33 cm và các cạnh của tam giác tỉ lệ thuận với các số 2; 4; 5.

Bài 4: (1,5 điểm)

a) Cho hình vẽ bên.

Biết $a \parallel b$. Tính số đo góc x.



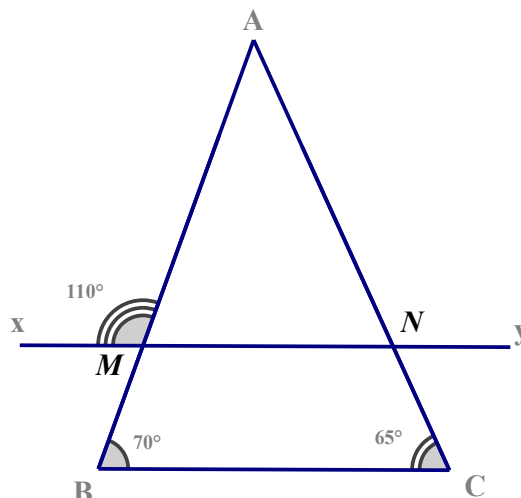
b) Vẽ hình, nêu giả thiết và kết luận của định lý sau bằng kí hiệu.
“Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.”

Bài 5. (1,0 điểm) Trên hình vẽ cho biết

$\angle AMx = 110^\circ$, $\angle ABC = 70^\circ$, $\angle ACB = 65^\circ$

a) Chứng minh rằng $Mx \parallel BC$.

b) Tính $\angle MAN$



Bài 6: (1,0 điểm) So sánh: 2^{125} và 3^{100} .

uigeli.xyz
ĐỀ 22

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: TOÁN 7

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng:

Câu 1: Cho $\angle xOy$ và $\angle x'Oy'$ là 2 góc đối đỉnh. Nếu số đo góc $\angle x'Oy'$ bằng 135° thì số đo $\angle xOy$ bằng:

- A. 45° . B. 90° . C. 135° . D. 180° .

Câu 2: Cho $x + \frac{13}{6} = \frac{1}{6}$ thì giá trị của x là

- A. -4 B. $\frac{7}{3}$ C. -3 D. -2

Câu 3: Biết: $|x| = 1$ thì x bằng:

- A. 1. B. 1 hoặc -1. C. 0. D. -1.

Câu 4: Số mặt của hình hộp chữ nhật là

- A. 4 B. 8 C. 12 D. 6.

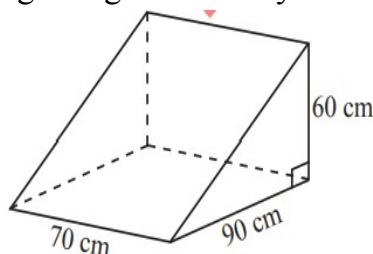
Câu 5: Làm tròn số 5,7568 với độ chính xác 0,05 ta được:

- A. 5,8 B. 5,76 C. 5,74 D. 5,756.

Câu 6: Tập hợp số hữu tỉ được kí hiệu là

- A. R. B. I. C. Q D. N.

Câu 7: Chiều cao của hình lăng trụ đứng tam giác dưới đây là:



- A. 80 cm. B. 60 cm. C. 90 cm. D. 70 cm.

Câu 8: Cho $x = 49$. Căn bậc hai số học của x bằng:

- A. ± 7 . B. ± 49 . C. -7. D. 7.

Câu 9: Cho tỉ lệ thức $\frac{x}{5} = \frac{2}{15}$ thì x bằng:

- A. 2. B. $\frac{3}{2}$ C. 6 D. $\frac{2}{3}$

Câu 10: Cho y tỉ lệ nghịch với x theo hệ số tỉ lệ là a, khi $x = 3$ thì $y = 6$. Vậy hệ số tỉ lệ a bằng:

A. 18

B. 0,5.

C. 3

D. 2.

Câu 11: Nếu y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ là k ($k \neq 0$) thì x tỉ lệ thuận với y theo hệ số tỉ lệ là:

A. k

B. $\frac{1}{k}$

C. 2k

D. -k

Câu 12: Cho $\triangle ABC$ có $\angle A = 60^\circ, \angle B = 50^\circ$. Bất đẳng thức đúng là:

A. $AC > BC > AB$ B. $AB > BC > AC$ C. $BC > AB > AC$ D. $AB > AC > BC$

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1: (1,0 điểm) Tính giá trị của biểu thức:

a) $0,75 - 8 + \left(\frac{-3}{4}\right)$

b) $-\frac{5}{2} \cdot \sqrt{\frac{9}{25} - 2^2} \cdot \left|-\frac{1}{4}\right|$

Bài 2: (1,5 điểm) Tìm x biết:

a) $3 + x = \frac{4}{3};$

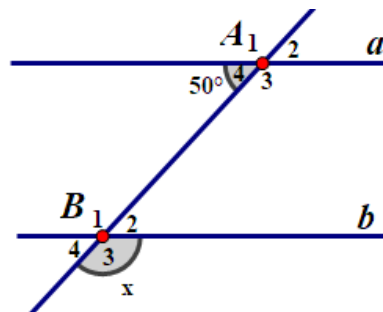
b) $3 - \left|\frac{3}{4} - x\right| = (-2) : \frac{4}{3}$

Bài 3: (1,0 điểm) Tính độ dài các cạnh của một tam giác, biết chu vi là 33 cm và các cạnh của tam giác tỉ lệ thuận với các số 2; 4; 5.

Bài 4: (1,5 điểm)

a) Cho hình vẽ bên.

Biết $a \parallel b$. Tính số đo góc x.



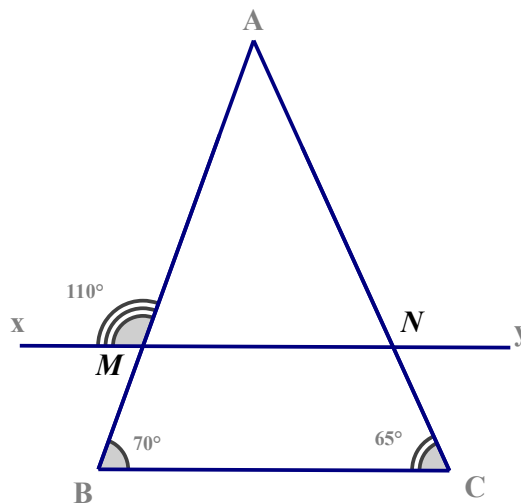
b) Vẽ hình, nêu giả thiết và kết luận của định lý sau bằng kí hiệu.
“Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.”

Bài 5. (1,0 điểm) Trên hình vẽ cho biết

$$\angle AMx = 110^\circ, \angle ABC = 70^\circ, \angle ACB = 65^\circ$$

a) Chứng minh rằng $Mx \parallel BC$

b) Tính $\angle MAN$



Bài 6: (1,0 điểm) So sánh: 2^{125} và 3^{100} .

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM TOÁN 7

I. TRẮC NGHIỆM: (Mỗi câu đúng 0,25 điểm)

ĐỀ I

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	A	D	C	C	B	A	C	B	C	D	D

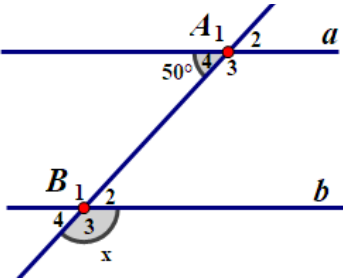
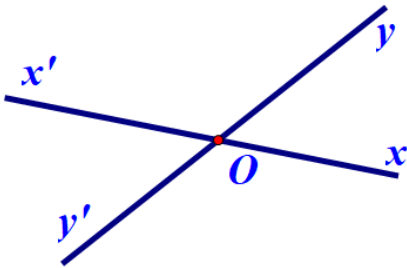
ĐỀ II

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	D	B	D	A	C	D	D	D	A	B	B

II. TỰ LUẬN: Cả 2 đề

Bài	Hướng dẫn chấm	Điểm
Bài 1 (1,0đ)	Tính giá trị của biểu thức một cách hợp lí: a) $0,75 - 8 + \left(\frac{-3}{4}\right)$	0,25đ

	$= \frac{3}{4} - 8 + \left(\frac{-3}{4}\right)$ $= -8$	0,25đ
	<p>b) $-\frac{5}{2} \cdot \sqrt{\frac{9}{25}} - 2^2 \cdot \left -\frac{1}{4} \right$</p> $= -\frac{5}{2} \cdot \frac{3}{5} - 4 \cdot \frac{1}{4}$ $= -\frac{3}{2} - 1 = -\frac{5}{2}$	0,25đ 0,25đ
Bài 2 (1,5đ)	<p>Tìm x biết:</p> <p>a) $3 + x = \frac{4}{3}$</p> $x = \frac{4}{3} - 3$ $x = \frac{-5}{3}$	0,25đ 0,25đ
	<p>b) $3 - \left \frac{3}{4} - x \right = (-2) : \frac{4}{3}$</p> $3 - \left \frac{3}{4} - x \right = \frac{-3}{2}$ $\left \frac{3}{4} - x \right = 3 - \frac{-3}{2}$ $\left \frac{3}{4} - x \right = \frac{9}{2}$ $\frac{3}{4} - x = \frac{9}{2} \quad \text{hoặc} \quad \frac{3}{4} - x = \frac{-9}{2}$ $x = \frac{-15}{4} \quad \text{hoặc} \quad x = \frac{21}{4}$	0,25đ 0,25đ 0,25đ
Bài 3 (1,0đ)	<p>Gọi độ dài 3 cạnh của tam giác lần lượt là a, b, c (cm)</p> $\frac{a}{2} = \frac{b}{4} = \frac{c}{5}$ <p>Ta có: và $a + b + c = 33$</p> <p>Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau</p> $\frac{a}{2} = \frac{b}{4} = \frac{c}{5} = \frac{a+b+c}{2+4+5} = \frac{33}{11} = 3$	0,5đ 0,25đ 0,25đ

		$\frac{a}{2} = 3 \Rightarrow a = 6$ $\frac{b}{4} = 3 \Rightarrow b = 12$ $\frac{c}{5} = 3 \Rightarrow c = 15$					
		Vậy độ dài 3 cạnh của tam giác lần lượt là 6,12,15 (cm)					
<div>Bài 4</div> <div>(1,5đ)</div>	a	<div>  <p>Ta có: $a \parallel b$ (gt)</p> <p>$\hat{A}_4 = \hat{B}_2 = 50^\circ$ (so le trong)</p> <p>$\hat{B}_2 + \hat{B}_3 = 180^\circ$ (Kề bù)</p> <p>$50^\circ + \hat{B}_3 = 180^\circ$</p> <p>$\hat{B}_3 = 130^\circ$</p> </div>	<div>0.25đ</div> <div>0.25đ</div> <div>0.25đ</div> <div>0.25đ</div>				
	b	<div>  <table> <tr> <td>GT</td> <td>$\widehat{xOy}$ đối đỉnh $\widehat{x'Oy'}$</td> </tr> <tr> <td>KT</td> <td>$\widehat{xOy} = \widehat{x'Oy'}$</td> </tr> </table> </div>	GT	$\widehat{xOy}$ đối đỉnh $\widehat{x'Oy'}$	KT	$\widehat{xOy} = \widehat{x'Oy'}$	<div>0,25đ</div> <div>0,25đ</div>
	GT	$\widehat{xOy}$ đối đỉnh $\widehat{x'Oy'}$					
	KT	$\widehat{xOy} = \widehat{x'Oy'}$					
<div>Bài 5</div> <div>(1,0đ)</div>	a	<div> <p>Ta có: $\hat{AMx} + \hat{BMx} = 180^\circ$ (kề bù)</p> <p>$\hat{BMx} = 70^\circ$</p> <p>$\Rightarrow \hat{BMx} = \hat{B}$</p> </div>	<div>0,25đ</div> <div>0,25đ</div>				

		Mà 2 góc này ở vị trí so le trong $\Rightarrow Mx // BC$	
	b	Tam giác ABC có : $\square A + \square B + \square C = 180^\circ$ $\Rightarrow \square A + 70^\circ + 65^\circ = 180^\circ$ $\Rightarrow \square A = 45^\circ$ $\Rightarrow \square MAN = 45^\circ$	0,25đ 0,25đ
Bài 6 (1,0đ)		So sánh: 2^{125} và 3^{100} . $2^{125} = 2^{5 \cdot 25} = (2^5)^{25} = 32^{25}$ $3^{100} = 3^{4 \cdot 25} = (3^4)^{25} = 81^{25}$ Vì $32^{25} < 81^{25}$ nên $2^{125} < 3^{100}$	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ

Bài 1: (2,0 đ): Thực hiện các phép tính sau:

a) $\frac{3}{7} + \frac{4}{7}$ b) $1\frac{1}{2} - \frac{1}{3}$ c) $\frac{5}{12} \cdot \frac{-7}{8} - \frac{5}{12} \cdot \frac{1}{8}$ d) $3 \cdot \left| \frac{-1}{2} \right| - \sqrt{\frac{1}{9}} : \frac{5}{3}$

Bài 2: (1,0 đ):

a) Tính giá trị tuyệt đối của: $-1,5; \frac{12}{5}$

b) So sánh: $-0,75$ và $\frac{-2}{5}$

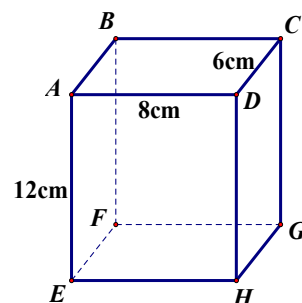
Bài 3:(1,0 đ) Tìm x, biết:

a) $x - \frac{3}{4} = \frac{1}{3}$ b) $\frac{56-x}{1967} + \frac{51-x}{1972} + \frac{46-x}{1977} + \frac{41-x}{1982} = -4$

Bài 4: (1,5 đ) Cho hình hộp chữ nhật ABCD.EFGH có các kích thước như hình vẽ. (HS không cần vẽ hình)

- a) Nêu các cạnh bằng cạnh AE.
b) Tính thể tích của hình hộp chữ nhật bên.

—



Bài 5: (0,5 đ) Vẽ hình, viết giả thiết, kết luận của định lý: “ Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau”

Bài 6: (3,0 đ) Cho hình vẽ sau:

a) Nêu góc so le trong với góc A_3 và góc đồng vị với góc B_2 có trong hình bên.

b) Chứng minh : $a \parallel b$

c) Biết $\widehat{B_2} = 135^\circ$. Tính $\widehat{A_2}; \widehat{B_1}$

d) Vẽ Dx là tia phân giác của góc aDC . Chứng minh: $Dx \parallel c$

Bài 7: (1,0 đ).

Kết quả tìm hiểu về môn thể thao được yêu thích của các bạn trong lớp 7A được cho bởi bảng thống kê sau.

Môn thể thao	Bóng đá	Bóng rổ	Cầu lông	Nhảy cao
Số lượng bạn yêu thích	9	7	14	12

a) Hãy phân loại dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.

b) Hãy cho biết lớp 7A có bao nhiêu học sinh.

—————Hết—————

Học sinh được sử dụng máy tính cầm tay. Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ CHÍNH THỨC

Bài 1: (2,0 điểm): Thực hiện các phép tính sau:

a) $\frac{3}{7} + \frac{4}{7}$ b) $1\frac{1}{2} - \frac{1}{3}$ c) $\frac{5}{12} \cdot \frac{-7}{8} - \frac{5}{12} \cdot \frac{1}{8}$ d) $3 \cdot \left| \frac{-1}{2} \right| - \sqrt{\frac{1}{9}} : \frac{5}{3}$

Câu	Nội dung	Điểm
2,0 điểm	a) $\frac{3}{7} + \frac{4}{7} = \frac{7}{7} = 1$	0,5
	b) $1\frac{1}{2} - \frac{1}{3} = \frac{3}{2} - \frac{1}{3} = \frac{9}{6} - \frac{2}{6} = \frac{7}{6}$	0,5
	c) $\frac{5}{12} \cdot \frac{-7}{8} - \frac{5}{12} \cdot \frac{1}{8} = \frac{5}{12} \left(\frac{-7}{8} - \frac{1}{8} \right) = \frac{5}{12} \cdot \frac{-8}{8} = \frac{5}{12} \cdot (-1) = \frac{-5}{12}$	0,5
	d) $3 \cdot \left \frac{-1}{2} \right - \sqrt{\frac{1}{9}} : \frac{5}{3} = 3 \cdot \frac{1}{2} - \frac{1}{3} : \frac{5}{3} = \frac{3}{2} - \frac{1}{5} = \frac{15}{10} - \frac{2}{10} = \frac{13}{10}$	0,5

Bài 2: (1,0 điểm):

a) Tính giá trị tuyệt đối của: $-1,5; \frac{12}{5}$

b) So sánh: $-0,75$ và $\frac{-2}{5}$

Câu	Nội dung	Điểm
-----	----------	------

1,0 điểm	a) $ -1,5 = 1,5; \left \frac{12}{5} \right = \frac{12}{5}$	0,25x2
	b) Ta có: $-0,75 = \frac{-3}{4} = \frac{-3.5}{4.5} = \frac{-15}{20}$ $\frac{-2}{5} = \frac{-2.4}{5.4} = \frac{-8}{20}$ $\frac{-15}{20} < \frac{-8}{20} \quad -0,75 < \frac{-2}{5}$ Vì $\frac{-15}{20} < \frac{-8}{20}$ nên $-0,75 < \frac{-2}{5}$	0,25x2

Bài 3:(1,0 điểm) Tìm x, biết:

a) $x - \frac{3}{4} = \frac{1}{3}$ b) $\frac{56-x}{1967} + \frac{51-x}{1972} + \frac{46-x}{1977} + \frac{41-x}{1982} = -4$

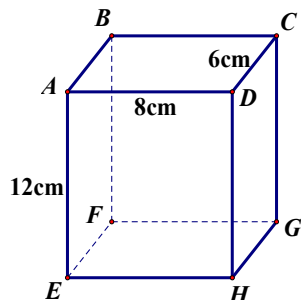
Câu	Nội dung	Điểm
1,0 điểm	$a) x - \frac{3}{4} = \frac{1}{3}$ $x = \frac{1}{3} + \frac{3}{4}$ $x = \frac{4}{12} + \frac{9}{12}$ $x = \frac{13}{12}$	0,5
	$b) \frac{56-x}{1967} + \frac{51-x}{1972} + \frac{46-x}{1977} + \frac{41-x}{1982} = -4$ $\frac{56-x}{1967} + 1 + \frac{51-x}{1972} + 1 + \frac{46-x}{1977} + 1 + \frac{41-x}{1982} + 1 = 0$ $\frac{56-x+1967}{1967} + \frac{51-x+1972}{1972} + \frac{46-x+1977}{1977} + \frac{41-x+1982}{1982} = 0$ $\frac{2023-x}{1967} + \frac{2023-x}{1972} + \frac{2023-x}{1977} + \frac{2023-x}{1982} = 0$ $(2023-x) \left(\frac{1}{1967} + \frac{1}{1972} + \frac{1}{1977} + \frac{1}{1982} \right) = 0$ $\text{Vì } \frac{1}{1967} + \frac{1}{1972} + \frac{1}{1977} + \frac{1}{1982} \neq 0$,nên : $2023-x = 0$. Vậy $x = 2023$	0,5

Bài 4: (1,5 điểm) Cho hình hộp chữ nhật ABCD.EFGH có các kích thước như hình vẽ. (HS không cần vẽ hình)

a) Nêu các cạnh bằng cạnh AE

b) Tính thể tích của hình chữ nhật bên

–



Câu	Nội dung	Điểm
1, 5 điểm	a) AE=BF=CG=DH	0,25x3
	b) Thể tích của hình chữ nhật ABCD.EFGH là: $12.8.6=576(\text{cm}^3)$	0,75

Bài 5: (0,5 điểm) Vẽ hình, viết giả thiết, kết luận của định lí: “ Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau”

Câu	Nội dung	Điểm
0,5 điểm	<p>Hình vẽ:</p> <p>GT $\left\{ \begin{array}{l} a \perp c \\ b \perp c \end{array} \right.$ KL $a // b$</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>

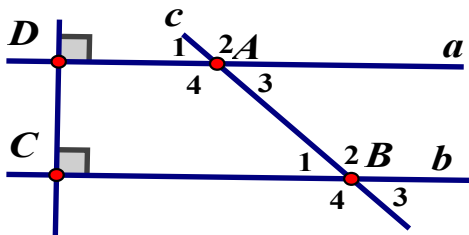
Bài 6: (3,0 điểm) Cho hình vẽ sau:

a) Nêu các góc so le trong với góc A_3 và các góc đồng vị với góc B_2 có trong hình bên

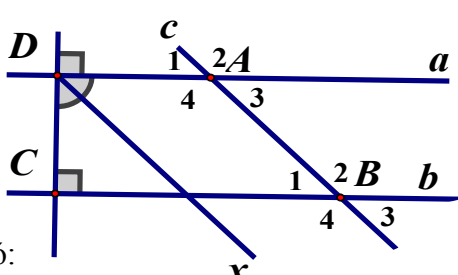
b) Chứng minh : $a // b$

c) Biết $B_2 = 135^\circ$. Tính $A_2; B_1$

d) Vẽ Dx là tia phân giác của góc aDC. Chứng minh: $Dx // c$



Câu	Nội dung	Điểm
3,0 điểm	a) A_3 so le trong với B_1 ; B_2 đồng vị với A_2	0,25x2
	b) Ta có: $\left. \begin{array}{l} a \perp CD \\ b \perp CD \end{array} \right\} \Rightarrow a // b$	0,75
	c) Vì $a // b$, nên:	0,5x2

	$\widehat{A_2} = \widehat{B_2} = 135^\circ$ (hai góc đồng vị) Vì góc B_1 và B_2 là hai góc kề bù nên: $\widehat{B_1} + \widehat{B_2} = 180^\circ$ $\widehat{B_1} + 135^\circ = 180^\circ$ $\Rightarrow \widehat{B_1} = 180^\circ - 135^\circ = 45^\circ$	
	<p>d) Vẽ hình:</p>  <p>Vì Dx là tia phân giác của góc aDC, ta có:</p> $\widehat{ADx} = \frac{\widehat{ADC}}{2} = \frac{90^\circ}{2} = 45^\circ \quad (1)$ <p>Vì $a // b$, nên: $\widehat{A_3} = \widehat{B_1} = 45^\circ$ (hai góc so le trong) (2)</p> <p>Từ (1) và (2), ta có: $\widehat{ADx} = \widehat{A_3}$</p> <p>Mà $\widehat{ADx}$ và $\widehat{A_3}$ là hai góc đồng vị</p> <p>Vậy $Dx // c$</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

Bài 7:(1,0 điểm).

Kết quả tìm hiểu về môn thể thao được yêu thích của các bạn trong lớp 7A được cho bởi bảng thống kê sau.

Môn thể thao	Bóng đá	Bóng rổ	Cầu lông	Nhảy cao
Số lượng bạn yêu thích	9	7	14	12

- a) Hãy phân loại dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.
 b) Hãy cho biết lớp 7A có bao nhiêu học sinh.

Câu	Nội dung	Điểm
1,0 điểm	a) Dữ liệu định tính: Bóng đá, bóng rổ, cầu lông, nhảy cao Dữ liệu định lượng: 9, 7, 14, 12	0,25x2
	b) Số HS lớp 7A là : $9+7+14+12=42$	0,25x2

I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

Hãy chọn chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng nhất trong mỗi câu sau và viết vào bài kiểm tra.

Câu 1. Tập hợp các số hữu tỉ được kí hiệu là:

- A. $\mathbb{N}$; B. $\mathbb{Z}$; C. $\mathbb{N}^*$; D. $\mathbb{Q}$.

Câu 2. Trong các số sau, số nào là số hữu tỉ âm?

- A. $\frac{1}{2}$; B. $-\frac{4}{5}$; C. $\frac{3}{-7}$; D. $-\frac{9}{-10}$.

Câu 3. Với $x \in \mathbb{Q}$, $m, n \in \mathbb{N}$. Khẳng định nào dưới đây là đúng?

- A. $(x^m)^n = x^{m \cdot n}$; B. $(x^m)^n = x^{mn}$; C. $(x^m)^n = x^{m+n}$; D. $(x^m)^n = x^{n \cdot m}$.

Câu 4. Số nào sau đây là số thập phân vô hạn tuần hoàn:

- A. 3,(45); B. 3,45; C. -2,55; D. 2,1212.

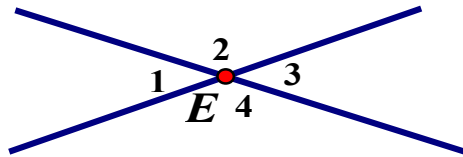
Câu 5. Kết quả phép tính $\left(\frac{4}{5}\right)^9 \cdot \left(\frac{4}{5}\right)^2$ dưới dạng lũy thừa của một số hữu tỉ là:

- A. $\left(\frac{4}{5}\right)^{11}$; B. $\left(\frac{4}{5}\right)^{12}$; C. $\left(\frac{4}{5}\right)^{13}$; D. $\left(\frac{4}{5}\right)^{14}$.

Câu 6. Tổng ba góc trong một tam giác bằng:

- A. 100° ; B. 180° ; C. 150° ; D. 90° .

Câu 7. Cho hình vẽ bên (Hình 1). Cặp góc đối đỉnh là:



Hình 1

- A. $\widehat{E}_1$ và $\widehat{E}_4$; B. $\widehat{E}_1$ và $\widehat{E}_3$; C. $\widehat{E}_1$ và $\widehat{E}_2$; D. $\widehat{E}_2$ và $\widehat{E}_3$.

Câu 8. Cho ba đường thẳng phân biệt a, b, c . Biết $a \parallel b$ và $c \perp a$. Khi đó:

- A. $a \parallel b$; B. $a \parallel c$; C. $b \perp c$; D. $a \perp b$.

II. TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm)

a) Tìm số đối của các số hữu tỉ sau: 1,35; $-2\frac{5}{6}$.

b) Biểu diễn số hữu tỉ $\frac{3}{2}$ trên trục số.

Câu 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính (Tính hợp lí nếu có thể):

a) $\frac{-3}{10} + \frac{-2}{15}$; b) $(-7,5) \cdot 3,2 + (-7,5) \cdot 6,8$; c) $2 : \left(\frac{1}{2} - \frac{2}{3}\right)^2 + 12^4 : 6^4$.

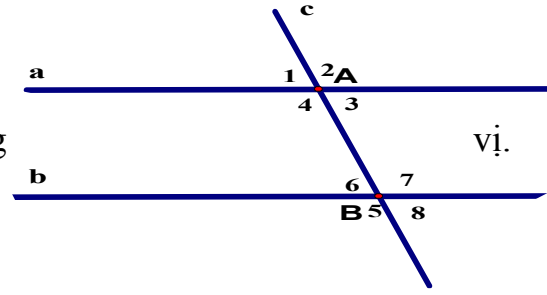
Câu 3. (1,0 điểm) Tìm x, biết:

a) $x - \frac{4}{5} = \frac{6}{7}$; b) $\frac{3}{2} + 6x = 1,4$.

Câu 4. (1,0 điểm) Cho hình vẽ bên.

a) Kể tên hai cặp góc so le trong.

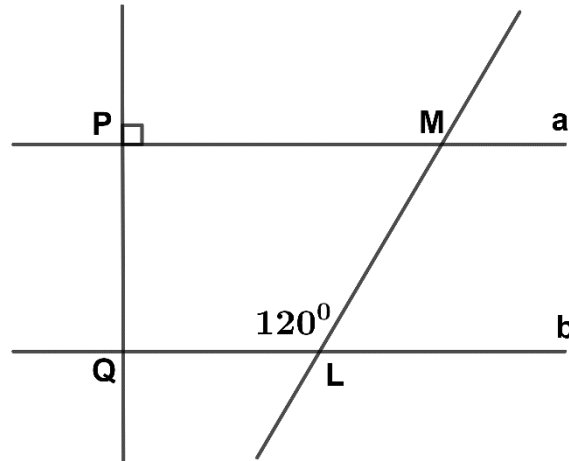
b) Kể tên hai cặp góc đồng vị.



Câu 5. (2,5 điểm) Cho hình vẽ sau. Biết $a \parallel b$, $a \perp PQ$ tại P, $\widehat{MLQ} = 120^\circ$.

a) Tính số đo $\widehat{aML}$ và $\widehat{PQL}$.

b) Vẽ tia phân giác LT của $\widehat{QLM}$ ($T \in a$). Tính số đo $\widehat{MTL}$.



(Học sinh vẽ lại hình, ghi GT và KL)

Câu 6. (1,0 điểm) Tính $A = 1 + \frac{1}{5} + \left(\frac{1}{5}\right)^2 + \left(\frac{1}{5}\right)^3 + \dots + \left(\frac{1}{5}\right)^{29} + \left(\frac{1}{5}\right)^{30}$.

----- **HẾT** -----

I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

Hãy chọn chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng nhất trong mỗi câu sau và viết vào bài kiểm tra.

Câu 1. Tập hợp các số hữu tỉ được kí hiệu là:

- A. $\mathbb{N}^*$; **B. $\mathbb{Q}$;** C. $\mathbb{Z}$; D. $\mathbb{N}$.

Câu 2. Trong các số sau, số nào là số hữu tỉ dương?

- A. $\frac{13}{-8}$; B. $\frac{-13}{8}$; **C. $\frac{17}{11}$;** D. $\frac{-8}{-5}$.

Câu 3. Với $x \in \mathbb{Q}$, $m, n \in \mathbb{N}$. Khẳng định nào dưới đây là đúng?

- A. $x^m \cdot x^n = x^{m-n}$; **B. $x^m \cdot x^n = x^{m+n}$;** C. $x^m \cdot x^n = x^{mn}$; D. $x^m \cdot x^n = x^{m:n}$.

Câu 4. Chu kì của số thập phân vô hạn tuần hoàn $-5,7(13)$ là:

- A. 13;** B. 713; C. 5,713; D. 5,7.

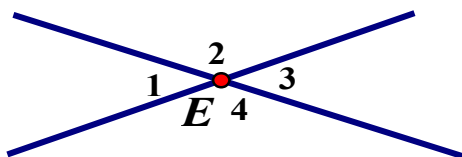
Câu 5. Kết quả phép tính $\left(\left(\frac{4}{9}\right)^5\right)^7$ dưới dạng lũy thừa của một số hữu tỉ là:

- A. $\left(\frac{4}{9}\right)^5$; B. $\left(\frac{4}{9}\right)^7$; **C. $\left(\frac{4}{9}\right)^{35}$;** D. $\left(\frac{4}{9}\right)^{12}$.

Câu 6. Tổng ba góc trong một tam giác bằng:

- A. 190° ; B. 170° ; C. 200° ; **D. 180° .**

Câu 7. Cho hình vẽ bên (hình 1). Cặp góc đối đỉnh là:



Hình 1

- A. $\widehat{E_1}$ và $\widehat{E_2}$; **B. $\widehat{E_2}$ và $\widehat{E_4}$;** C. $\widehat{E_1}$ và $\widehat{E_4}$; D. $\widehat{E_4}$ và $\widehat{E_3}$.

Câu 8. Cho ba đường thẳng phân biệt a , b và c . Biết $a \parallel c$ và $b \parallel c$. Khi đó:

- A. $c \parallel b$; B. $a \parallel c$; **C. $a \parallel b$;** D. $a \perp b$.

II. TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm)

a) Tìm số đối của các số hữu tỉ sau: $-9,8$; $-2\frac{1}{7}$.

b) Biểu diễn số hữu tỉ $\frac{-5}{4}$ trên trục số.

Câu 2. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính (Tính hợp lí nếu có thể):

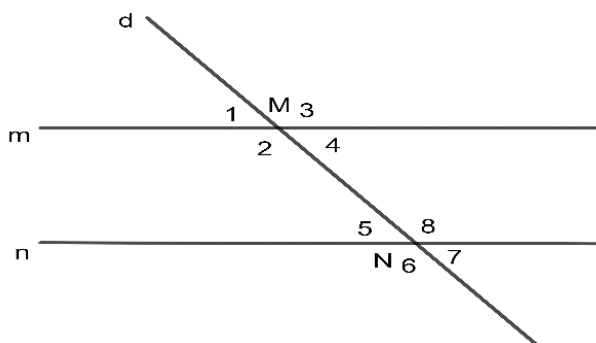
- a) $\frac{-4}{9} + \frac{-1}{6}$; b) $8,2 \cdot (-6,9) + (-6,9) \cdot 1,8$; c) $(-14)^4 : (-7)^4 + 49 : \left(\frac{1}{5} + \frac{1}{2}\right)^2$.

Câu 3. (1,0 điểm) Tìm x, biết:

a) $x + \frac{3}{7} = \frac{-4}{5}$; b) $8x - \frac{4}{9} = 1,5$.

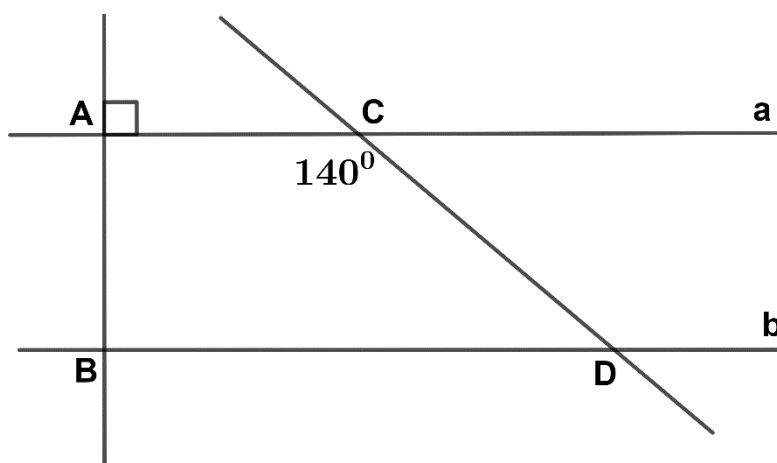
Câu 4. (1,0 điểm) Cho hình vẽ bên.

- a) Kể tên hai cặp góc so le trong.
b) Kể tên hai cặp góc đồng vị.



Câu 5. (2,5 điểm) Cho hình vẽ sau. Biết $a \parallel b$, a AB tại A, $\widehat{ACD} = 140^\circ$.

- a) Tính số đo $\widehat{CDB}$ và $\widehat{ABD}$.
b) Vẽ tia phân giác CI của $\widehat{ACD}$ ($I \in b$). Tính số đo $\widehat{CID}$.



(Học sinh vẽ lại hình, ghi GT và KL)

Câu 6. (1,0 điểm) Tính $S = 1 + \frac{1}{7} + \left(\frac{1}{7}\right)^2 + \left(\frac{1}{7}\right)^3 + \dots + \left(\frac{1}{7}\right)^{19} + \left(\frac{1}{7}\right)^{20}$.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I

NĂM HỌC 2024– 2025

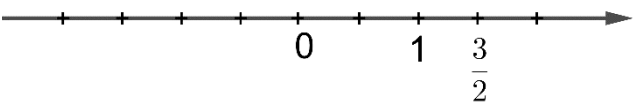
MÔN TOÁN – KHỐI 7

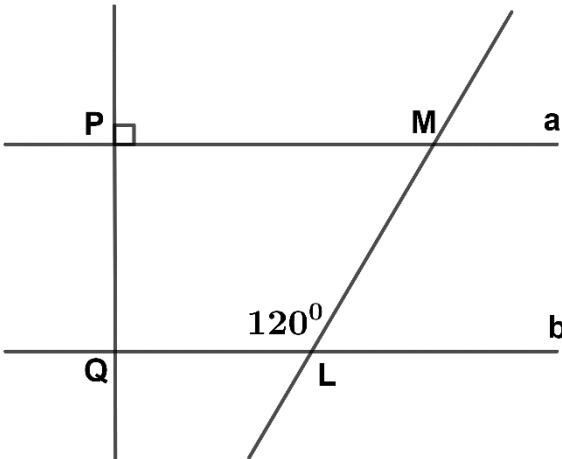
(Hướng dẫn chấm gồm có 05 trang)

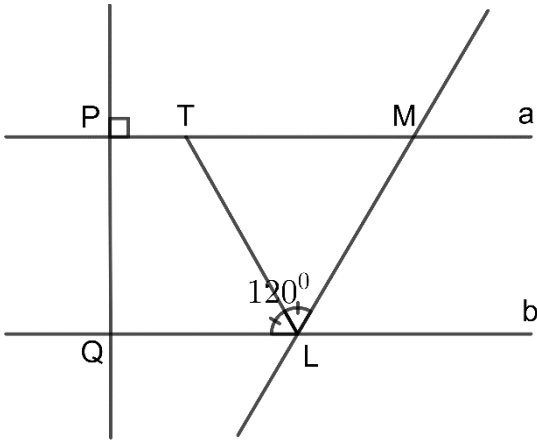
I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm) (Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án đề chuẩn	D	C	B	A	A	B	B	C
Đáp án đề lẻ	B	C	B	A	C	D	B	C

II. TỰ LUẬN (8,0 điểm)**ĐỀ CHẤM**

Câu	Phần /ý	Nội dung	Điểm
1 (1,0 điểm)	a	Số đối của các số hữu tỉ 1,35 và $-2\frac{5}{6}$ lần lượt là: -1,35 và $2\frac{5}{6}$	0,5
	b		0,5
2 (1,5 điểm)	a	$\frac{-3}{10} + \frac{-2}{15} = \frac{-9}{30} + \frac{-6}{30}$ $= \frac{-15}{30} = \frac{-1}{2}$	0,25 0,25
	b	$(-7,5) \cdot 3,2 + (-7,5) \cdot 6,8 = (-7,5) \cdot (3,2 + 6,8)$ $= (-7,5) \cdot 10 = -75$	0,25 0,25
	c	$2 : \left(\frac{1}{2} - \frac{2}{3}\right)^2 + 12^4 : 6^4$ $= 2 : \left(\frac{-1}{6}\right)^2 + 2^4$ $= 2 : \frac{1}{36} + 16$ $= 72 + 16 = 88$	0,25 0,25
3 (1,0 điểm)	a	$x - \frac{4}{5} = \frac{6}{7}$ $x = \frac{6}{7} + \frac{4}{5}$ $x = \frac{58}{35}$ <p>Vậy $x = \frac{58}{35}$.</p>	0,25 0,25
	b	$\frac{3}{2} + 6x = 1,4$ $6x = 1,4 - \frac{3}{2}$	0,25

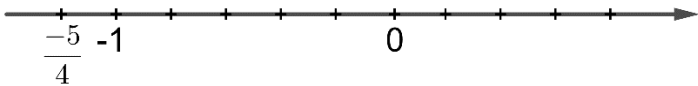
		$6x = \frac{-1}{10}$ $x = \frac{-1}{10} : 6$ $x = \frac{-1}{10}$ Vậy $x = \frac{-1}{10}$	0,25				
4 (1,0 điểm)	a	$\hat{A}_4$ và $\hat{B}_7$; $\hat{A}_3$ và $\hat{B}_6$	0,5				
	b		0,5				
5 (2,5 điểm)	Vẽ hình		0,25				
	GT+ KL	<table><tr><td>GT</td><td>$a \parallel b$, a PQ tại P, $\widehat{MLQ} = 120^0$; Tia phân giác LT của $\widehat{QLM}$ ($T \in a$).</td></tr><tr><td>KL</td><td>a) $\widehat{aML} = ?$ và $\widehat{PQL} = ?$ b) $\widehat{MTL} = ?$</td></tr></table>	GT	$a \parallel b$, a PQ tại P, $\widehat{MLQ} = 120^0$; Tia phân giác LT của $\widehat{QLM}$ ($T \in a$).	KL	a) $\widehat{aML} = ?$ và $\widehat{PQL} = ?$ b) $\widehat{MTL} = ?$	0,25
	GT	$a \parallel b$, a PQ tại P, $\widehat{MLQ} = 120^0$; Tia phân giác LT của $\widehat{QLM}$ ($T \in a$).					
	KL	a) $\widehat{aML} = ?$ và $\widehat{PQL} = ?$ b) $\widehat{MTL} = ?$					
a	Vì $a \parallel b$ nên $\widehat{aML} = \widehat{QLM}$ (hai góc SLT). Mà $\widehat{QLM} = 120^0$ nên $\widehat{aML} = 120^0$.	0,5					
	Vì $a \parallel b$ và a PQ tại P nên b PQ tại Q. Do đó $\widehat{PQL} = 90^0$.	0,5					

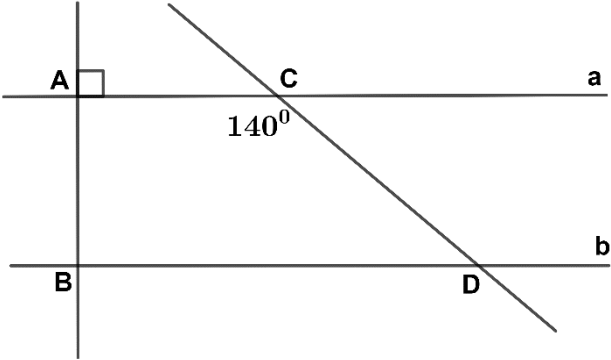
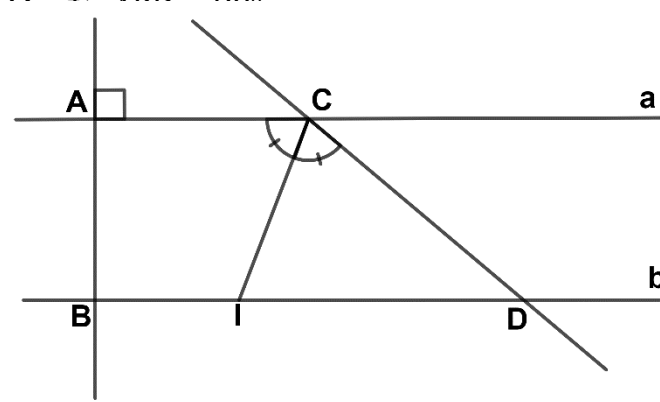
			
		<p>Vì LT là tia phân giác của $\widehat{QLM}$ nên :</p> $\widehat{QLT} = \widehat{QLM} = \frac{120^\circ}{2} = 60^\circ.$	0,5
		<p>Vì $a \parallel b$ nên $\widehat{QLT} = \widehat{MTL}$ (hai góc SLT). Do đó $\widehat{MTL} = 60^\circ$.</p>	0,5
6 (1,0 điểm)		<p>Ta có: $A = 1 + \frac{1}{5} + \left(\frac{1}{5}\right)^2 + \left(\frac{1}{5}\right)^3 + \dots + \left(\frac{1}{5}\right)^{29} + \left(\frac{1}{5}\right)^{30}$</p> $\frac{1}{5} \cdot A = \frac{1}{5} + \left(\frac{1}{5}\right)^2 + \left(\frac{1}{5}\right)^3 + \left(\frac{1}{5}\right)^4 + \dots + \left(\frac{1}{5}\right)^{30} + \left(\frac{1}{5}\right)^{31}$	0,25
		<p>Khi đó:</p> $A - \frac{1}{5} \cdot A = \left[1 + \frac{1}{5} + \left(\frac{1}{5}\right)^2 + \left(\frac{1}{5}\right)^3 + \dots + \left(\frac{1}{5}\right)^{29} + \left(\frac{1}{5}\right)^{30} \right] -$ $\left[\frac{1}{5} + \left(\frac{1}{5}\right)^2 + \left(\frac{1}{5}\right)^3 + \left(\frac{1}{5}\right)^4 + \dots + \left(\frac{1}{5}\right)^{30} + \left(\frac{1}{5}\right)^{31} \right]$	0,25
		<p>Hay $\frac{4}{5} \cdot A = 1 - \left(\frac{1}{5}\right)^{31}$</p> $A = \left[1 - \left(\frac{1}{5}\right)^{31} \right] : \frac{4}{5}$	0,25
		$A = \frac{5}{4} \cdot \left[1 - \left(\frac{1}{5}\right)^{31} \right].$	0,25

(Các lời giải khác đúng xem xét và đánh giá điểm tương ứng).

ĐỀ LỄ

Câu	Phần /ý	Nội dung	Điểm
1 (1,0 điểm)	a	<p>Số đối của các số hữu tỉ -9,8 và $-2\frac{1}{7}$ lần lượt là: 9,8 và $2\frac{1}{7}$</p>	0,5

	b		0,5
2 <i>(1,5 điểm)</i>	a	$\frac{-4}{9} + \frac{-1}{6} = \frac{-8}{18} + \frac{-3}{18}$ $= \frac{-11}{18}$	0,25 0,25
	b	$8,2 \cdot (-6,9) + (-6,9) \cdot 1,8 = (-6,9) \cdot (8,2 + 1,8)$ $= (-6,9) \cdot 10 = -69$	0,25 0,25
	c	$(-14)^4 : (-7)^4 + 49 : \left(\frac{1}{5} + \frac{1}{2}\right)^2$ $= (-2)^4 + 49 : \left(\frac{7}{10}\right)^2$ $= 16 + 49 : \frac{49}{100}$ $= 16 + 100 = 116$	0,25 0,25
3 <i>(1,0 điểm)</i>	a	$x \frac{+3}{7} = \frac{-4}{5}$ $x = \frac{-4}{5} \cdot \frac{7}{7}$ $x = \frac{-43}{35}$ $\text{Vậy } x = \frac{-43}{35}$	0,25 0,25
	b	$8x - \frac{4}{9} = 1,5$ $8x = 1,5 + \frac{4}{9}$ $8x = \frac{35}{18}$ $x = \frac{35}{18} : 8$ $x = \frac{35}{144}$ $\text{Vậy } x = \frac{35}{144}$	0,25 0,25
4	a	$\widehat{M}_4$ và $\widehat{N}_5$; $\widehat{M}_2$ và $\widehat{N}_8$	0,5

(1,0 điểm)	b	$\widehat{M}_4$ và $\widehat{N}_7$; $\widehat{M}_7$ và $\widehat{N}_6$	0,5
5 (2,5 điểm)	Vẽ hình		0,25
	GT+ KL	<div>GT</div> $a \parallel b, a \perp AB \text{ tại } A, \widehat{ACD} = 140^\circ;$ Tia phân giác CI của $\widehat{ACD}$ ($I \in b$). <hr/> <div>KL</div> a) $\widehat{CDB} = ?$ và $\widehat{ABD} = ?$ b) $\widehat{CID} = ?$	0,25
	a	Vì $a \parallel b$ nên $\widehat{ACD} = \widehat{CDB}$ (hai góc SLT). Mà $\widehat{ACD} = 140^\circ$ nên $\widehat{CDB} = 140^\circ$.	0,5
		Vì $a \parallel b$ và $a \perp AB$ tại A nên $b \perp AB$ tại B.	0,5
	b		
		Vì CI là tia phân giác của $\widehat{ACD}$ nên : $\widehat{ACI} = \frac{\widehat{ACD}}{2} = \frac{140^\circ}{2} = 70^\circ.$ Vì $a \parallel b$ nên $\widehat{ACI} = \widehat{CID}$ (hai góc SLT). Do đó $\widehat{CID} = 70^\circ$.	0,5 0,5
6 (1,0 điểm)		Ta có: $\frac{1}{7} \cdot S = \frac{1}{7} + \left(\frac{1}{7}\right)^2 + \left(\frac{1}{7}\right)^3 + \dots + \left(\frac{1}{7}\right)^{20} + \left(\frac{1}{7}\right)^{21}$ $S = 1 + \frac{1}{7} + \left(\frac{1}{7}\right)^2 + \left(\frac{1}{7}\right)^3 + \dots + \left(\frac{1}{7}\right)^{19} + \left(\frac{1}{7}\right)^{20}$	0,25

		Khi đó: $S - \frac{1}{7} \cdot S = \left[1 + \frac{1}{7} + \left(\frac{1}{7}\right)^2 + \left(\frac{1}{7}\right)^3 + \dots + \left(\frac{1}{7}\right)^{19} + \left(\frac{1}{7}\right)^{20} \right] -$ $\left[\frac{1}{7} + \left(\frac{1}{7}\right)^2 + \left(\frac{1}{7}\right)^3 + \dots + \left(\frac{1}{7}\right)^{20} + \left(\frac{1}{7}\right)^{21} \right]$ Hay $\frac{6}{7} \cdot S = 1 - \left(\frac{1}{7}\right)^{21}$ $S = \left[1 - \left(\frac{1}{7}\right)^{21} \right] : \frac{6}{7}$ $S = \frac{7}{6} \cdot \left[1 - \left(\frac{1}{7}\right)^{21} \right].$	0,25 0,25 0,25
--	--	--	------------------------------

(Các lời giải khác đúng xem xét và đánh giá điểm tương ứng).

uigeli.xyz
ĐỀ 25

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: TOÁN 7

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Hãy chọn một chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1. Tích $(-2).(-2).(-2)$ được viết gọn dưới dạng lũy thừa là:

- A. 2^2 B. $(-2)^2$ C. 2^3 D. $(-2)^3$

Câu 2. Kết quả của $\left[\left(\frac{-2}{5} \right)^3 \right]^0$ là:

- A. 0 B. $\frac{-8}{125}$ C. 1 D. $\frac{8}{125}$

Câu 3. Chọn câu sai trong các câu sau:

- A. $\frac{-3}{5} < 0$ B. $1\frac{2}{3} > -1\frac{2}{3}$ C. $\frac{3}{4} = 0,75$ D. $0,35 < 0,3$

Câu 4. Kết quả của phép tính $\frac{1}{3} - 0,25$ là:

- A. $\frac{11}{12}$ B. $\frac{1}{12}$ C. $-\frac{1}{12}$ D. $-\frac{11}{12}$

Câu 5. Kết quả của phép tính $-1,4 + 5,75 + (-0,6) + (-0,75)$ là:

- A. -3 B. 3 C. -7 D. 7

Câu 6. Cho $x - \left(\frac{-5}{7} \right) = \frac{1}{7}$. Giá trị của x là:

- A. $-\frac{4}{7}$ B. $\frac{-3}{7}$ C. $\frac{-2}{7}$ D. $-\frac{1}{7}$

Câu 7. Số $\frac{-7}{22}$ viết dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn là:

A. 0,3(18)

B. 0,31(8)

C. -0,(318)

D. -0,3(18)

Câu 8. Cho $|x|=9$ thì:

A. $x=9$ hoặc $x=-9$

B. $x=9$

C. $x=-9$

D. $x=0$ hoặc $x=1$

Câu 9. $\sqrt{\frac{25}{36}}$ là:

A. 5 và 6

B. $\frac{-5}{6}$

C. $\frac{-5}{6}$ và $\frac{5}{6}$

D. $\frac{5}{6}$

Câu 10. Kết quả của phép tính $4,2-\sqrt{9}$ là:

A. 2,2

B. 1,2

C. 4,2

D. 3,2

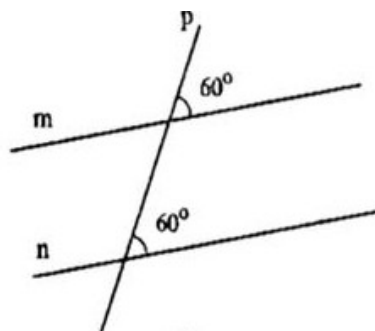
Câu 11: Cho hình vẽ. Khi đó m và n là:

A. Hai đường thẳng song song.

B. Hai đường thẳng cắt nhau.

C. Hai đường thẳng vuông góc.

D. Hai đường thẳng trùng nhau.



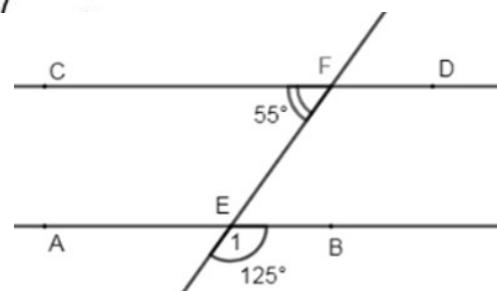
Câu 12: Cho hình vẽ. Khi đó số đo của góc DFE là:

A. 55° .

B. 125° .

C. 135° .

D. 155° .



PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể):

a) $\frac{7}{6} - \frac{1}{6} \cdot \frac{2}{3}$

b) $23 \cdot (-13)$

c) $\frac{3^{27}}{9^5 \cdot 3^{16}}$

Câu 2. (1,0 điểm) Tìm x , biết:

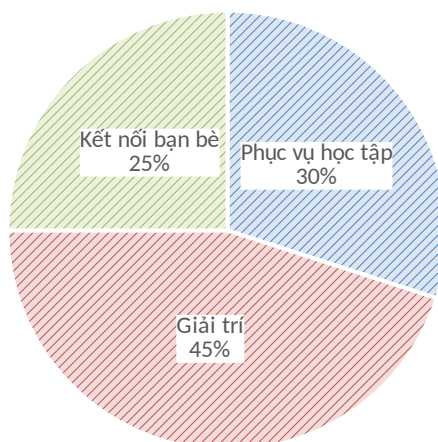
a) $\frac{3}{4} + \frac{2}{3}x = \frac{1}{2}$

b) $|x| + \frac{1}{2} = \frac{3}{4}$

Câu 3. (1,0 điểm) Kết quả khảo sát về mục đích vào mạng sử dụng internet của các học sinh trường THCS Quảng Tiến được cho bằng biểu đồ dưới đây:

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG MẠNG INTERNET

■ Phục vụ học tập ■ Giải trí ■ Kết nối bạn bè



a) Lập bảng thống kê biểu diễn tỉ lệ học sinh trường THCS Quảng Tiến theo mục đích vào mạng internet?

b) Trong 500 học sinh trường THCS Quảng Tiến vào mạng internet, có bao nhiêu em vào với mục đích học tập?

Câu 4. (2,5 điểm) Cho $\triangle ABC$ vuông tại A. Gọi M là trung điểm BC. Trên tia đối của tia MA lấy điểm E sao cho $MA = ME$.

a) Chứng minh $\angle MAB = \angle MEC$.

b) Chứng minh $AB \parallel EC$.

c) Chứng minh $\triangle BEC$ vuông tại E.

Câu 5. (1,0 điểm) a) Tính giá trị của biểu thức: $A = 6^0 + 6^1 + 6^2 + \dots + 6^{2021} + 6^{2022}$

x biết: $\left|x + \frac{1}{101}\right| + \left|x + \frac{2}{101}\right| + \left|x + \frac{3}{101}\right| + \dots + \left|x + \frac{100}{101}\right| = 101x$

b) Tìm

..... Hết

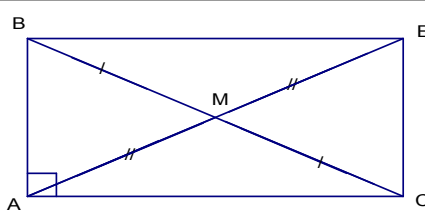
HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Mỗi câu trắc nghiệm trả lời đúng 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	C	D	B	B	A	D	A	D	B	A	B

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
-----	----------	------

Câu 1. (1,5điểm))	a) $\frac{7}{6} - \frac{1}{6} : \frac{2}{3} = \frac{7}{6} - \frac{1}{4} = \frac{14}{12} - \frac{3}{12} = \frac{11}{12}$				0,5
	b) $23 \cdot \frac{1}{14} - 13 \cdot \frac{1}{14} = \frac{23-13}{14} = \frac{10}{14} = \frac{5}{7}$				0,5
	c) $\frac{3^{27}}{9^5 \cdot 3^{16}} = \frac{3^{11}}{9^5} = \frac{3^{11}}{3^{10}} = 3$				0,5
Câu 2. (1,0điểm))	a) $\frac{2}{3}x = \frac{1}{2} - \frac{3}{4}$ $\frac{2}{3}x = \frac{-1}{4}$ $x = \frac{-1}{4} : \frac{2}{3} = \frac{-1}{4} \cdot \frac{3}{2} = \frac{-3}{8}$				0,25
					0,25
	$ x + \frac{1}{2} = \frac{3}{4}$ $ x = \frac{3}{4} - \frac{1}{2}$ $ x = \frac{3}{4} - \frac{2}{4}$ $ x = \frac{1}{4}$ b) $x = \frac{1}{4}$ hoặc $x = -\frac{1}{4}$				0,25
Câu 3. (1,0điểm))	Mục đích vào mạng	Phục vụ học tập	Kết nối bạn bè	Giải trí	0,5
	Tỉ lệ	30%	25%	45%	
	a) Số học sinh sử dụng mạng internet với mục đích học tập là: $500 \cdot 30\% = 150$ (học sinh)				0,5
Câu 4. (2,5điểm))					0,5
	a) Xét MAB và MEC				0,5

	<p>Có $MB = MC$ (gt) $MA = ME$(gt)</p> <p>(đối đỉnh) Nên $MAB = MEC$ ($c - g - c$) b) Vì $MAB = MEC$ (cmt) Suy ra $\widehat{MBA} = \widehat{MCE}$ (hai góc tương ứng) Mà 2 góc này ở vị trí so le trong nên $AB \parallel EC$ c) Xét ABC và ECB Có $AB = EC$ (Vì $MAB = MEC$) BC là cạnh chung $\widehat{MBA} = \widehat{MCE}$ (cmt) Nên $ABC = ECB$($c - g - c$) Suy ra Mà nên Hay BEC vuông tại E.</p>	<p>0,5 0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
<p>Câu 5. (1,0 điểm)</p>	<p>a) $A = 6^0 + 6^1 + 6^2 + \dots + 6^{2021} + 6^{2022}$ $\Rightarrow 6A = 6^1 + 6^2 + \dots + 6^{2022} + 6^{2023}$ $\Rightarrow 6A - A = (6 + 6^2 + \dots + 6^{2022} + 6^{2023}) - (6^0 + 6^1 + 6^2 + \dots + 6^{2021} + 6^{2022})$ $\Rightarrow 5A = 6^{2023} - 1 \Rightarrow A = \frac{6^{2023} - 1}{5}$</p> <p>b) $\left x + \frac{1}{101}\right + \left x + \frac{2}{101}\right + \left x + \frac{3}{101}\right + \dots + \left x + \frac{100}{101}\right = 101x$ (*)</p> <p>Có $\left x + \frac{1}{101}\right + \left x + \frac{2}{101}\right + \left x + \frac{3}{101}\right + \dots + \left x + \frac{100}{101}\right \geq 0$ với mọi $x \Rightarrow 101x \geq 0$ $\Rightarrow x \geq 0 \Rightarrow x + \frac{1}{101}; x + \frac{2}{101}; \dots; x + \frac{100}{101} > 0$ $\Rightarrow (*)$ trở thành: $x + \frac{1}{101} + x + \frac{2}{101} + \dots + x + \frac{100}{101} = 101x$ $\Rightarrow (x + x + \dots + x) + \left(\frac{1}{101} + \frac{2}{101} + \dots + \frac{100}{101}\right) = 101x$ $\Rightarrow 100x + 50 = 101x \Rightarrow x = 50$</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

Chú ý: Nếu HS đưa ra cách giải khác với đáp án nhưng lời giải đúng vẫn cho điểm tối đa.

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM
BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: TOÁN LỚP 7

A. PHẦN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm).

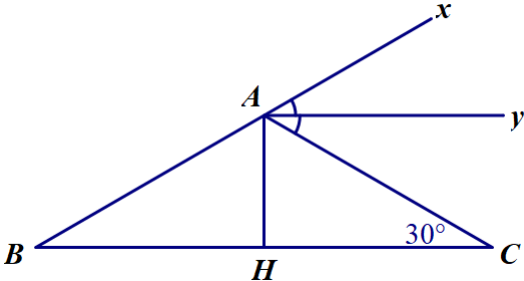
Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
171	D	B	B	A	C	A	D	C	A	B	C	C	C	A	A	B	D	B	D	D
172	A	B	D	A	B	C	D	D	C	B	B	C	D	C	A	C	D	B	A	A
173	D	C	D	D	C	B	C	A	A	B	C	A	B	C	B	B	A	D	A	D
174	C	A	A	A	B	D	B	C	D	D	D	B	D	C	B	A	A	C	C	B

B. PHẦN CÂU HỎI TỰ LUẬN (5,0 điểm).

Chú ý : Dưới đây chỉ là sơ lược từng bước giải và cách cho điểm từng phần của mỗi bài. Bài làm của học sinh yêu cầu phải chi tiết, lập luận chặt chẽ. Nếu học sinh giải cách khác đúng thì chấm và cho điểm từng phần tương ứng.

Câu	Sơ lược các bước giải	Điểm
Câu 1		1,5 điểm
1 (0,5 điểm)	$0,75 : 1\frac{1}{4} + \frac{2}{5} \cdot (-10) = \frac{3}{4} : \frac{5}{4} - 4$	0,25
	$= \frac{3}{5} - 4 = -\frac{17}{5}$	0,25
2 (0,5 điểm)	$ x = \sqrt{\frac{1}{9}}$ $ x = \frac{1}{3}$	0,25
	$x = \frac{1}{3}$ hoặc $x = -\frac{1}{3}$ $x \in \left\{ \frac{1}{3}; -\frac{1}{3} \right\}$ Vậy	0,25
3 (0,5 điểm)	Độ dài của thước theo đơn vị xentimét là $27.2,54 = 68,58 (cm)$	0,25
	$68,58 \approx 68,6 (cm)$	0,25
Câu 2		1,0 điểm
(1 điểm)	Gọi số sách ba lớp 7A, 7B, 7C đã quyên góp lần lượt là x, y, z (quyển, $x, y, z \in \mathbb{N}^*$).	0,25
	Vì số sách ba lớp quyên góp được tỉ lệ với số học sinh của mỗi lớp nên ta	0,25

Câu	Sơ lược các bước giải	Điểm
	$\frac{x}{30} = \frac{y}{35} = \frac{z}{32}$ có: $\frac{x}{30} = \frac{y}{35} = \frac{z}{32}$ Theo đề bài, số sách lớp 7A và 7B quyên góp được là 195 quyển, ta có: $x + y = 195$. Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau, ta có: $\frac{x}{30} = \frac{y}{35} = \frac{z}{32} = \frac{x+y}{30+35} = \frac{195}{65} = 3$. Từ đó suy ra: $x = 90, y = 105, z = 96$ (thỏa mãn điều kiện) Vậy số sách ba lớp 7A, 7B, 7C đã quyên góp lần lượt là 90 quyển, 105 quyển, 96 quyển	0,25 0,25
Câu 3		1,5 điểm
1 (1 điểm)		
	Vì hai tia Ax và AB đối nhau nên $\widehat{BAC}$ và $\widehat{CAx}$ là hai góc kề bù.	0,25
	Do đó: $\widehat{BAC} + \widehat{CAx} = 180^\circ$	0,25
	Suy ra $\widehat{CAx} = 180^\circ - \widehat{BAC}$ $\widehat{CAx} = 180^\circ - 120^\circ$ $\widehat{CAx} = 60^\circ$	0,25
	Vậy $\widehat{CAx} = 60^\circ$.	0,25
2 (1 điểm)	Vì Ay là tia phân giác của góc CAx nên $\widehat{CAy} = \widehat{xAy} = \frac{\widehat{CAx}}{2} = \frac{60^\circ}{2} = 30^\circ$	0,5
	Mà $\widehat{C} = 30^\circ$ nên $\widehat{CAy} = \widehat{C}$.	
	Hai góc này ở vị trí so le trong. Do đó $Ay \parallel BC$ (1) (dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song)	0,25
	Ta có AH là tia phân giác của góc CAB nên $\widehat{HAC} = \frac{1}{2} \cdot \widehat{BAC}$ Do đó: $\widehat{HAy} = \widehat{HAC} + \widehat{CAy} = \frac{1}{2} \cdot \widehat{BAC} + \frac{1}{2} \cdot \widehat{CAx} = \frac{1}{2} (\widehat{BAC} + \widehat{CAx})$ $\widehat{HAy} = \frac{1}{2} \cdot 180^\circ = 90^\circ$ Hay suy ra $AH \perp Ay$ (2) Từ (1) và (2) suy ra $AH \perp BC$	0,25
Câu 4		0,5 điểm

Câu	Sơ lược các bước giải	Điểm
(0,5 điểm)	<p>Ta có $16 - y^2 = 8(x - 2023)^2$ hay $y^2 + 8(x - 2023)^2 = 16$</p> <p>Vì $y^2 \geq 0$ suy ra $8(x - 2023)^2 \leq 16$ nên $(x - 2023)^2 \leq \frac{16}{8} = 2$</p> <p>Với $x \in \mathbb{Q}$ thì $(x - 2023)^2 \geq 0$ và $(x - 2023)^2$ là số chính phương nên $(x - 2023)^2 \in \{0; 1\}$</p>	0,25
	<p>+) $(x - 2023)^2 = 0$</p> <p>$x = 2023$</p> <p>Suy ra $y = \pm 4$</p> <p>+) $(x - 2023)^2 = 1$</p> <p>Suy ra $y^2 = 8$ (loại)</p> <p>Vậy $(x; y) = (2023; 4)$ hoặc $(x; y) = (2023; -4)$</p>	0,25
Tổng điểm toàn bài		5,0 điểm

.....Hết.....

uigeli.xyz ĐỀ 26	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025 MÔN: TOÁN 7
----------------------------	--

I. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)

Em hãy trả lời 12 câu hỏi trắc nghiệm vào tờ giấy làm bài kiểm tra.

$$0,13; 4; \frac{-1}{2}; \sqrt{3}$$

Câu 1: Trong các số sau:

số nào **không phải** là số hữu tỉ?

A. $0,13$

B. 4

C. $\frac{-1}{2}$

D. $\sqrt{3}$

Câu 2: Căn bậc hai số học của 36 là:

A. 18

B. 6

C. -6

D. -18

Câu 3: Chọn đáp án đúng:

A. $\sqrt{5} \in \mathbb{N}$

B. $\frac{-7}{4} \in \mathbb{Q}$

C. $\sqrt{24} \in \mathbb{Z}$

D. $0,2 \in \mathbb{I}$

Câu 4: Số đối của số $4,1$ là:

A. $4,1$

B. $-4,1$

C. $1,4$

D. $-1,4$

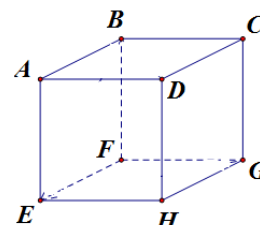
Câu 5: Hình lập phương ABCD.EFGH có số cạnh là:

A. 4 cạnh.

B. 6 cạnh.

C. 8 cạnh.

D. 12 cạnh.



Câu 6: Qua một điểm ở ngoài đường thẳng d , có bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng d ?

- A. Không có đường thẳng nào.
- B. Có ít nhất một đường thẳng.
- C. Có vô số đường thẳng.
- D. Chỉ có một đường thẳng.

Câu 7: Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống trong phát biểu sau: Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a , b và trong các góc tạo thành có một cặp góc đồng vị thì a song song với b .

- A. Bằng nhau.
- B. Kề bù.
- C. Phụ nhau.
- D. Bù nhau.

Câu 8: Kỷ lục thế giới bơi cự ly 50m tự do nam vào khoảng 21 giây (do Roland Schoeman người Nam Phi thiết lập). Nhân ngày thể thao Việt Nam 27/03 bốn bạn Nhân, An, Lâm, Bình tham gia một cuộc thi bơi với kết quả được thống kê như sau:

Học sinh	Nhân	An	Lâm	Bình
Thời gian (giây)	32,5	35,7	18,1	45,3

Dữ liệu không hợp lý trong bảng thống kê trên là:

- A. 32,5.
- B. 35,7.
- C. 18,1.
- D. 45,3.

Câu 9: Kết quả của phép tính $\left(\left(\frac{1}{3}\right)^2\right)^3$ là:

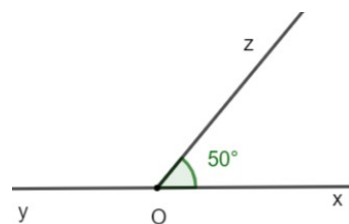
- A. $\left(\frac{1}{3}\right)^6$.
- B. $\left(\frac{1}{3}\right)^5$.
- C. $\left(\frac{1}{3}\right)^2$.
- D. $\left(\frac{1}{3}\right)^3$.

Câu 10: Một hình lăng trụ đứng tam giác có diện tích đáy là $4(\text{cm}^2)$ và thể tích là $28(\text{cm}^3)$. Chiều cao của hình lăng trụ đó là:

- A. 32cm
- B. 24cm
- C. 112cm
- D. 7cm

Câu 11: Cho hình vẽ bên, biết $\angle xOz = 50^\circ$. Tính số đo $\angle zOy$? Hãy sắp xếp các câu sau đây một cách hợp lý để giải bài toán trên:

- 1) $\angle zOy = 130^\circ$
- 2) $\angle xOz + \angle zOy = 180^\circ$



$$3) \quad 50^\circ + \angle O_y = 180^\circ$$

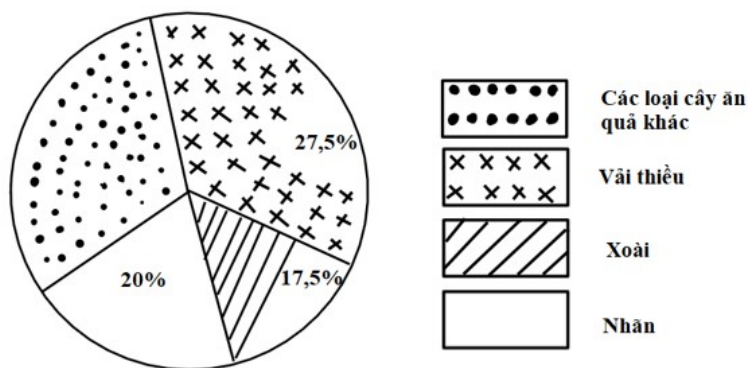
4) Vì $\angle xOz$ và $\angle zOy$ là hai góc kề bù.

Thứ tự đúng là:

- A. $1 \rightarrow 2 \rightarrow 3 \rightarrow 4$ B. $4 \rightarrow 2 \rightarrow 3 \rightarrow 1$ C. $4 \rightarrow 3 \rightarrow 2 \rightarrow 1$ D. $3 \rightarrow 2 \rightarrow 1 \rightarrow 4$

Câu 12: Biểu đồ dưới đây cho biết tỉ lệ phần trăm diện tích trồng các loại cây ăn quả ở một trang trại:

Tỉ lệ phần trăm diện tích trồng các loại cây ăn quả ở một trang trại.



Tỉ lệ phần trăm diện tích trồng các loại cây ăn quả khác là:

- A. 35% . B. 65% . C. 25% . D. 30% .

----- Hết -----

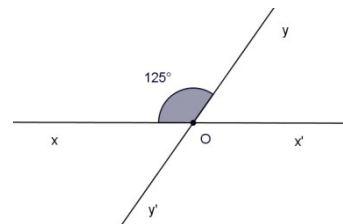
II. TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 1: (0,5 điểm) So sánh hai số thực: 3,(78) và 3,786898.

Câu 2: (0,5 điểm) Sử dụng máy tính cầm tay tính $\sqrt{441}$.

Câu 3: (0,5 điểm) a) Cho hình vẽ. Biết $\angle xOy = 125^\circ$.

b) Tính số đo $\angle x'Oy'$?



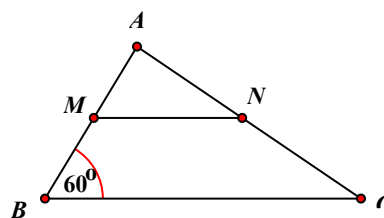
Câu 4: (0,5 điểm) Một bể bơi dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 10m, chiều rộng 4,5m và chiều cao của mực nước trong bể là 1,8m. Tính lượng nước có trong bể ?



Câu 5: (0,5 điểm)

Cho hình vẽ bên, biết $MN \parallel BC$,

$\angle B = 60^\circ$. Tính số đo $\angle AMN$.

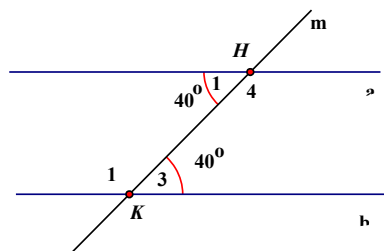


Câu 6: (0,5 điểm)

Cho hình vẽ bên biết:

$\angle H_1 = 40^\circ$, $\angle K_3 = 40^\circ$.

Chứng tỏ $a \parallel b$?

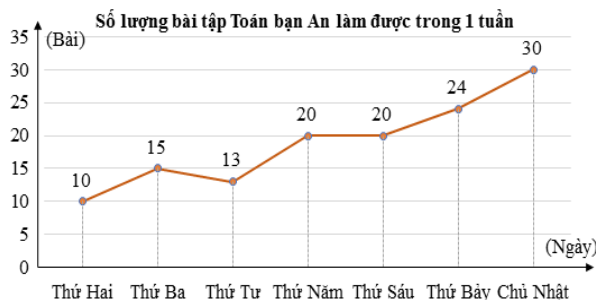


Câu 7: (1 điểm)

Dựa vào biểu đồ sau hãy cho biết:

a) Ngày nào bạn An làm nhiều bài tập nhất?

b) Trong hai ngày thứ hai và thứ ba bạn An làm được tất cả bao nhiêu bài tập?

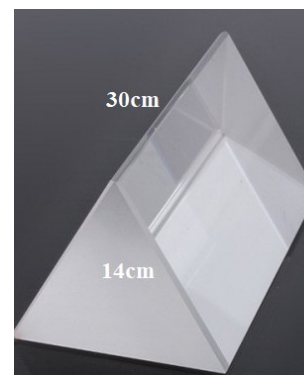


Câu 8: (0.5 điểm)

Tính hợp lý: $4,2.18 - 4,2.15 + 5,8.18 - 5,8.15$

Câu 9: (0.5 điểm)

Một lăng kính quang học có dạng hình lăng trụ đứng tam giác, đáy là tam giác đều cạnh là 14cm và chiều cao là 30cm. Tính diện tích xung quanh của lăng kính?

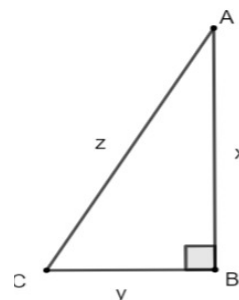


Câu 10: (0,5

điểm)

Vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn dữ liệu của bảng thống kê sau:

Số học sinh đạt điểm tốt môn Văn của lớp 7B trong bốn tháng	
Tháng	Số học sinh
Tháng 9	7
Tháng 10	9
Tháng 11	8
Tháng 12	12

Câu 11: (1 điểm)a) Ước lượng kết quả phép tính: $1997,9 \cdot 101,8$ b) Tam giác ABC vuông tại B có độ dài ba cạnh: $AB = x$; $BC = y$; $CA = z$.Mối liên hệ giữa ba cạnh là: $z^2 = x^2 + y^2$.Tính độ dài cạnh AC biết $x = 7$ cm, $y = 5$ cm.Làm tròn kết quả với độ chính xác $d = 0,05$.**Câu 12:** (0,5 điểm)

Nhân dịp Tết dương lịch, nhà sách Trí Đức có chương trình giảm giá 10% cho tất cả các sản phẩm. Đặc biệt nếu ai sinh trong tháng Một sẽ được giảm thêm một số phần trăm nữa trên giá đã được giảm. Bạn Quang đến nhà sách mua chiếc máy tính cầm tay có giá niêm yết là 500000 đồng, nhưng do bạn sinh vào ngày 01/01 nên bạn Quang chỉ phải trả 441000 đồng. Hỏi bạn Quang được nhà sách giảm thêm bao nhiêu phần trăm do bạn sinh trong tháng Một?

-----HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I MÔN TOÁN LỚP 7.

NĂM HỌC 2022 – 2023

I. TRẮC NGHIỆM:

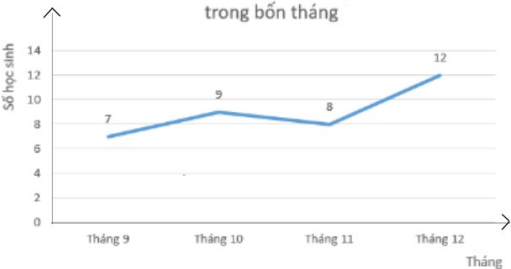
Mỗi câu đúng được 0,25đ.

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐỀ A	D	B	B	B	C	D	A	C	A	D	B	A

II. TỰ LUẬN:

CÂU	ĐỀ A	ĐIỂM
-----	------	------

Câu 1 0,5đ	$3,(78) = 3,7878\dots$	0,25
	So sánh $3,7878\dots > 3,786898$ Vậy $3,(78) > 3,786898$	0.25
Câu 2 0,5đ	$\sqrt{441} = 21$	0.5
Câu 3 1,0đ	$\widehat{xOy} = \widehat{x'Oy'}$ (hai góc đối đỉnh)	0,25
	$\widehat{x'Oy'} = 125^\circ$	0,25
Câu 4 0,5đ	Thể tích của bể là:	
	$V = a.b.c = 10.4,5.1,8 = 81\text{m}^3$ Bể chứa 81m^3 nước.	0.25 0.25
Câu 5 0,5đ	$MN // BC \Rightarrow \widehat{AMN} = \widehat{B}$	0.25
	$\widehat{AMN} = 60^\circ$	0.25
Câu 6 0,5đ	$\widehat{H}_1 = \widehat{K}_3 = 40^\circ$	0.25
	Mà $\widehat{H}_1$ và $\widehat{K}_3$ ở vị trí so le trong $\Rightarrow a // b$	0.25
Câu 7 1đ	a) Ngày chủ nhật bạn An làm nhiều bài tập nhất.	0.5
	b) $10 + 15 = 25$	0.25
	Trong hai ngày thứ hai và thứ ba bạn Lan làm được tất cả 25 bài tập	0.25
Câu 8 0,5đ	$4,2.18 - 4,2.15 + 5,8.18 - 5,8.15$	
	$= 4,2.3 + 5,8.3$	0.25
	$= 30$	0.25
Câu 9 0,5đ	$S_{xp} = C_d.h = 14.3.30 = 1260\text{cm}^2$	
	Vậy diện tích xung quanh của lăng kính là 1260cm^2	0.25 0.25

<p>Câu 10 0,5đ</p>	<p>Số học sinh đạt điểm tốt môn Văn của lớp 7B trong bốn tháng</p>  <p>- Vẽ, biểu diễn đúng các thông tin. - Vẽ đúng đoạn thẳng</p>	<p>0.25 0.25</p>
<p>Câu 11 1đ</p>	<p>a) 1997,9.109,8 $\approx 2000.100 = 200000$ b) $AC = \sqrt{74}$ $\sqrt{74} = 8,6023.. \approx 8,6cm$</p>	<p>0.25*2 0.25 0.25</p>
<p>Câu 12 0,5đ</p>	<p>- Tính được số tiền giảm thêm do bạn sinh trong tháng 1: 9000(đồng) - Số phần trăm được giảm thêm: 2%.</p>	<p>0.25 0.25</p>

PHẦN I -TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

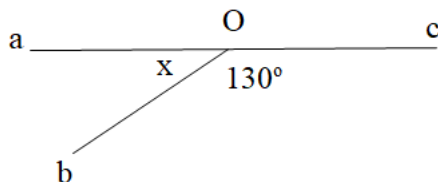
Câu 1. Số đối của số hữu tỉ $\frac{1}{3}$ là:

- A. $\frac{3}{-1}$ B. $\frac{-1}{3}$ C. $\frac{3}{1}$ D. $\frac{1}{3}$

Câu 2. Số nào là số vô tỉ?

- A. $\sqrt{4}$ B. 1,(05). C. $\sqrt{5}$ D. $\frac{2}{3}$

Câu 3. Số đo x trên hình vẽ:



- A. 65°. B. 120°. C. 95°. D. 50°.

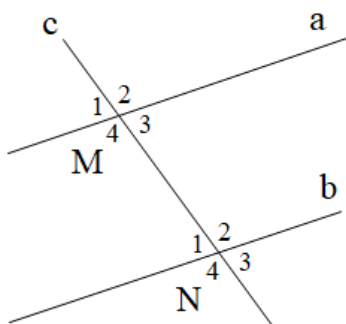
Câu 4. Cho $\widehat{xOy} = 80^\circ$. Vẽ tia Oz là tia phân giác của $\widehat{xOy}$. Khi đó, số đo của góc xOz là :

- A. 40° . B. 10° . C. 90° . D. 160° .

Câu 5. Qua một điểm M ở ngoài đường thẳng d cho trước, vẽ được bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng đó?

- A. 0. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 6. Cho hình vẽ. Biết $a \parallel b$, $\widehat{M}_4 = 100^\circ$. Số đo $\widehat{N}_2$ bằng:



- A. 50° . B. 180° . C. 80° . D. 100° .

Câu 7. Định lý là:

- A. một khẳng định được suy ra từ những khẳng định đúng đã biết.
B. một khẳng định được suy ra từ những khẳng định không đúng đã biết.
C. một tính chất được suy ra từ những khẳng định đúng.
D. một tính chất được suy ra từ những khẳng định chưa biết.

Câu 8. Cho $\triangle ABC = \triangle MNP$, ta có:

- A. $AB = NP$. B. $AB = MN$. C. $BC = MN$. D. $BC = MP$.

Câu 9. Cho $\triangle ABC$ và $\triangle MNP$ có $AC = MP$, $\widehat{A} = \widehat{M}$. Để $\triangle ABC = \triangle MNP$ theo trường hợp c.g.c thì cần có thêm điều kiện nào dưới đây?

- A. $BC = NP$. B. $\widehat{C} = \widehat{P}$. C. $\widehat{B} = \widehat{N}$. D. $AB = MN$.

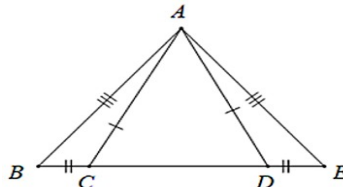
Câu 10. Cho tam giác ABC vuông tại A có $\widehat{B} = 55^\circ$ thì số đo của $\widehat{C}$ bằng:

- A. 35° . B. 25° . C. 45° . D. 55° .

Câu 11. Cho $\triangle MNP$ có: $\widehat{P} = 40^\circ$, $\widehat{M} = 75^\circ$. Số đo góc N bằng:

- A. 65° . B. 90° . C. 115° . D. 50° .

Câu 12. Cho hình vẽ dưới đây. Ta có $\triangle ABC$ bằng tam giác nào ?



- A. $\triangle ADE$. B. $\triangle DAE$. C. $\triangle AED$. D. $\triangle EAD$.

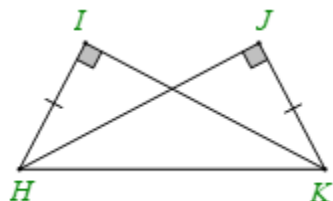
Câu 13. Cho $\triangle ABC = \triangle DEF$; $\widehat{B} = 70^\circ$; $\widehat{E} = 50^\circ$; $EF = 3\text{cm}$. Số đo $\widehat{D}$ và độ dài cạnh BC là:

- A. $\widehat{D} = 50^\circ$; $BC = 2\text{cm}$. B. $\widehat{D} = 60^\circ$; $BC = 3\text{cm}$.
C. $\widehat{D} = 70^\circ$; $BC = 4\text{cm}$. D. $\widehat{D} = 80^\circ$; $BC = 5\text{cm}$.

Câu 14. Cho $\triangle PQR = \triangle DEF$ và $PQ = 4\text{cm}$, $QR = 6\text{cm}$, $PR = 5\text{cm}$. Chu vi tam giác DEF là :

- A. 14cm . B. 15cm . C. 16cm . D. 17cm .

Câu 15. Hai tam giác bằng nhau trong hình vẽ dưới đây là:



- A. $\triangle IHK = \triangle JKH$. B. $\triangle IKH = \triangle JKH$.
C. $\triangle IHK = \triangle JHK$. D. $\triangle HIK = \triangle JKH$.

Câu 16. Đường trung trực của đoạn thẳng AB là:

- A. Đường thẳng vuông góc với AB.
B. Đường thẳng đi qua trung điểm của AB.
C. Đường thẳng vuông góc với AB tại trung điểm của AB.
D. Đường thẳng cắt đoạn thẳng AB.

Câu 17. Cho điểm D nằm trên đường trung trực của đoạn thẳng AB. Khẳng định đúng là:

- A. $DA > DB$. B. $DA = DB$. C. $DA < DB$. D. $DA \geq DB$.

Câu 18. Cho tam giác ABC cân tại A có $\angle B = 65^\circ$. Số đo góc C là:

- A. 65° . B. 25° . C. 50° . D. 130° .

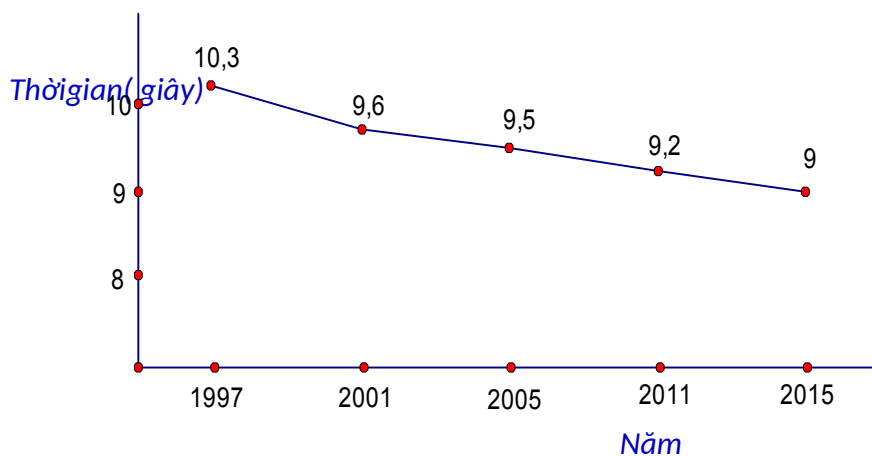
Câu 19. Để đánh giá mức độ phù hợp của đề thi môn Toán 7, nhà trường có thể thu thập dữ liệu bằng cách nào dưới đây để đảm bảo tính đại diện?

- A. Cho các bạn trong câu lạc bộ Toán học làm bài.
B. Cho các bạn học sinh giỏi làm bài.
C. Cho các bạn nữ làm bài.
D. Chọn 10 học sinh bất kì của các lớp làm bài.

Câu 20. Khi phỏng vấn 50 bạn nam trong một trường THCS thì thấy có 40 bạn thích bóng đá. Kết luận nào dưới đây là hợp lí?

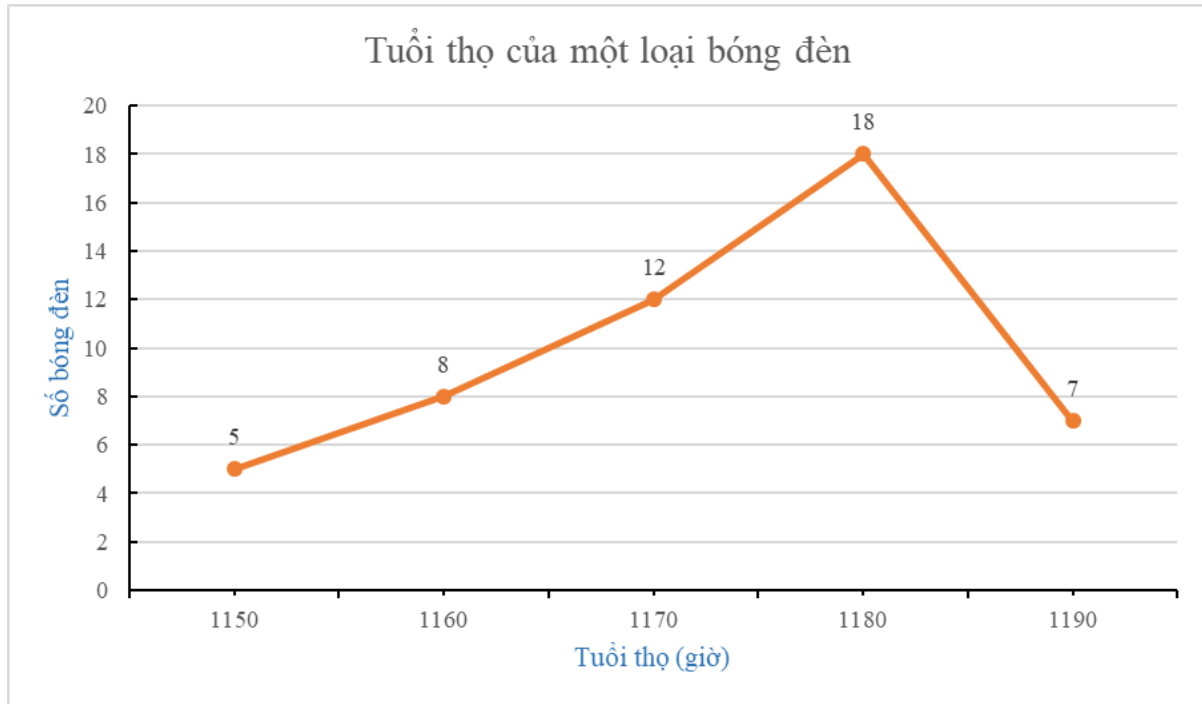
- A. Các bạn nữ không thích bóng đá.
B. Đa phần học sinh trong trường thích bóng đá.
C. Đa phần học sinh trong trường không thích bóng đá.
D. Đa phần học sinh nam trong trường thích bóng đá.

Câu 21. Biểu đồ bên cho biết kỉ lục chạy $100m$ của các vận động viên tại các kì Seagame từ năm 1997 đến năm 2015. Từ năm 2011 đến năm 2015, kỉ lục chạy $100m$ đã thay đổi bao nhiêu giây?



- A. Tăng 0,2 giây. B. Giảm 0,2 giây.
C. Tăng 9,2 giây. D. Giảm 9 giây.

Câu 22. Cho biểu đồ:



Tỉ lệ phần trăm số bóng đèn có tuổi thọ 1160 giờ so với tổng số bóng đèn là:

- A. 14%. B. 15%. **C. 16%.** D. 17%.

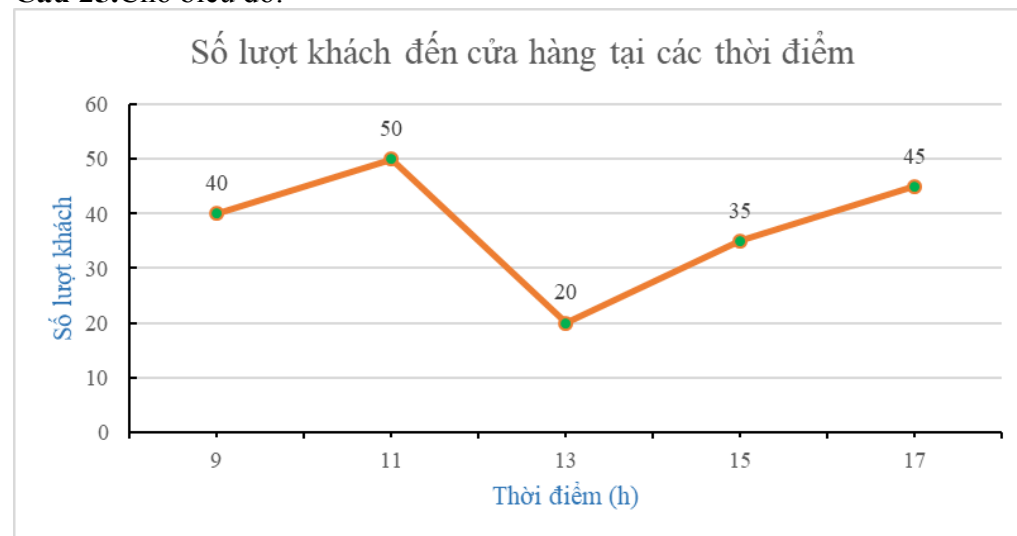
Câu 23. Trong các dãy dữ liệu sau, đâu là dãy số liệu?

- A. Danh sách một số loại trái cây: cam, xoài, mít, ...;
 B. Màu sắc khi chín của một số loại trái cây: vàng, cam, đỏ, ...;
C. Hàm lượng vitamin C trung bình có trong một số loại trái cây: 95, 52, ...;
 D. Các loại xe ô tô được sản xuất: A, B, C, ...

Câu 24. Dãy dữ liệu nào **không** phải là số liệu?

- A. Điểm trung bình cuối năm của các môn học.
B. Xếp loại thi đua khen thưởng của học sinh cuối năm.
 C. Số học sinh đạt loại giỏi môn toán.
 D. Số học sinh dưới trung bình môn toán.

Câu 25. Cho biểu đồ:



Lúc 15h, số lượt khách đến cửa hàng là:

- A. 40. B. 50. C. 20. **D. 35.**

PHẦN II - TỰ LUẬN (5 điểm)**Đề 1**

Câu 26. Thực hiện phép tính: $3\sqrt{16} - 4\sqrt{4}$

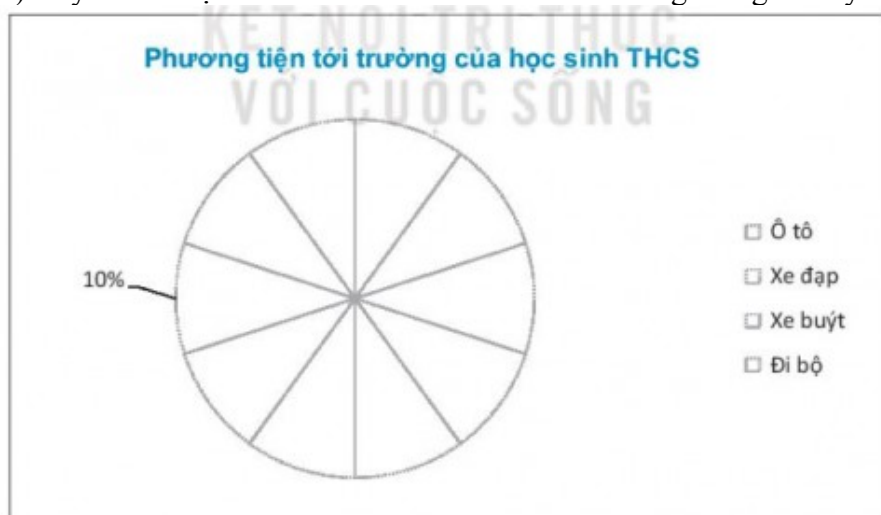
Câu 27. Tìm x, biết: $\frac{-4}{5} + \frac{5}{2}x = \frac{-3}{10}$

Câu 28. Bảng dưới đây cho biết tỉ lệ học sinh cấp THCS của một thành phố lớn tới trường theo phương tiện.

Phương tiện	Ô tô	Xe buýt	Xe đạp	Đi bộ
Tỉ lệ	10%	30%	50%	10%

a) Tỉ lệ học sinh cấp THCS của một thành phố lớn tới trường theo phương tiện thuộc loại dữ liệu nào?

b) Hãy hoàn thiện biểu đồ Hình 5.3 để biểu diễn bảng thống kê này.



Hình 5.3

c) Nhận xét tỉ lệ học sinh cấp THCS của một thành phố lớn tới trường theo phương tiện

Câu 29. Cho $\triangle ABC$ có cạnh $AB = AC$, M là trung điểm của BC.

a) Chứng minh $\triangle ABM = \triangle ACM$.

b) Trên tia đối của tia MA lấy điểm D sao cho $MD = MA$.

Chứng minh: $\triangle ABM = \triangle DCM$

c) Chứng minh tam giác ACD là tam giác cân

Câu 30. Bác An mua ba món hàng ở một siêu thị: Món hàng thứ nhất giá niêm yết 120 000 đồng và được giảm giá 30%; món hàng thứ hai giá niêm yết 500 000 đồng và được giảm giá 20%; món hàng thứ ba được giảm 40%. Tổng số tiền bác An phải thanh toán là 850 000 đồng. Giá niêm yết của món hàng thứ ba là bao nhiêu?

Đề 2:

Câu 26. Thực hiện phép tính: $3\sqrt{25} - 3\sqrt{9}$

Câu 27. Tìm x, biết: $\frac{4}{3} + \frac{5}{8} : x = \frac{1}{12}$

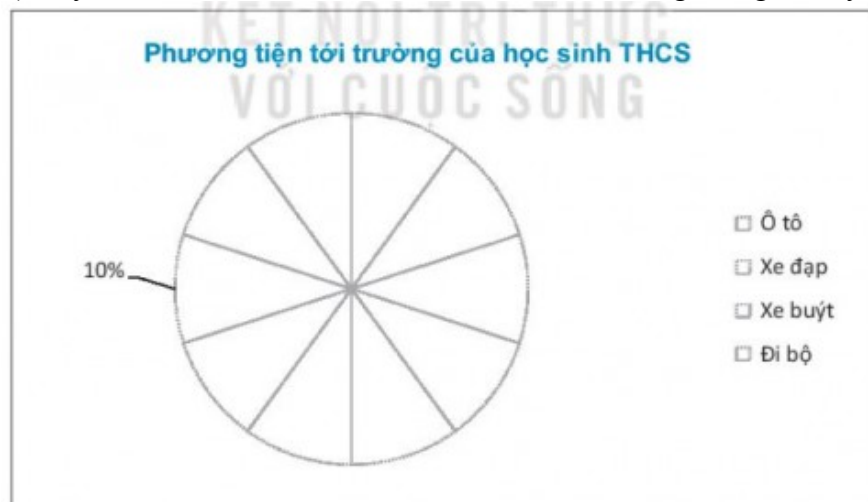
Câu 28. Bảng dưới đây cho biết tỉ lệ học sinh cấp THCS của một thành phố lớn tới trường theo phương tiện.

Phương tiện	Ô tô	Xe buýt	Xe đạp	Đi bộ
-------------	------	---------	--------	-------

tiện				
Tỉ lệ	10%	20%	40%	30%

a) Dãy dữ liệu phương tiện học sinh cấp THCS của một thành phố lớn tới trường thuộc loại dữ liệu nào?

b) Hãy hoàn thiện biểu đồ Hình 5.3 để biểu diễn bảng thống kê này.



Hình 5.3

c) Nhận xét tỉ lệ học sinh cấp THCS của một thành phố lớn tới trường theo phương tiện

Câu 29. Cho $\triangle ABC$ có cạnh $AB = AC$, M là trung điểm của BC .

a) Chứng minh $\triangle ABM = \triangle ACM$.

b) Trên tia đối của tia MA lấy điểm D sao cho $MD = MA$.

Chứng minh: $\triangle ACM = \triangle DBM$

c) Chứng minh tam giác ABD là tam giác cân

Câu 30. Bác An mua ba món hàng ở một siêu thị: Món hàng thứ nhất giá niêm yết 150 000 đồng và được giảm giá 30%; món hàng thứ hai giá niêm yết 550 000 đồng và được giảm giá 40%; món hàng thứ ba được giảm 40%. Tổng số tiền bác An phải thanh toán là 900 000 đồng. Giá niêm yết của món hàng thứ ba là bao nhiêu?

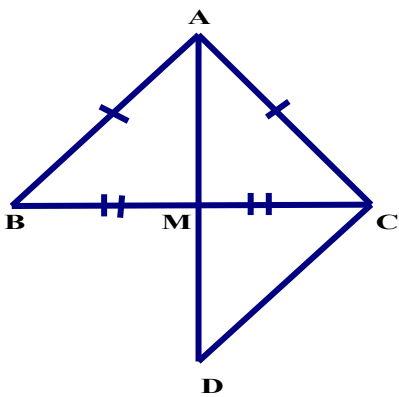
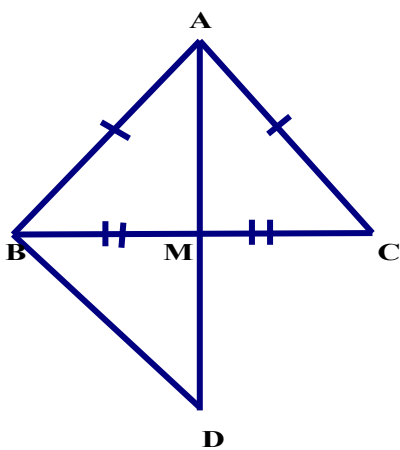
ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm) (Mỗi câu đúng 0,2đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	C	D	A	B	D	A	B	D	A
câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	C	B	B	A	C	B	A	D	D
Câu	21	22	23	24	25					
Đáp án	B	C	C	B	D					

PHẦN TỰ LUẬN(5 điểm)

Câu	Đề 1	Đề 2	Điểm
26	$3\sqrt{16} - 4\sqrt{4} = 3.4 - 4.2 = 4$	$3\sqrt{25} - 3\sqrt{9} = 3.5 - 3.3 = 6$	0,5
27	$\frac{-4}{5} + \frac{5}{2}x = \frac{-3}{10} \Rightarrow \frac{5}{2}x = \frac{-3}{10} - \frac{-4}{5} \Rightarrow \frac{5}{2}x = \frac{1}{2} \therefore$	$\frac{4}{3} + \frac{5}{8} : x = \frac{1}{12} \Rightarrow$	0,5

	$\Rightarrow \frac{5}{2}x = \frac{1}{2} \Rightarrow x = \frac{1}{2} : \frac{5}{2} \Rightarrow x = \frac{1}{5}$	$\frac{5}{8} : x = \frac{1}{12} - \frac{4}{3} \Rightarrow \frac{5}{8} : x = \frac{-5}{4}$ $\Rightarrow x = \frac{5}{8} : \frac{-5}{4} = \frac{1}{2}$	
28a	Tỉ lệ học sinh cấp THCS của một thành phố lớn tới trường theo phương tiện thuộc loại dữ liệu là số (dữ liệu định lượng)	Dữ liệu phương tiện học sinh cấp THCS của một thành phố lớn tới trường thuộc loại dữ liệu không là số (dữ liệu định tính)	0,5
28b	Vẽ biểu đồ đúng yêu cầu của đề		0,5
28c	Tỉ lệ học sinh cấp THCS của một thành phố lớn tới trường đa số đi xe đạp, số ít đi ô tô và đi bộ	Tỉ lệ học sinh cấp THCS của một thành phố lớn tới trường đa số đi xe đạp, số ít đi ô tô	0,5
29a	 <p>Xét $\triangle ABM$ và $\triangle ACM$ có: $AB = AC$ (gt) $BM = CM$ (gt) AM: Cạnh chung $\Rightarrow \triangle ABM = \triangle ACM$ (c-c - c)</p>	 <p>Xét $\triangle ABM$ và $\triangle ACM$ có: $AB = AC$ (gt) $BM = CM$ (gt) AM: Cạnh chung $\Rightarrow \triangle ABM = \triangle ACM$ (c-c - c)</p>	0,5
29b	Xét $\triangle ABM$ và $\triangle DCM$ có: $AM = DM$ (gt) $\angle AMB = \angle DMC$ (đối đỉnh) $BM = CM$ (gt) $\Rightarrow \triangle ABM = \triangle DCM$ (c.g.c)	Xét $\triangle ACM$ và $\triangle DBM$ có: $AM = DM$ (gt) $\angle AMC = \angle DMB$ (đối đỉnh) $CM = BM$ (gt) $\Rightarrow \triangle ACM = \triangle DBM$ (c.g.c)	0,5
29c	Ta có $\triangle ABM = \triangle DCM$ (cm câu b) Nên : $AB = DC$ (đn 2 tam giác bằng nhau) Mà $AB = AC$ (gt) $\Rightarrow DC = AC$ Vậy tam giác ACD là tam giác cân tại C	Ta có $\triangle ACM = \triangle DBM$ (cm câu b) Nên : $AC = DB$ (đn 2 tam giác bằng nhau) Mà $AB = AC$ (gt) $\Rightarrow DB = AB$ Vậy tam giác ABD là tam giác cân tại B	1
30	Giá tiền bác An trả cho món hàng thứ nhất là: $120\,000 \cdot (100\% - 30\%) = 84\,000$ (đồng). Giá tiền bác An trả cho món hàng thứ hai là: $500\,000 \cdot (100\% - 20\%) = 400\,000$ (đồng) Số tiền bác An trả cho món hàng thứ ba là: $850\,000 - 84\,000 - 400\,000 = 366\,000$ (đồng)	Giá tiền bác An trả cho món hàng thứ nhất là: $150\,000 \cdot (100\% - 30\%) = 105\,000$ (đ). Giá tiền bác An trả cho món hàng thứ hai là: $550\,000 \cdot (100\% - 40\%) = 330\,000$ (đồng)	0,5

Vì mặt hàng thứ ba, bác An được giảm 40% nên số tiền bác An cần trả bằng 60% giá tiền niêm yết. Giá niêm yết của món hàng thứ ba là: $366\ 000 : 60\% = 610\ 000$ (đồng)	Số tiền bác An trả cho món hàng thứ ba là: $900\ 000 - 105\ 000 - 330\ 000 = 465\ 000$ (đồng) Vì mặt hàng thứ ba, bác An được giảm 40% nên số tiền bác An cần trả bằng 60% giá tiền niêm yết. Giá niêm yết của món hàng thứ ba là: $465\ 000 : 60\% = 775\ 000$ (đồng)
--	--

uigeli.xyz

ĐỀ 28

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I

NĂM HỌC 2024-2025

MÔN: TOÁN 7

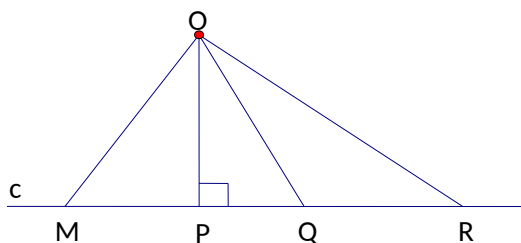
Câu 1. Khi $x, y = a$ với $a \neq 0$ ta nói:

- A. x tỉ lệ thuận với y
 B. y tỉ lệ thuận với x
 C. y tỉ lệ với x
 D. y tỉ lệ nghịch với x theo hệ số tỉ lệ a

Câu 2. Cho $\triangle ABC = \triangle DEF$, biết $\hat{A} = 60^\circ$; $\hat{F} = 45^\circ$ khi đó:

- A. $\hat{D} = 60^\circ$ B. $\hat{C} = 60^\circ$ C. $\hat{A} = 45^\circ$ D. $\hat{B} = 45^\circ$

Câu 3. Trong các đường vẽ từ điểm O đến đường thẳng c thì đường nào là đường ngắn nhất ?



- A. OQ B. OM C. OP D. OR

Câu 4. Cho $\frac{5}{125} = \frac{?}{-100}$. Số vào ? (ô trống) để được tỉ lệ thức đúng là

- A. -4; B. 2; C. 8. D. 4;

Câu 5. Cho $\triangle ABC = \triangle MNP$ hãy chọn câu sai :

- A. $AC = MP$ B. $\hat{P} = \hat{B}$ C. $AB = MN$ D. $\hat{A} = \hat{M}$

Câu 6. Cho biết y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ là -5 . Hãy biểu diễn y theo x .

- A. $y = -5x$ B. $y = -\frac{1}{5}x$ C. $y = 5x$ D. $y = \frac{1}{5}x$

Câu 7. Cho tam giác ABC có $AB > BC > AC$ thì khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. $\hat{A} > \hat{B} > \hat{C}$ B. $\hat{B} > \hat{A} > \hat{C}$ C. $\hat{A} > \hat{C} > \hat{B}$ D. $\hat{C} > \hat{A} > \hat{B}$

Câu 8. Nếu $a.d = b.c$ và $a, b, c, d \neq 0$ thì. Chọn câu sai :

- A. $\frac{d}{c} = \frac{b}{a}$ B. $\frac{c}{a} = \frac{d}{b}$ C. $\frac{a}{b} = \frac{d}{c}$ D. $\frac{a}{c} = \frac{b}{d}$

$$\frac{x}{y} = \frac{z}{t}$$

Câu 9. Chọn câu **đúng** với điều kiện các phân thức có nghĩa thì từ $\frac{x}{y} = \frac{z}{t}$ ta có :

A. $\frac{x}{y} = \frac{x+z}{y+t}$

B. $\frac{x}{y} = \frac{x+z}{y-t}$

C. $\frac{x}{y} = \frac{x-t}{y-z}$

D. $\frac{x}{y} = \frac{x+t}{y+z}$

Câu 10. Tìm x và y biết $\frac{x}{2} = \frac{y}{3}$ và $x + y = 5$ khi đó:

A. $x = 1$; $y = 4$

B. $x = 2$; $y = 3$

C. $x = 4$; $y = 1$

D. $x = 3$; $y = 2$

Câu 11. Cho $\triangle EDF$ khi đó $\angle E + \angle D + \angle F$ bằng :

A. 100°

B. 120°

C. 180°

D. 90°

Câu 12. Phát biểu đúng là

A. Nếu một góc của tam giác này bằng một góc của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nhau

B. Nếu hai cạnh và góc xen giữa của tam giác này lần lượt bằng hai cạnh và góc xen giữa của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nhau;

C. Nếu hai cạnh của tam giác này bằng hai cạnh của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nhau;

D. Nếu hai cạnh và một góc của tam giác này bằng hai cạnh và một góc của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nhau;

Câu 13. Biểu thức số biểu thị diện tích của hình thang có đáy lớn bằng 6 cm, đáy nhỏ bằng 4 cm và chiều cao bằng 3 cm là:

A. $3 + 4 + 6$;

B. $3 \cdot 4 \cdot 6$;

C. $3 \cdot \left(\frac{4+6}{2} \right)$;

D. $2 \cdot 3 \cdot (4 + 6)$.

Câu 14. Từ tỉ lệ thức $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ ta có thể suy ra:

A. $\frac{a}{b} = \frac{d}{c}$

B. $\frac{d}{c} = \frac{b}{a}$

C. $\frac{a}{d} = \frac{b}{c}$

D. $\frac{a}{c} = \frac{d}{b}$

Câu 15. Biết y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ $k = 2$. Khi $x = -3$ thì giá trị của y bằng bao nhiêu?

A. -6 ;

B. -9 ;

C. -1 .

D. 0 ;

Câu 16. Cho tam giác ABC có $\hat{B} = 70^\circ$, $\hat{A} = 50^\circ$ thì ta có . Hãy chọn câu trả lời đúng.

A. $AC > AB > BC$

B. $AB > BC > AC$

C. $AC > BC > AB$

D. $BC > AC > AB$

Câu 17. Cho tam giác ABC và tam giác MNP có $BC = PM$; $\angle B = \angle P$. Cần điều kiện gì để tam giác ABC bằng tam giác NPM theo trường hợp cạnh – góc – cạnh?

A. $AC = NM$;

B. $AB = NP$;

C. $\angle C = \angle M$

D. $\angle A = \angle N$.

Câu 18. Một tam giác cân có độ dài hai cạnh 3,9cm và 7,9cm. Chu vi của tam giác này là

A. 20,9 cm.

B. 15,5 cm;

C. 17,8 cm;

D. 19,7 cm;

Câu 19. Bạn Giang đi xe đạp với vận tốc 3km/h đến trường mất 10 phút. Hỏi nếu bạn Giang đi xe điện đến trường với vận tốc 5 km/h mất bao nhiêu phút?

A. 15 phút;

B. 12 phút.

C. 5 phút;

D. 6 phút;

Câu 20. Cho x và y là hai đại lượng tỉ lệ nghịch theo hệ số tỉ lệ a. Nếu $x = -3$ thì $y = -12$. Hệ số tỉ lệ a là:

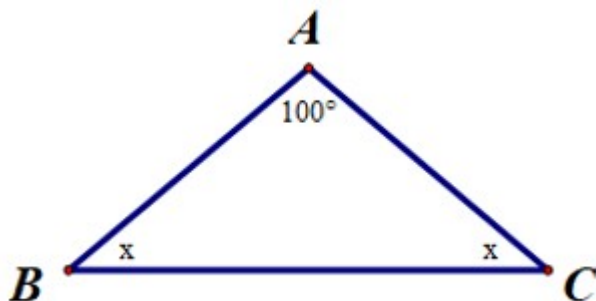
A. -36

B. 36 ;

C. -4 ;

D. 4 ;

Câu 21. Cho $\triangle ABC$ như hình bên. Tìm số đo x:



A. $x = 90^\circ$;

B. $x = 40^\circ$.

C. $x = 80^\circ$;

D. $x = 100^\circ$;

$$x = \frac{b}{y}$$

Câu 22. Khi nói ta có:

A. y tỉ lệ với x

B. y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ b

C. y tỉ lệ thuận với x

D. x tỉ lệ nghịch với y theo hệ số tỉ lệ b

Câu 23. Cho đại lượng y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ k. khi $x = 10$ thì $y = 30$. Khi đó:

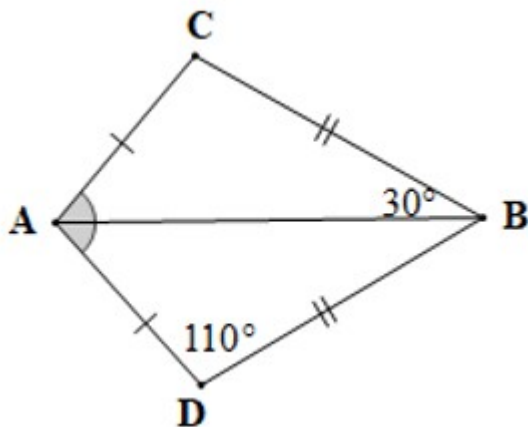
A. $k = -3$

B. $k = 3$

C. $k = -\frac{1}{3}$

D. $k = \frac{1}{3}$

Câu 24. Trong hình vẽ sau:



Biết AB là tia phân giác của $\angle CAD$ và $\angle CAD = 80^\circ$. Hãy chọn khẳng định **đúng** trong các khẳng định sau:

A. $\triangle BAC = \triangle ABD$; B. $\triangle ABC = \triangle ADB$; C. $\triangle CAB = \triangle DAB$. D. $\triangle ABC = \triangle BAD$;

Câu 25. Dựa vào bất đẳng thức tam giác, kiểm tra xem bộ ba độ dài cho sau đây **không thể** là độ dài ba cạnh của một tam giác?

A. 4 cm, 5 cm, 6 cm; B. 3 cm, 5 cm, 6 cm. C. 3 cm, 5 cm, 7 cm; D. 2 cm, 5 cm, 7 cm;

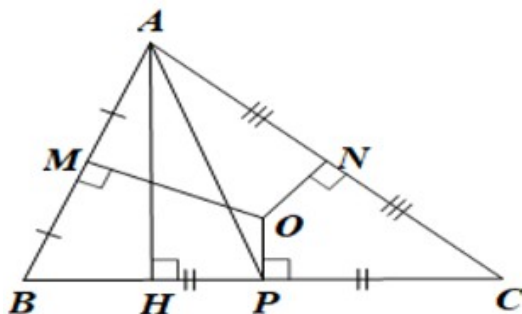
Câu 26. Cho $\triangle ABC$ và $\triangle MNP$ có $\angle A = \angle M$, $\angle B = \angle N$. Để $\triangle ABC = \triangle MNP$ theo trường hợp góc – cạnh – góc thì phải thêm điều kiện nào sau đây:

A. $AB = MN$; B. $BC = NP$; C. $AC = MP$; D. $\angle C = \angle P$.

Câu 27. Một công nhân làm được 20 sản phẩm trong 40 phút. Trong 60 phút người đó làm được bao nhiêu sản phẩm cùng loại?

A. 10 sản phẩm; B. 30 sản phẩm; C. 35 sản phẩm. D. 15 sản phẩm;

Câu 28. Cho hình vẽ sau.



Tổng số đường trung trực có trong hình vẽ là

A. 4;

B. 5.

C. 2;

D. 3;

Phần 2: Tự luận (3,0 điểm)

Câu 29. (0,5 điểm)

Hai bạn Tâm và Trí cùng nhau nuôi thỏ . Tâm nuôi 5 con , Trí nuôi 4 con . Hai bạn bán được tổng cộng 1,8 triệu đồng . Tính số tiền mỗi bạn nhận được nếu chia tỉ lệ theo số thỏ mỗi bạn đã nuôi.

Câu 30. (0,5 điểm) Cho tỉ lệ thức $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$. Chứng minh rằng $\frac{a+b}{b} = \frac{c+d}{d}$

Câu 31. (2,0 điểm) Cho tam giác nhọn ABC ($AB < AC$) ; Gọi M là trung điểm của BC.

Trên tia đối của tia MA xác định điểm E sao cho $ME = MA$.

a) Chứng minh $\Delta MAC = \Delta MEB$

b) Chứng minh $AC = EB$

c) Kẻ EH vuông góc với BC , ($H \in BC$) . Chứng minh rằng $EH < MA$.

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm, mỗi câu đúng đạt 0,25đ)

Câu hỏi	MÃ ĐỀ						Thang điểm
1	D						0,25
2	B						0,25
3	C						0,25
4	A						0,25
5	A						0,25
6	A						0,25
7	B						0,25
8	D						0,25
9	A						0,25
10	B						0,25
11	C						0,25
12	B						0,25
13	C						0,25
14	B						0,25

15	A						0,25
16	A						0,25
17	B						0,25
18	D						0,25
19	D						0,25
20	B						0,25
21	B						0,25
22	B						0,25
23	D						0,25
24	B						0,25
25	D						0,25
26	A						0,25
27	B						0,25
28	D						0,25

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
29	<p>Gọi số tiền nhận được của bạn Tâm và Trí lần lượt là x và y</p> <p>Do số tiền và số thỏ nuôi của hai bạn là hai đại lượng tỉ lệ thuận với nhau</p> <p>Nên ta có : $\frac{x}{5} = \frac{y}{4}$ và $x + y = 1,8$</p> <p>Theo tính chất của dãy tỉ số bằng nhau , ta có</p> $\frac{x}{5} = \frac{y}{4} = \frac{x+y}{5+4} = \frac{1,8}{9} = 0,2$ <p>Ta suy ra $x = 5 \cdot 0,2 = 1$ và $y = 4 \cdot 0,2 = 0,8$</p> <p>Vậy Tâm nhận được 1 triệu đồng , Trí nhận được 800 nghìn đồng</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
30	<p>Đặt $\frac{a}{b} = \frac{c}{d} = k$ suy ra $a = bk$, $c = dk$.</p> <p>Ta có $\frac{a+b}{b} = \frac{bk+b}{b} = \frac{b(k+1)}{b} = k+1$;</p> <p>$\frac{c+d}{d} = \frac{dk+d}{d} = \frac{d(k+1)}{d} = k+1$ Vậy $\frac{a+b}{b} = \frac{c+d}{d}$ (đpcm).</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>

31		
	a) Xét $\triangle MAC = \triangle MEB$ có: $MA = ME$ (gt) $\widehat{AMC} = \widehat{EMB}$ (đối đỉnh) $MC = MB$ (gt) Nên $\triangle MAC = \triangle MEB$ (c-g-c)	0,25 0,25 0,25 0,25
	b) Từ $\triangle MAC = \triangle MEB$ suy ra $AC = EB$ (cạnh tương ứng)	0,5
	c) $\triangle EHM$ vuông tại H nên $EH < EM$ Mà $EM = MA$ (gt) Suy ra $EH < MA$	0,25 0,25

----- HẾT -----

uigeli.xyz

ĐỀ 29

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I

NĂM HỌC 2024-2025

MÔN: TOÁN 7

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Chọn phương án trả lời ở mỗi câu rồi ghi vào giấy bài làm. (Ví dụ câu 1 chọn phương án trả lời là C thì ghi C)

Câu 1. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng?

- A. $1,35 \in \mathbb{Z}$. B. $\frac{-11}{5} \in \mathbb{Z}$. C. $\frac{-2}{7} \in \mathbb{Q}$. D. $\sqrt{2} \in \mathbb{Q}$.

Câu 2. Kết quả của biểu thức $2 \cdot \left(\frac{-3}{2}\right)^3$ là

- A. $\frac{-27}{4}$. B. $\frac{27}{4}$. C. $\frac{-9}{8}$. D. $\frac{9}{8}$.

Câu 3. Kết quả của biểu thức $\frac{5}{6} \cdot \left(\frac{-4}{5}\right)^2 - \left(\frac{7}{3}\right)^2 \cdot \frac{6}{35}$ là

- A. $\frac{2}{5}$. B. $\frac{-2}{5}$. C. $\frac{-8}{15}$. D. $\frac{8}{15}$.

Câu 4. Kết quả làm tròn số 29,3581 với độ chính xác 0,05 là

- A. 29,358. B. 29,36. C. 29,4. D. 29.

Câu 5. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào **sai**?

- A. $\sqrt{144} = 12$. B. $\sqrt{16} < 7$. C. $\sqrt{6} < \sqrt{10}$. D. $\sqrt{49} < 7$.

Câu 6. Trong các dãy dữ liệu sau, đâu là dãy số liệu?

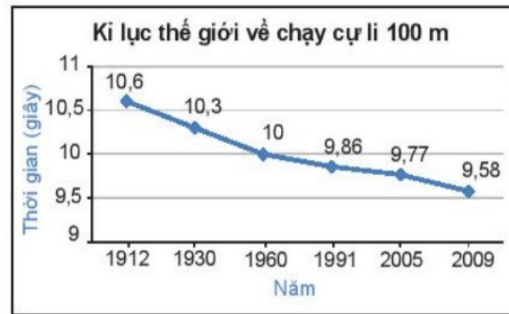
A. Xoài, táo, cam, lê.

B. Bóng đá, cầu lông, bơi lội.

C. Xe đạp, xe máy, ô tô.

D. Cân nặng (kg) của 3 bạn: 43; 48; 50.

Câu 7. Biểu đồ bên cho biết kỉ lục thế giới về thời gian chạy cự li 100 m trong các năm từ 1912 đến 2009. Từ năm 2005 đến 2009, kỉ lục thế giới về chạy cự li 100 m đã giảm được bao nhiêu giây?



(Theo topendsports.com)

A. 0,19 giây.

B. 9,77 giây.

C. 9,58 giây.

D. 1,02 giây.

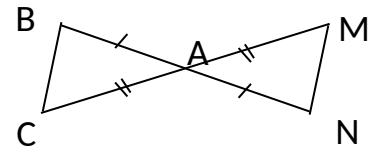
Câu 8. Cho hình vẽ bên, khẳng định nào sau đây đúng?

A. $\triangle ABC = \triangle ACM$.

B. $\triangle ABC = \triangle ANM$.

C. $\triangle ABC = \triangle ABN$.

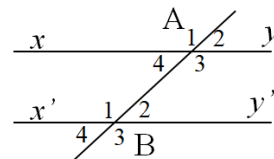
D. $\triangle ABC = \triangle BNM$.



Câu 9. Hoàn thành tiên đề sau: “Qua một điểm nằm ngoài đường thẳng, ...”

- A. có vô số đường thẳng song song với đường thẳng đó.
 B. có vô số đường thẳng vuông góc với đường thẳng đó.
 C. không có đường thẳng nào song song với đường thẳng đó.
 D. chỉ có một đường thẳng song song với đường thẳng đó.

Câu 10. Cho hình vẽ, biết $xy \parallel x'y'$ và $\widehat{A_1} = 150^\circ$.



Khi đó số đo $\widehat{B_2}$ là bao nhiêu?

- A. 180° . B. 30° . C. 150° . D. 50° .

Câu 11. Tam giác ABC cân tại A, có góc A bằng 80° , khi đó số đo góc B là

- A. 50° . B. 60° . C. 70° . D. 80° .

Câu 12. Điểm M thuộc đường trung trực của đoạn thẳng AB, khẳng định nào đúng?

- A. $MA > MB$. B. $MA < MB$.
 C. $MA = MB$. D. $MA < MB < 0$.

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm).

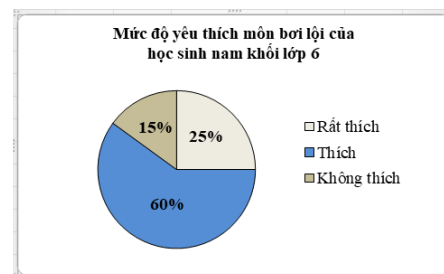
Câu 13. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính:

a. $\frac{3}{7} \cdot \frac{14}{9} - \frac{25}{6} \cdot \frac{8}{5}$; b. $\left| \frac{-1}{3} \right| + |-2023| - 7 \cdot \sqrt{\frac{1}{441}}$.

Câu 14. (1,5 điểm) Tìm x, biết:

a. $\frac{-4}{7} - 0,5x = \frac{5}{21}$; b. $\left| x + \frac{2}{3} \right| - 5 = \frac{-1}{3}$.

Câu 15. (1,5 điểm) Biểu đồ bên cho biết mức độ yêu thích môn bơi lội của 180 học sinh nam khối lớp 6 tại một trường trung học cơ sở. Em hãy cho biết số lượng học sinh nam tương ứng từng mức độ yêu thích?



Câu 16. (2,5 điểm) Cho tam giác ABC cân tại A và H là trung điểm của đoạn thẳng BC.

- a. Chứng minh $\triangle AHB = \triangle AHC$;
 b. Trên tia đối tia AC lấy điểm M, trên tia đối tia AB lấy điểm N sao cho $AM = AC$ và $AN = AB$. Chứng minh rằng $MN \parallel BC$;
 c. Gọi I là trung điểm của đoạn thẳng MN. Chứng minh rằng I thuộc đường trung trực của đoạn thẳng BC.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN: TOÁN - LỚP: 7

KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024–2025

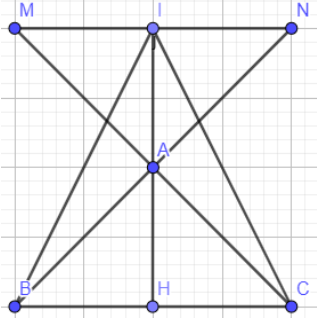
(Hướng dẫn chấm gồm có trang)

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐA	C	A	B	C	D	D	A	B	D	B	A	C

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 13 (1,5đ)	a (0,75) $\frac{3}{7} \cdot \frac{14}{9} - \frac{25}{6} \cdot \frac{8}{5} = \frac{2}{3} - \frac{20}{3}$ $= \frac{-18}{3}$ $= -6$	0,25 0,25 0,25

	b (0,75)	$\left \frac{-1}{3} \right + -2023 - 7 \cdot \sqrt{\frac{1}{441}} = \frac{1}{3} + 2023 - 7 \cdot \frac{1}{21}$	0,25
		$\frac{1}{3} + 2023 - \frac{1}{3}$	0,25
		$= 2023$	0,25
Câu 14 (1,5đ)	a (0,75)	$0,5x = \frac{-4}{7} - \frac{5}{21}$	0,25
		$0,5x = \frac{-17}{21}$	0,25
		$x = -\frac{34}{21}$	0,25
	b (0,75)	$\left x + \frac{2}{3} \right = \frac{-1}{3} + 5.$	0,25
		$\left x + \frac{2}{3} \right = \frac{14}{3}.$	
		$x + \frac{2}{3} = \frac{14}{3} \Leftrightarrow x = 4$	0,25
		Hoặc $x + \frac{2}{3} = \frac{-14}{3} \Leftrightarrow x = \frac{-16}{3}$	0,25
Câu 15 (1,5đ)		Số HS rất thích: $180 \cdot 25\% = 45$ (HS)	0,5
		Số HS thích: $180 \cdot 60\% = 108$ (HS)	0,5
		Số HS không thích: $180 \cdot 15\% = 27$ (HS)	0,5
Câu 16 (2,5đ)	a (0,75)		hình vẽ đến câu b (0,25 điểm)
		Xét $\triangle AHB$ và $\triangle AHC$ có:	
		$AB = AC$ ($\triangle ABC$ cân)	
		AH chung	
		$HB = HC$ (H trung điểm của BC)	
		Vậy $\triangle AHB = \triangle AHC$ (c.c.c)	
	b (1đ)	Xét $\triangle ABC$ và $\triangle ANM$	
		$AB = AN$	
		$AC = AM$	
		$\widehat{BAC} = \widehat{NAM}$ (đđ)	
		$\Rightarrow \triangle ABC = \triangle ANM$ (cgc)	
		$\Rightarrow \widehat{BAC} = \widehat{NAM}$	
		Mà chúng nằm ở vị trí so le trong	
		Nên $MN \parallel BC$	0,25

	c (0,5)	$AB = AC, HB = HC \Rightarrow AH$ là trung trực của BC	
		$\Rightarrow AH \perp BC.$	
		Mà $BC \parallel MN \Rightarrow AH \perp MN$ (1)	0,25
		$AM = AN$ và $IM = IN \Rightarrow AI$ là trung trực của MN hay $AI \perp MN$ (2)	
		Từ (1) và (2) suy ra AI trùng MN hay I, A, H thẳng hàng Hay I thuộc trung trực của $BC.$	0,25

uigeli.xyz ĐỀ 30	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025 MÔN: TOÁN 7
----------------------------	--

I/ TRẮC NGHIỆM : (4,0 điểm)

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án đúng trong các câu sau:

Câu 1: Cách viết nào biểu diễn đúng số hữu tỉ?

- A. $\frac{-2}{3}$. B. $\frac{-5,2}{3}$. C. $\frac{2}{3,5}$. D. $\frac{-5}{3,4}$.

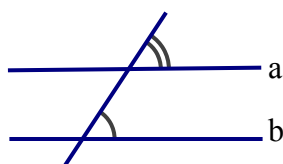
Câu 2: Số 4 là căn bậc hai số học của số

- A. 2. B. 4. C. 8. D. 16.

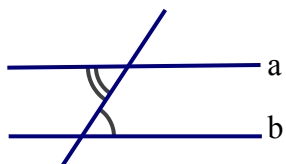
Câu 3: Số thập phân làm tròn đến hàng phần trăm của $\sqrt{3}$ là

- A. 1,73. B. 1,72. C. 1,732 D. 1,71.

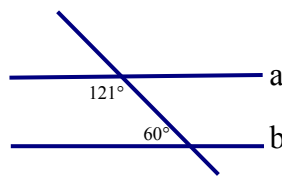
Câu 4: Hình nào sau đây khẳng định hai đường thẳng a và b song song với nhau?



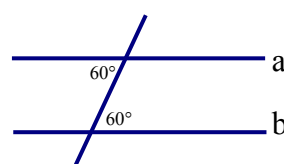
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Hình 4.

Câu 5: Nếu $\triangle ABC$ và $\triangle A'B'C'$ có $AB = A'B'$; $AC = A'C'$; $BC = B'C'$ và

$\angle A = \angle A'$; $\angle B = \angle B'$; $\angle C = \angle C'$

thì

- A. $\triangle ABC = \triangle A'C'B'$. B. $\triangle ABC = \triangle C'A'B'$.
C. $\triangle ABC = \triangle A'B'C'$. D. $\triangle ABC = \triangle B'A'C'$.

Câu 6: Cho $\triangle ABC$ cân tại A và $\angle B = 70^\circ$. Kết luận nào sau đây là đúng?

- A. $\angle A = 40^\circ$ B. $\angle C = 55^\circ$ C. $AB = BC$. D. $AC = BC$.

Câu 7: Trong biểu đồ hình quạt tròn, nửa hình tròn biểu diễn

- A. 25%. B. 50%. C. 75%. D. 100%.

Câu 8: Muốn so sánh các phần trong toàn bộ dữ liệu ta nên dùng

- A. Biểu đồ tranh. B. Biểu đồ cột.
C. Biểu đồ hình quạt tròn. D. Biểu đồ đoạn thẳng.

II/ TỰ LUẬN: (6,0 điểm)

Câu 9: (1,0 điểm)

a) Tính $\sqrt{25} - \sqrt{64} + \sqrt{36}$.

b) Sắp xếp các số sau theo thứ từ bé đến lớn: 0; -3; $\sqrt{4}$; 2,(3); $\frac{3}{2}$.

Câu 10: (0,5 điểm) Đóng góp trực tiếp (đơn vị là tỉ đô la) của ngành du lịch cho GDP toàn cầu từ năm 2015 đến năm 2019 được cho trong bảng thống kê sau:

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Lượng đóng góp	2,3	2,4	2,4	2,6	2,9

Lượng đóng góp trực tiếp của ngành du lịch cho GDP toàn cầu thuộc dữ liệu nào? Cho biết xu thế về đóng góp trực tiếp của du lịch cho GDP toàn cầu trong thời gian này.

Câu 11: (1,0 điểm)

a) Làm tròn số 12,8631 đến hàng phần mười.

b) Làm tròn số 12,8631 đến độ chính xác 0,0005.

Câu 12: (2,5 điểm) Cho tam giác ABC có $AB = AC$.a) Vẽ AM ($M \in BC$) là tia phân giác của góc BAC.b) Chứng tỏ rằng $\triangle ABM = \triangle ACM$.

c) Tính số đo góc AMB.

Câu 13: (1,0 điểm) Theo yêu cầu mỗi lớp 7A và 7B phải trồng số cây xanh như nhau. Nhưng sau khi cải tiến kĩ thuật, 7A trồng vượt 10% và 7B trồng vượt 12% so với số cây quy định của mỗi lớp nên tổng số cây trồng được của cả hai lớp là 444 cây. Hỏi theo yêu cầu mỗi lớp phải trồng bao nhiêu cây?

uigeli.xyz

ĐỀ 31**ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I****NĂM HỌC 2024-2025****MÔN: TOÁN 7****I/ TRẮC NGHIỆM:** (4,0 điểm)*Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án đúng trong các câu sau:***Câu 1:** Cách viết nào biểu diễn đúng số hữu tỉ?

A. $\frac{-2}{3}$.

B. $\frac{-5,2}{3}$.

C. $\frac{2}{3,5}$.

D. $\frac{-5}{3,4}$.

Câu 2: Số 4 là căn bậc hai số học của số

A. 2.

B. 4.

C. 8.

D. 16.

Câu 3: Số thập phân làm tròn đến hàng phần trăm của $\sqrt{3}$ là

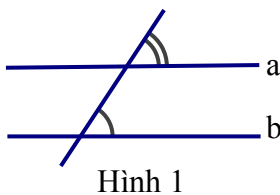
A. 1,73.

B. 1,72.

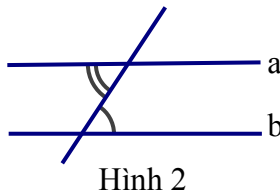
C. 1,732

D. 1,71.

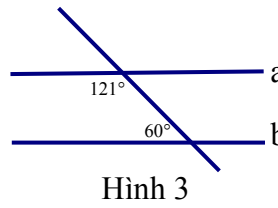
Câu 4: Hình nào sau đây khẳng định hai đường thẳng a và b song song với nhau?



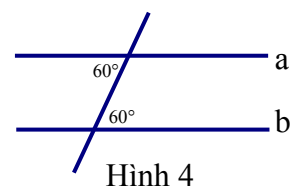
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

Câu 5: Nếu $\triangle ABC$ và $\triangle A'B'C'$ có $AB = A'B'$; $AC = A'C'$; $BC = B'C'$ và

$\angle A = \angle A'$; $\angle B = \angle B'$; $\angle C = \angle C'$

thì

A. $\triangle ABC = \triangle A'C'B'$.

B. $\triangle ABC = \triangle C'A'B'$.

C. $\triangle ABC = \triangle A'B'C'$.

D. $\triangle ABC = \triangle B'A'C'$.

Câu 6: Cho $\triangle ABC$ cân tại A và $\angle B = 70^\circ$. Kết luận nào sau đây là đúng ?

A. $\angle A = 40^\circ$

B. $\angle C = 55^\circ$

C. $AB = BC$.

D. $AC = BC$.

Câu 7: Trong biểu đồ hình quạt tròn, nửa hình tròn biểu diễn

A. 25%.

B. 50%.

C. 75%.

D. 100%.

Câu 8: Muốn so sánh các phần trong toàn bộ dữ liệu ta nên dùng

A. Biểu đồ tranh.

B. Biểu đồ cột.

C. Biểu đồ hình quạt tròn.

D. Biểu đồ đoạn thẳng.

II/ TỰ LUẬN: (6,0 điểm)

Câu 9: (1,0 điểm)

a) Tính $\sqrt{25} - \sqrt{64} + \sqrt{36}$.

b) Sắp xếp các số sau theo thứ từ bé đến lớn: 0 ; -3 ; $\sqrt{4}$; $2, (3)$; $\frac{3}{2}$.

Câu 10: (0,5 điểm) Đóng góp trực tiếp (đơn vị là tỉ đô la) của ngành du lịch cho GDP toàn cầu từ năm 2015 đến năm 2019 được cho trong bảng thống kê sau:

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Lượng đóng góp	2,3	2,4	2,4	2,6	2,9

Lượng đóng góp trực tiếp của ngành du lịch cho GDP toàn cầu thuộc dữ liệu nào? Cho biết xu thế về đóng góp trực tiếp của du lịch cho GDP toàn cầu trong thời gian này.

Câu 11: (1,0 điểm)

a) Làm tròn số 12,8631 đến hàng phần mười.

b) Làm tròn số 12,8631 đến độ chính xác 0,0005.

Câu 12: (2,5 điểm) Cho tam giác ABC có $AB = AC$.

a) Vẽ AM ($M \in BC$) là tia phân giác của góc BAC.

b) Chứng tỏ rằng $\triangle ABM = \triangle ACM$.

c) Tính số đo góc AMB.

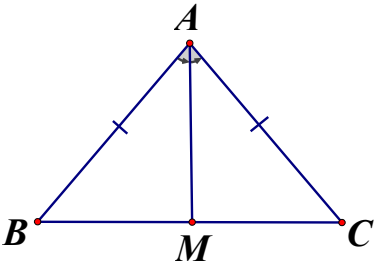
Câu 13: (1,0 điểm) Theo yêu cầu mỗi lớp 7A và 7B phải trồng số cây xanh như nhau. Nhưng sau khi cải tiến kĩ thuật, 7A trồng vượt 10% và 7B trồng vượt 12% so với số cây quy định của mỗi lớp nên tổng số cây trồng được của cả hai lớp là 444 cây. Hỏi theo yêu cầu mỗi lớp phải trồng bao nhiêu cây?

..... Hết

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM:**I/ TRẮC NGHIỆM:** (4 điểm) Mỗi câu đúng được 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	A	D	C	A	B	C

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
9a (0,5đ)	$\sqrt{25} - \sqrt{64} + \sqrt{36} = 5 - 8 + 6 = 3.$	0,5
9b (0,5đ)	$\frac{3}{2}; \sqrt{4}; 2, (3).$ Các số theo thứ từ bé đến lớn: -3; 0; $\frac{3}{2}$; $\sqrt{4}$; 2, (3).	0,5
10 (0,5đ)	a) + Lượng đóng góp trực tiếp của ngành du lịch cho GDP toàn cầu thuộc dữ liệu số liệu. + Xu thế tăng theo thời gian.	0,25 0,25
11 (1đ)	a) $12,8631 \approx 12,9.$	0,5
	b) $12,8631 \approx 12,863$ (với độ chính xác 0,0005).	0,5
12a (0,5đ)	a) Vẽ AM (M ∈ BC) là tia phân giác của góc BAC 	0,5
12b (1,0đ)	b) Xét $\triangle ABM$ và $\triangle ACM$ có: $AB = AC$ (gt) $\widehat{BAM} = \widehat{CAM}$ (AM là phân giác $\widehat{BAC}$) AM là cạnh chung $\Rightarrow \triangle ABM = \triangle ACM$ (c.g.c)	0,5 0,5
12c (1,0đ)	c) Vì $\triangle ABM = \triangle ACM$ nên $\widehat{AMB} = \widehat{AMC}$ (2 góc tương ứng) Mà $\widehat{AMB} + \widehat{AMC} = 180^\circ$ (2 góc kề bù) $\Rightarrow \widehat{AMB} = \widehat{AMC} = \frac{180^\circ}{2} = 90^\circ$ Vậy $\widehat{AMB} = 90^\circ$	0,25 0,25 0,25 0,25
13 (1,0đ)	Gọi a là số cây phải trồng của mỗi lớp theo kế hoạch ($a \in \mathbb{N}^*$) Số cây trồng của cả hai lớp theo thực tế là $a + a + 10\%a + 12\%a = 444$	0,5

	$2,22a = 444$ $\Rightarrow a = 200$ Vậy mỗi lớp trồng 200 cây	0,5
--	---	-----

- **Chú ý:** Nếu HS đưa ra cách giải khác với đáp án nhưng lời giải đúng vẫn cho điểm tối đa.

uigeli.xyz ĐỀ 32	ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025 MÔN: TOÁN 7
----------------------------	--

I. Trắc nghiệm (2 điểm). Khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Căn bậc hai số học của 9 là:

- A. ± 2 B. -2 C. 3 D. $\sqrt{16}$.

Câu 2. Số đối của số hữu tỉ $-\frac{1}{2}$ là:

- A. -2 B. 2 C. $\frac{1}{2}$ D. $-\frac{1}{2}$

Câu 3. Trong các số thập phân sau, số nào là số thập phân hữu hạn?

- A. $-5,348$. B. $-5,348\dots$. C. $-5,3(48)$. D. $-5,(348)$.

Câu 4. Tập hợp các số vô tỉ được kí hiệu là:

- A. $\mathbb{R}$. B. $\mathbb{I}$. C. $\mathbb{Q}$. D. $\mathbb{C}$.

Câu 5. Góc kề bù với góc có số đo 75° là góc có số đo bằng:

- A. 105° B. 25° C. 75° D. 15°

Câu 6. Cho $\triangle ABC$ và $\triangle DEF$ có $AC = DF$; $\widehat{A} = \widehat{D}$. Hai tam giác sẽ bằng nhau theo trường hợp góc – cạnh – góc nếu có thêm điều kiện:

- A. $\widehat{A} = \widehat{D}$. B. $\widehat{C} = \widehat{F}$. C. $\widehat{B} = \widehat{E}$. D. $\widehat{E} = \widehat{F}$.

Câu 7. Cho $\triangle ABC$ vuông tại A, $\widehat{B} = 35^\circ$. Số đo của góc C bằng:

- A. 55° B. 35° C. 145° D. 90°

Câu 8. Chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau:

- A. Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.
 B. Hai đường thẳng song song thì cắt nhau.
 C. Hai góc bằng nhau thì đối đỉnh.
 D. Hai đường thẳng cắt nhau thì vuông góc.

II. Tự luận (8 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính (Tính hợp lý nếu có thể):

a) $\frac{2}{5} - \left(\frac{3}{2} + \frac{1}{5} \right)$

b) $\frac{5}{11} + \frac{11}{29} + \frac{6}{11} + \frac{18}{29} - \frac{1}{2}$

c) $\left(\frac{1}{3} \right)^2 \cdot \frac{27}{7} + \sqrt{\frac{16}{49}} - 3$

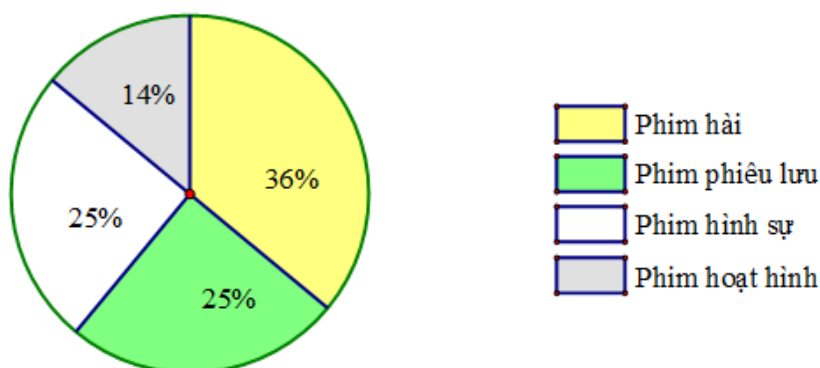
Câu 2. (1,5 điểm) Tìm x biết:

a) $2x - \frac{1}{2} = \frac{3}{4}$

b) $\left| x + \frac{2}{3} \right| - 2 = \frac{1}{5}$

c) $(x-3)^2 - \frac{1}{9} = 0$

Câu 3. (1,5 điểm): Cho biểu đồ sau về tỉ lệ phần trăm về thể loại phim yêu thích của 200 học sinh của một trường THCS như sau:



a) Trong biểu đồ trên, có mấy thể loại phim được được thống kê.

b) Loại phim nào được các yêu thích nhất? Vì sao?

c) Phim hoạt hình có bao nhiêu bạn yêu thích?

Câu 4. (3 điểm) Cho $\triangle ABC$ vuông tại A. Tia phân giác của góc B cắt cạnh AC tại điểm D. Trên cạnh BC lấy điểm E sao cho BA = BE

a) Tính số đo của $\angle C$, biết $\angle B = 35^\circ$

b) Chứng minh: $\triangle ABD = \triangle EBD$ và $\angle BED = 90^\circ$

c) Gọi F là giao điểm của tia BA và tia ED. Chứng minh: DF = DC.

d) Gọi I là trung điểm của FC. Chứng minh 3 điểm B, D, I thẳng hàng.

Câu 5. (0,5 điểm) Cho phân số $P = \frac{x+2}{x-1}$. Tìm giá trị nguyên nhỏ nhất của x để P có giá trị nguyên.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn: Toán

Thời gian làm bài: 90 phút

I. Trắc nghiệm (2 điểm)

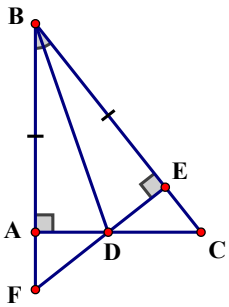
Mỗi câu trả lời đúng 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	A	B	A	B	A	A

--	--	--	--	--	--	--	--	--

II. Tự luận (8 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
1	<p>a) $\frac{2}{5} - \left(\frac{3}{2} + \frac{1}{5}\right) = \frac{2}{5} - \left(\frac{15}{10} + \frac{2}{10}\right) = \frac{2}{5} - \frac{17}{10} = \frac{4}{10} - \frac{17}{10} = \frac{-13}{10}$</p> <p>$\frac{5}{11} + \frac{11}{29} + \frac{6}{11} + \frac{18}{29} - \frac{1}{2} = \left(\frac{5}{11} + \frac{6}{11}\right) + \left(\frac{11}{29} + \frac{18}{29}\right) - \frac{1}{2} = 1 + 1 - \frac{1}{2}$</p> <p>$= \frac{3}{2}$</p> <p>b) $\left(\frac{1}{3}\right)^2 \cdot \frac{27}{7} + \sqrt{\frac{16}{49}} - 3$</p> <p>$= \frac{1}{9} \cdot \frac{27}{7} + \frac{4}{7} - 3$</p> <p>$= \frac{3}{7} + \frac{4}{7} - 3$</p> <p>$= \frac{7}{7} - 3$</p> <p>$= 1 - 3$</p> <p>$= -2$</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
2	<p>a)</p> <p>$2x - \frac{1}{2} = \frac{3}{4}$</p> <p>$2x = \frac{5}{4}$</p> <p>$x = \frac{5}{8}$</p> <p>$x = \frac{5}{8}$</p> <p>Vậy $x = \frac{5}{8}$.</p> <p>b) $x \in \left\{\frac{23}{15}; \frac{-43}{15}\right\}$</p> <p>c) $(x-3)^2 - \frac{1}{9} = 0$</p> <p>$(x-3)^2 = \frac{1}{9}$</p> <p>$x-3 = \pm \frac{1}{3}$</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>

	<p>Mà $\widehat{BAD} = 90^0$ (Vì $\triangle ABC$ vuông tại A) $\Rightarrow \widehat{BED} = 90^0$</p> <p>c)</p> <div></div> <p>Chứng minh được: $\widehat{FAD} = \widehat{CED} = 90^0$ Xét $\triangle ADF$ và $\triangle EDC$ có: $\widehat{FAD} = \widehat{CED} = 90^0$ $AD = DE$ (Vì $\triangle ABD = \triangle EBD$) $\widehat{ADF} = \widehat{EDC}$ (Hai góc đối đỉnh) $\Rightarrow \triangle ADF = \triangle EDC$ (g.c.g) $\Rightarrow DF = DC$ (Hai cạnh tương ứng)</p> <p>d) Chứng minh</p> <p>- Có BD là tia phân giác $\angle ABC$</p> <p>Chứng minh BI là tia phân giác $\angle ABC$ $\Rightarrow B, I, D$ thẳng hàng</p>	0,75															
	<p>Chứng minh được: $\widehat{FAD} = \widehat{CED} = 90^0$ Xét $\triangle ADF$ và $\triangle EDC$ có: $\widehat{FAD} = \widehat{CED} = 90^0$ $AD = DE$ (Vì $\triangle ABD = \triangle EBD$) $\widehat{ADF} = \widehat{EDC}$ (Hai góc đối đỉnh) $\Rightarrow \triangle ADF = \triangle EDC$ (g.c.g) $\Rightarrow DF = DC$ (Hai cạnh tương ứng)</p> <p>d) Chứng minh</p> <p>- Có BD là tia phân giác $\angle ABC$</p> <p>Chứng minh BI là tia phân giác $\angle ABC$ $\Rightarrow B, I, D$ thẳng hàng</p>	0,5															
5	<p>$P = \frac{x+2}{x-1} = 1 + \frac{3}{x-1} \in \mathbb{Z}$. ĐK: $x \in \mathbb{Z}; x \neq 1$</p> <p>Mà $3 \in \mathbb{Z}; 1 \in \mathbb{Z}; x \in \mathbb{Z} \Rightarrow (x-1) \in U(3) = \{\pm 1; \pm 3\}$</p> <p>Lập bảng</p> <table><tr><td>$x - 1$</td><td>1</td><td>-1</td><td>3</td><td>-3</td></tr><tr><td>x</td><td>2</td><td>0</td><td>4</td><td>-2</td></tr><tr><td>Kết hợp ĐK $x \in \mathbb{Z}; x \neq 1$</td><td>thỏa mãn</td><td>thỏa mãn</td><td>thỏa mãn</td><td>thỏa mãn</td></tr></table> <p>Mà x nhận giá trị nguyên nhỏ nhất $\Rightarrow x = -2$ Vậy $x = -2$ thỏa mãn đề bài.</p>	$x - 1$	1	-1	3	-3	x	2	0	4	-2	Kết hợp ĐK $x \in \mathbb{Z}; x \neq 1$	thỏa mãn	thỏa mãn	thỏa mãn	thỏa mãn	0,5
$x - 1$	1	-1	3	-3													
x	2	0	4	-2													
Kết hợp ĐK $x \in \mathbb{Z}; x \neq 1$	thỏa mãn	thỏa mãn	thỏa mãn	thỏa mãn													

I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm). Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Trong các số sau: $\frac{-2}{15}; \frac{7}{20}; \frac{-3}{5}; \frac{4}{125}$ số không phải là số thập phân hữu hạn là

- A. $\frac{-2}{15}$. B. $\frac{7}{20}$. C. $\frac{-3}{5}$. D. $\frac{4}{125}$

Câu 2. Số đối của số $\sqrt{7}$ là

- A. $\sqrt{7}$. B. $-\sqrt{7}$. C. $\frac{1}{\sqrt{7}}$. D. $\frac{-1}{\sqrt{7}}$.

Câu 3. Căn bậc hai số học của 16 là

- A. 4. B. -4. C. -8. D. 8.

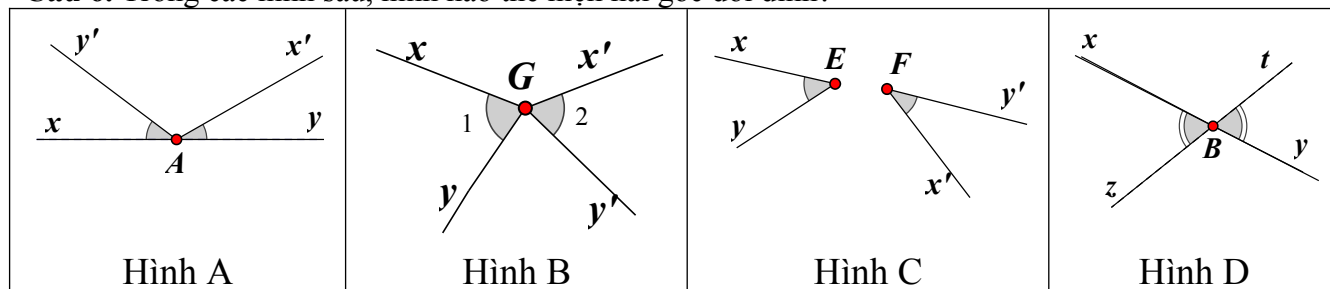
Câu 4. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào sai?

- A. $\sqrt{4} \in Q$. B. $\sqrt{3} \in R$. C. $-\sqrt{7} \notin Q$. D. $\frac{11}{5} \notin R$.

Câu 5. Giá trị x thỏa mãn $\left[\left(\frac{2022}{2023} \right)^2 \right]^x = \left(\frac{2022}{2023} \right)^8$

- A. 3. B. 4. C. 6. D. 10.

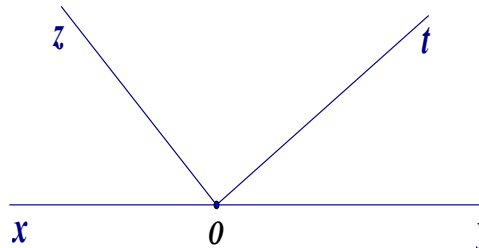
Câu 6. Trong các hình sau, hình nào thể hiện hai góc đối đỉnh?



- A. Hình A. B. Hình B. C. Hình C. D. Hình D.

Câu 7. Cho hình vẽ sau. Góc kề bù với $\angle xOz$ là

- A. $\angle xOy$. B. $\angle tOz$.
C. $\angle yOz$. D. $\angle tOy$.



Câu 8. Qua một điểm nằm ngoài một đường thẳng có bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng đã cho?

- A. 3. B. 2. C. 1. D. Vô số.

II. TỰ LUẬN (8,0 điểm)**Bài 1. (1 điểm)**

Tính giá trị các biểu thức sau:

$$A = \left(\frac{-3}{7} \right) \cdot \frac{4}{15} + \left(\frac{-3}{7} \right) \cdot \frac{11}{15}$$

$$B = \sqrt{81} \cdot \left(\frac{-1}{3} \right)^2 - \frac{2}{15} : \left| -\frac{8}{5} \right|$$

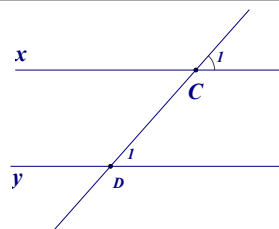
Bài 2. (1 điểm).

Một chiếc ti vi có độ dài đường chéo 49 inch, hãy tính độ dài đường chéo của ti vi này bằng đơn vị cm với độ chính xác $d = 0,05$. (Cho biết 1 inch $\approx 2,54$ cm).

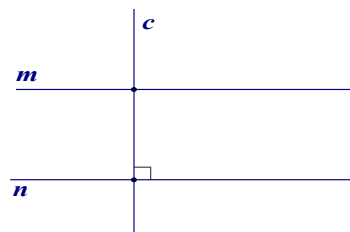
Bài 3. (2 điểm)

3.1. Điền vào chỗ (...) để hoàn thành định lí sau: “ Hai góc đối đỉnh thì”

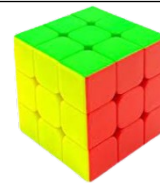
3.2. Cho hình vẽ sau, biết $x \parallel y$ và $\widehat{C_1} = 30^\circ$. Tính số đo $\widehat{D_1}$.



3.3. Cho hình vẽ sau, biết $m \parallel n$. Hai đường thẳng m và c có vuông góc với nhau không? Vì sao?



3.4. Tính diện tích xung quanh của khối Rubik hình lập phương có cạnh 5,6 cm



Bài 4. (1 điểm) Tìm điểm chưa hợp lí của các dữ liệu trong bảng thống kê sau:

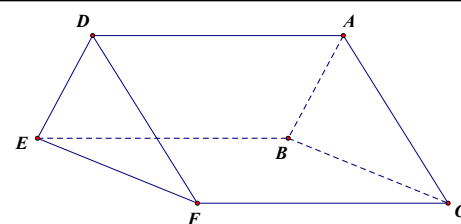
Tỉ số phần trăm các loại sách trong thư viện trường Hùng Vương	
Loại sách	Tỉ số phần trăm
Sách giáo khoa	45%
Truyện tranh	118%
Sách tham khảo	30%
Các loại sách khác	10%
Tổng	200%

Bài 5. (2 điểm). Quan sát hình lăng trụ đứng tam giác $ABC.DEF$. Hãy viết tên

5.1. Các mặt đáy.

5.2. Các mặt bên.

5.3. Các cạnh bên.



Bài 6. (1 điểm). Cô Lan mua ba món hàng ở một siêu thị: Món hàng thứ nhất giá 250 000 đồng và được giảm giá 25%; món hàng thứ hai giá 180 000 đồng và được giảm giá 15%;

món hàng thứ ba được giảm giá 20%. Tổng số tiền cô Lan phải thanh toán cho siêu thị là 504 500 đồng. Hỏi giá tiền món hàng thứ ba lúc chưa giảm giá là bao nhiêu?

.....**HẾT**.....

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI KÌ I MÔN: TOÁN – KHỐI 7

I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	A	D	B	D	C	C

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Bài 1. (1 điểm)

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2
$A = \left(\frac{-3}{7}\right) \cdot \frac{4}{15} + \left(\frac{-3}{7}\right) \cdot \frac{11}{15}$ <p style="text-align: center;">(0,5đ)</p>	<p>Tính được</p> $A = \left(\frac{-3}{7}\right) \cdot \left(\frac{4}{15} + \frac{11}{15}\right)$ <p>hoặc</p> $A = \frac{-4}{35} + \frac{-11}{35}$ <p style="text-align: center;">(0,25đ)</p>	<p>Tính được</p> $A = \left(\frac{-3}{7}\right) \cdot 1 = \frac{-3}{7}$ <p style="text-align: center;">(0,5đ)</p>
$B = \sqrt{81} \cdot \left(\frac{-1}{3}\right)^2 - \frac{2}{15} : \left -\frac{8}{5}\right $ <p style="text-align: center;">(0,5đ)</p>	<p>Tính được</p> $B = 9 \cdot \frac{1}{9} - \frac{2}{15} : \frac{8}{5}$ <p style="text-align: center;">(0,25đ)</p>	<p>Tính đúng</p> $B = 1 - \frac{1}{12} = \frac{11}{12}$ <p style="text-align: center;">(0,5đ)</p>

Bài 2. (1 điểm)

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2
<p>Tính độ dài đường chéo của tỉ vi này bằng đơn vị cm với độ chính xác d = 0,05</p> <p style="text-align: center;">(1đ)</p>	<p>Tính được độ dài đường chéo tỉ vi theo đơn vị cm</p> $49.2,54 = 124,46 \text{ (cm)}$ <p style="text-align: center;">(0,5đ)</p>	<p>Kết quả làm tròn với độ chính xác d = 0,05 ta được 124,5 (cm)</p> <p style="text-align: center;">(1đ)</p>

Bài 3. (2 điểm)

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2
<p>3.1 Điền vào chỗ (....) để hoàn thành định lí</p> <p style="text-align: center;">(0,5đ)</p>		<p>..... bằng nhau</p> <p style="text-align: center;">(0,5đ)</p>
<p>3.2. Tính số đo $\widehat{D_1}$.</p>	<p>Ghi được $\widehat{D_1} = 30^\circ$</p>	<p>Ghi được</p>

(0,5đ)	(0,25đ)	Vì $x // y$ nên $\widehat{D}_1 = \widehat{C}_1 = 30^\circ$ (đồng vị) (0,5đ)
3.3. Hai đường thẳng m và n có vuông góc với nhau không? Vì sao? (0,5đ)	Ghi được $C \perp m$ (0,25đ)	Ghi được Vì $C \perp n$ và $m // n$ nên $C \perp m$ (0,5đ)
3.4. Tính diện tích xung quanh của khối Rubik hình lập phương có cạnh 5,6 cm (0,5đ)	Chu vi đáy khối Rubik là $4.5,6=22,4$ (cm) (0,25đ)	Diện tích xung quanh của khối Rubik là $22,4.5,6=125,44(\text{cm}^2)$ (0,5đ)

Bài 4. (1 điểm)

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2
Tìm điểm chưa hợp lí của các dữ liệu trong bảng thống kê (1,0đ)	Tìm được một trong hai điểm chưa hợp lí Dữ liệu tỉ số phần trăm của truyện tranh bằng 118% vượt quá 100% Hoặc Dữ liệu tổng tỉ số phần trăm của các loại sách lớn hơn 100% (0,5đ)	Tìm được hai điểm chưa hợp lí Dữ liệu tỉ số phần trăm của truyện tranh bằng 118% vượt quá 100% Dữ liệu tổng tỉ số phần trăm của các loại sách lớn hơn 100% (1,0đ)

Bài 5. (2 điểm).

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
5.1. Các mặt đáy. (0,5đ)	Ghi được một trong hai mặt đáy là ABC hoặc DEF (0,25đ)	Ghi được Các mặt đáy: ABC , DEF (0,5đ)	
5.2. Các mặt bên. (0,75đ)	Ghi được một trong ba mặt bên (0,25đ)	Ghi được hai trong ba mặt bên (0,5đ)	Ghi được ba mặt bên: $ABED$, $ACFD$, $BCFE$ (0,75đ)
5.3. Các cạnh bên. (0,75đ)	Ghi được một cạnh bên (0,25đ)	Ghi được hai trong ba cạnh bên (0,5đ)	Ghi được ba cạnh bên: AD , BE , CF (0,75đ)

Bài 6. (1 điểm)

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Hỏi giá tiền	Tính được	Tính được	Trình bày đến

món hàng thứ ba lúc chưa giảm giá là bao nhiêu?	Giá tiền món hàng thứ nhất sau khi giảm 25% $250\ 000.75\% = 187\ 500$ (đồng) Hoặc Giá tiền món hàng thứ hai sau khi giảm 15% $180\ 000.85\% = 153\ 000$ (đồng)	Giá tiền món hàng thứ nhất sau khi giảm 25% $250\ 000.75\% = 187\ 500$ (đồng) và Giá tiền món hàng thứ hai sau khi giảm 15% $180\ 000.85\% = 153\ 000$ (đồng)	Giá tiền món hàng thứ ba sau khi giảm 20% $504\ 500 - 187\ 500 - 153\ 000 = 164\ 000$ (đồng) Giá tiền món hàng thứ ba lúc chưa giảm 20% $164\ 000 : 80\% = 205\ 000$ (đồng)
(1,0 đ)	(0,25đ)	(0,5đ)	(1,0 đ)

uigeli.xyz

ĐỀ 34**ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I****NĂM HỌC 2024-2025****MÔN: TOÁN 7****I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3.0 điểm)***Hãy chọn một đáp án đúng nhất***Câu 1:** Trong các số sau, số nào **không** là số hữu tỉ?

- B. $\sqrt{5}$. B. $\frac{-5}{3}$. C. $1\frac{3}{5}$. D. -0,6.

Câu 2. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $-2 \in \mathbb{N}$. B. $\frac{2}{3} \in \mathbb{Z}$. C. $\frac{-5}{7} \in \mathbb{Q}$. D. $1,5 \in \mathbb{N}$.

Câu 3. Số đối của $\frac{2}{7}$ là:

- A. $\frac{2}{7}$. B. $-\frac{2}{7}$. C. $-\frac{7}{2}$. D. $\frac{7}{2}$.

Câu 4: Kết quả của $\sqrt{16}$ là:

- B. 2 B. 16 C. 4 D. $\sqrt{2}$

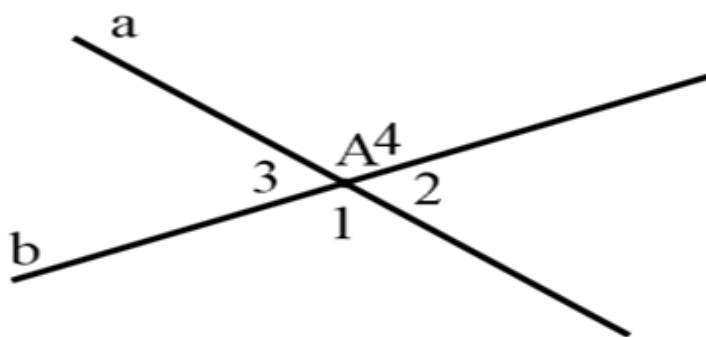
Câu 5. Số 2,571 là số

- A. Thập phân hữu hạn. B. Thập phân vô hạn tuần hoàn.
C. Thập phân vô hạn. D. Số nguyên.

Câu 6: Số $\sqrt{3}$ là số

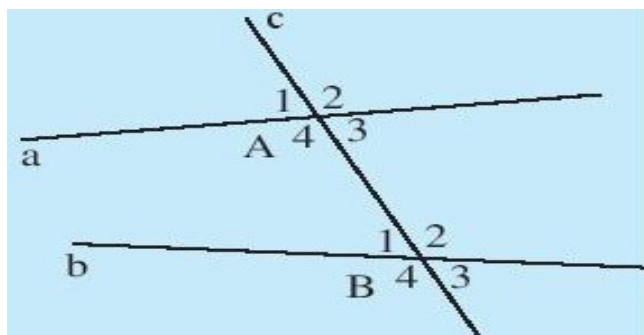
- B. Số hữu tỉ. B. Số vô tỉ.
C. Số nguyên. D. Số tự nhiên.

Câu 7. Cho hình vẽ, góc đối đỉnh với $\widehat{A}$



- A. $\hat{A}_1$. B. $\hat{A}_2$. C. $\hat{A}_3$. D. $\hat{A}_4$.

Câu 8. Cho hình vẽ, hai góc $\hat{A}_1$ và $\hat{B}_1$ ở vị trí gì?



- A. So le trong. B. Đồng vị. C. Kề bù. D. Đối đỉnh.

Câu 9: Cho hình vẽ, qua điểm M vẽ được bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng d?



- B. Duy nhất 1 B. Hai C. Ba D. Vô số

Câu 10. Điền từ thích hợp vào chỗ trống

Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với một đường thẳng thứ ba thì chúng... với nhau

- A. Vuông góc. B. Song song. C. Trùng. D. Cắt.

Câu 11. Cho bảng thống kê sau

Tỉ lệ học sinh tham gia các môn thể thao của khối lớp 7					
Môn thể thao	Cầu lông	Đá cầu	Bóng đá	Bóng bàn	Bơi lội
Tỉ lệ HS tham gia	15%	25%	30%	10%	20%

Dùng biểu đồ nào để biểu diễn dữ liệu trong bảng thống kê trên thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ đoạn thẳng. B. Biểu đồ tranh.
C. Biểu đồ hình quạt tròn D. Biểu đồ cột kép.

Câu 12. Khi tìm hiểu về sở thích đối với môn bơi lội của 5 học sinh ở một trường THCS thu được bảng thống kê sau

STT	Tuổi	Giới tính	Sở thích
1	14	Nam	Không thích
2	13	Nam	Rất thích
3	15	Nữ	Không thích
4	15	Nữ	Thích
5	13	Nam	Rất thích

Chọn phát biểu đúng nhất

- A. Dữ liệu định lượng là tuổi, stt.
C. Dữ liệu định tính giới tính và tuổi.

- B. Dữ liệu định lượng là tuổi.
D. Dữ liệu định lượng là sở thích.

II. TỰ LUẬN: (7.0 điểm)

Câu 13: (1.25 điểm)

Thực hiện phép tính:

a) $\frac{2}{5} + \frac{3}{5} : \left(\frac{-3}{2} \right) + \frac{1}{2}$

b) $\frac{5}{23} + \frac{7}{17} + 0,5 - \frac{5}{23} + \frac{10}{17}$

Câu 14: (1.75 điểm)

- c) Tìm số đối của các số thực sau : 7, 12 ; - $\sqrt{13}$

d) Tìm x, biết: $|x| = \frac{2}{3}$

- e) Làm tròn số 68658,24 với d = 500

Câu 15: (1.25 điểm)

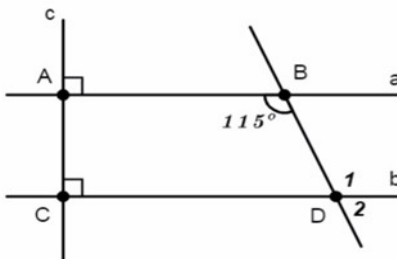
Quan sát biểu đồ đoạn thẳng dưới đây và trả lời các câu hỏi



- a) Biểu đồ biểu diễn các thông tin về vấn đề gì? Đơn vị thời gian là gì?
 b) Tháng nào có số liệu cao nhất? Tháng nào có số liệu thấp nhất?
 c) Số liệu tăng trong những khoảng thời gian nào? Số liệu giảm trong những khoảng thời gian nào?

Câu 16: (1.75 điểm)

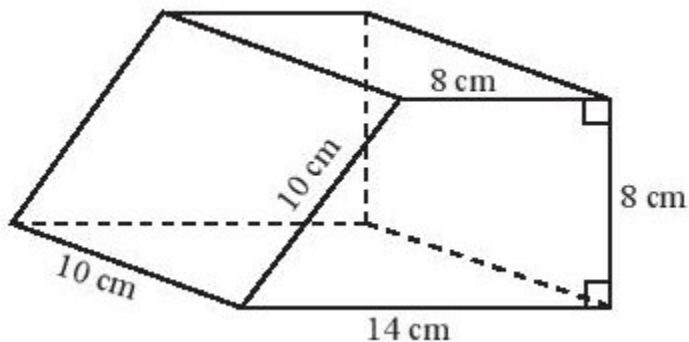
Cho hình vẽ



- g) Vì sao $a \parallel b$
 h) Tính $\widehat{D_1}$ và $\widehat{D_2}$

Câu 17: (1.0 điểm)

Bạn An dự định sơn một chiếc hộp hình lăng trụ đứng tứ giác có kích thước như hình bên. Tính chi phí mua nước sơn của bạn An để hoàn thành công việc trên, biết 1cm^2 là 3 nghìn đồng.



-----Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

I. TRẮC NGHIỆM: (3.0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/án	A	C	B	C	A	B	D	B	A	B	C	B

II. TỰ LUẬN: (7.0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Điểm
Câu 1 (1.25 điểm)	a/	

	$\frac{2}{5} + \frac{3}{5} : \left(\frac{-3}{2} \right) + \frac{1}{2}$ $= \frac{2}{5} + \frac{-2}{5} + \frac{1}{2}$ $= 0 + \frac{1}{2} = \frac{1}{2}$ <p>b/</p> $\frac{5}{23} + \frac{7}{17} + 0,5 - \frac{5}{23} + \frac{10}{17}$ $= \left(\frac{5}{23} - \frac{5}{23} \right) + \left(\frac{7}{17} + \frac{10}{17} \right) + 0,5$ $= 0 + 1 + 0,5 = 1,5$	0.25 0.25 0.5 0.25
Câu 2 (1.75 điểm)	<p>a/ Số đối của 7,12 là -7,12 ;</p> <p>Số đối của $-\sqrt{13}$ là $\sqrt{13}$.</p> <p>b/ $x = \frac{2}{3}$</p> $\Rightarrow x = \frac{2}{3} \text{ hoặc } x = -\frac{2}{3}$ <p>c/ Do d= 500 có độ chính xác đến hàng trăm nên số cần làm tròn đến hàng nghìn</p> $68\,658,24 \approx 69000$	0.25 0.25 0.5 0.25 0.5
Câu 3 (1.25 điểm)	<p>a/ Biểu đồ biểu diễn các thông tin về vấn đề: Lượng mưa trung bình trong 12 tháng năm 2021 tại Hà Nội</p> <p>Đơn vị thời gian là tháng</p> <p>b/ Tháng nào có số liệu cao nhất: tháng 8</p> <p>Tháng nào có số liệu thấp nhất: tháng 1</p> <p>c/ Số liệu tăng trong những khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 8</p> <p>Số liệu giảm trong những khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 12</p>	0.25 0.5 0.5
Câu 4 (1.75 điểm)	<p>a/ Vì $a \perp c$ và $b \perp c$ nên $a \parallel b$</p> <p>b/ Vì $a \parallel b$ nên $\widehat{D}_1 = \widehat{B} = 115^\circ$ (so le trong)</p> <p>Ta có $\widehat{D}_1 + \widehat{D}_2 = 180^\circ$ (kề bù)</p> $115^\circ + \widehat{D}_2 = 180^\circ$ $\widehat{D}_2 = 180^\circ - 115^\circ$ $\widehat{D}_2 = 65^\circ$	0.5 0.5 0.25 0.25 0.25
Câu 5	Diện tích xung quanh của chiếc hộp lăng trụ là	0.25

(1.0 điểm)	$(10+8+8+14).10 = 400 \text{ cm}^2$ Diện tích đáy của chiếc hộp lằng trụ là $(8+14).8:2=88 \text{ cm}^2$ Diện tích của toàn bộ chiếc hộp cần sơn là $400 + 88.2 = 576 \text{ cm}^2$ Chi phí mua sơn cho chiếc hộp là $576 .3 = 1\,728$ nghìn đồng (hay 1 728 000 đồng)	0.25 0.25 0.25
---------------	--	--

-----Hết-----